



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Cao Đài Giáo Lý

THU MẬU TUẤT 2018
144



NHÀ XUẤT BẢN
TÔN GIÁO

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái, cũng không phải của một cá nhân nào, hay một đoàn thể nào, mà phải là của toàn Đạo, một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, một điện đài thâu và phát những động năng thúc đẩy cho sự thống nhất giáo lý, tức là tinh thần vậy; để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.”

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế
kim viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương,
Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ, 15-02-1965.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Thu Mậu Tuất 2018 - 144

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh,
Quận 1, TP. HCM

Nhà xuất bản Tôn Giáo - 2018

CAO ĐÀI GIÁO LÝ THU MẬU TUẤT 2018 -144
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Nhà xuất bản Tôn Giáo
53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
(04) 37 822 845 – fax: (04) 37 822 841
nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc – Tổng biên tập: Nguyễn Công Oánh
Biên tập: Lê Hồng Sơn
Trình bày & kỹ thuật: Bộ phận dàn trang
Sửa bản in: Diệu Nguyên

Đơn vị liên kết
Ông Nguyễn Văn Trạch
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. HCM

Số lượng in: 1.000 bản, khổ 145 x 205 mm, tại xí nghiệp in Fahasa. 774
Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM. (08) 38 153 971 –
Fax: (08) 38 153 297. Số đăng ký xuất bản: 14-2018/CXBIPH/114-01/
TG. Mã ISBN: 978-604-61-5375-7. Quyết định xuất bản số 384/QĐ-
NXBTG, ngày 23/08/2018. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2018.

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Thu Mậu Tuất 2018 – 144

Bài vở thư từ xin gửi về
Đạo tử Diệu Nguyên
171B Cống Quỳnh
phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.HCM
0907 32 66 53
dinhthithanhmai@gmail.com

Ngân phiếu, tài chánh chung sức thực hiện
xin gửi về
Ông Quách Hiệp Hưng
Số tài khoản 02101 0046125 0015
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn
chi nhánh Tân Định

Sách ấn tống
Không bán



mục lục

- 10 Suy ngẫm
Thu về mùa thu liềm
Cao Đài Giáo Lý
- 13 Trích lục Thánh Giáo:
Bước Đại Thừa cố vượt lần lên
Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn

- 24 Trích lục Thánh Giáo:
Hãy sống theo Thiên Đạo mới hành được
Chánh Pháp Đại Thừa
Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn
- 33 Trang Thánh giáo song ngữ:
Holy Teachings of Three Achievements
Thánh giáo dạy về Tam Công
Ban Dịch thuật VHV
- 42 Trích lục Thánh Giáo:
Sự cần thiết của giới luật
- 49 Ý nghĩa hai chữ “Cao Đài”
Hồng Phúc
- 72 Tam kỳ chuyển quy nguyên vạn pháp
Diệu Nguyên
- 87 Những mẩu chuyện từ cơ bút (tiếp theo kỳ trước)
Đạt Tường sưu tầm
- 90 Nghiên cứu Văn hóa sử:
Vài danh xưng thường dùng của
Đấng Mẫu Nghi trong Cao Đài giáo
Đạt Tường và Ngô Chơn Tuệ
- 98 Độ sanh độ tử hai vai cũng đồng
Diệu Nguyên
- 117 Tụ thấp sáng hiện hữu
Thiện Chí

- 121 “Thương nhau chín bỏ làm mười”
Diệu Thuận
- 125 Giao cảm mùa thu
Xuân Mai
- 132 50 năm theo đuổi một tiếng chim
Bù Tọt Núi
- 137 Trang thơ:
Ơn Thầy Mẹ
Minh Nguyệt
Vu Lan nhớ Mẹ
Đặng Kim Thuận
- 139 Bản thể luận và hiện tượng luận
Nhân tử Nguyễn Văn Thọ
- 156 Công thành thân thoái
Chơn Minh
- 163 Thư gửi bạn
Đại Tâm Pháp
- 165 Chế độ ăn uống lành mạnh ở người lớn
Phương Trúc
- 167 Trang Kiến thức Y học:
Sự khác biệt giữa
Vi-rút (Virus) và Vi khuẩn (Bacteria)
Sự lây lan và cách phòng ngừa
V.T tổng hợp

- 176 Đọc báo:
Bí mật trường thọ của hòn đảo có tới
1/3 dân số trên 90 tuổi
Phong Hiếu sưu tầm
- 180 Ca cổ:
Phước huệ song tu
Đạt Thật
- 183 Trang Gia Chánh:
Đậu hủ Tứ Xuyên
Hồng Tuyết
- 185 Theo dòng Đạo sự
Thanh Hiến
- 188 Truyện tranh:
Ngài Ngô Văn Chiêu: Môn đệ đầu tiên của Cao Đài (kỳ 11)
Lời: Bửu Long
Vẽ: Cọ Trắng

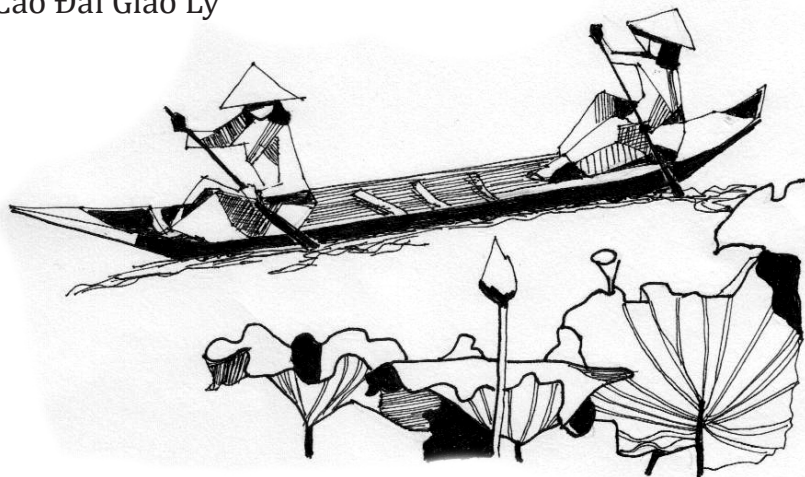
CHÚ THÍCH ẢNH

Bìa 4: Lễ Hội Yến Bàn Đào tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo 2017

SUY NGÃM

Thu về Mùa thu liễm

Cao Đài Giáo Lý



Minh họa: Cọ Trắng

Tiết trời đã vào Thu, những đám mây xám làm bầu trời thấp xuống và mưa rả rích, những hàng cây co lại trong gió Thu lạnh lạnh, mọi người ngần ngại ra ngoài mà tâm hồn hình như cũng lắng đọng nỗi niềm riêng...

Trời Đất im hơi lặng tiếng trong lúc bốn mùa vẫn xoay vần. Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàng. Nếu thiên nhiên chỉ có một mùa thì vạn vật làm sao chuyển biến theo những chu kỳ để tiến hóa. Khi sức sống đã vươn lên cùng cực từ Xuân đến Hạ

thì nhựa cây bắt đầu thu rút lại, lá xanh đổi màu vàng úa, rồi lần lượt rụng rơi, báo hiệu Thu về...

Trời Thu, cảnh Thu, cây cỏ mùa Thu làm cho lòng người man mác buồn; bao thi nhân xúc cảm với Thu bằng những lời thơ tiếng nhạc thương tiếc, nhớ nhung, tuyệt vọng... Nhưng đối với thiên nhiên, Thu không phải là mùa hủy diệt, tàn phai, mà chỉ khiến cho muôn loài dừng lại sự phô diễn, phát tiết sinh lực ra ngoài cảnh để un đúc tiềm lực quang năng, chuẩn bị cho giai đoạn sống còn kế tiếp.

Thế nên, đối với người biết Đạo, không có “Thu sầu” hay “mùa Thu chết”. Lá Thu rụng đến tro cành có nghĩa dứt bỏ thương tình để bảo tồn lẽ sống đạo nội thân. “Sương Thu lạnh, gió Thu hiu hắt”... “giọt mưa Thu” thánh thót không phải để hành giả buồn thương lãng mạn mà để quay về với nội tâm thanh tịnh.

Vậy ý nghĩa thâm trầm của mùa Thu là thu liễm. Đối với thiên nhiên, mùa Thu có sứ mạng thu liễm tinh ba đất trời, thì đối với Thiên cơ, người hướng đạo có sứ mạng thu liễm thiên lý vận hành bên ngoài để triển chuyển quyền pháp bên trong. Nên Đức Vân Hương Thánh Mẫu từng thổ lộ vào một mùa Thu:

“Dầu muốn biết hay không muốn biết thì sứ mạng thu liễm của mùa Thu vẫn phải mang nhiều gió mưa ảm đạm và mầm sống phải tiềm phục trong gió rét Đông thiên. Công cuộc tiến hóa êm đềm không hơi không tiếng ấy đã mạc khải cho những người hành giả bao nhiêu là lý đạo. (...)

Mỗi độ thu sang, không phải chỉ có tự bây giờ, mà nó đã có từ lâu, Đức Vô Cực Từ Tôn ban rải hồng ân đến thế gian cho khắp cùng con cái để đầy đủ tứ khí thiên nhiên. Con cái sẽ tự ấp ủ, un đúc giá trị bất biến đã tiếp nhận từ nơi Đấng Trọn Lành.

*Ngày nay chư Thiên ân và đạo tâm đang thực hiện sứ mạng
thâu liễm trên mảnh đất nhỏ bé này để tạo lập cõi đời thánh đức
theo đúng Thiên cơ, thì thời tiết nắng mưa chỉ là những động năng
thúc đẩy cho sự kết tinh được đầy đủ nhân lành giống tốt để chờ
đến lúc phục sinh.”¹*

Truyền thống Hội Yến Bàn Đào hằng năm của Đại Đạo cũng nhằm đem lại ý thức thâu liễm cho hàng con tin của Thầy Mẹ. Và hơn nữa nhắc nhở tình thương Vô Cực đang bao trùm chúng sanh để người hướng đạo vững lòng thi hành sứ mạng trong thế Thiên nhân hiệp nhất đặc biệt của Tam Kỳ Phổ Độ.

Mỗi mùa đều mang một ý Đạo, Thu về ý Đạo cũng theo về để khai ngộ cho người tu và hơn nữa cho những người nặng mang lý tưởng Đại Đạo, cái lý bất biến tương quan giữa con người và Trời Đất, sự vận hành động tịnh của đạo tự nhiên, để bao giờ cũng sống đạo hành đạo phù hợp với thiên lý mà không ủy mị những lúc cảnh đời tang thương đen tối. Vì, như Mẹ dạy:

*“Còn Xuân Hạ thì còn Thu tới,
Tới hồng trần để gởi niềm riêng,
Hồng trần đang lúc đảo điên,
Tang thương cảnh vật, ngửa nghiêng đạo, đời.
Mưa Thu rưới cho vui lửa Hạ,
Trăng Thu soi mát cả lòng người,
Hương Thu nhụy thấm hoa tươi,
Lòng Thu, Thu vẫn vì đời thiết tha.”²*

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Đinh Tỵ (26-9-1977).

2. Thánh Thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

Bước Đại Thừa cổ vượt lần lên

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979)

LỄ VÍA ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN

THI

Nhẹ lướt đường mây hộ giá loan,¹

Chào chư Thiên mạng tại trung đàn,

Tu công lập đức dường bao nhĩ,

Để được Từ Tôn phước huệ ban.

VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU. Bản Tỷ² chào chư Thiên ân hướng đạo, chào mừng các em đạo tâm nam nữ.

Giờ này, Bản Tỷ hộ giá Mẫu Hoàng giáng lâm để ban ơn cho chư Thiên ân hướng đạo cùng toàn thể con cái của Mẹ trong ngày lễ Trung thu.

(..) Lâu quá không có dịp hầu chuyện cùng các em. Nhân giờ

1. Giá loan: gốc chữ Hán là loan giá 鸞駕 (xe của vua), ở đây là xe cho tiên đi.

2. Bản (bổn) 本 là chữ mà cá nhân (hay cơ quan, doanh nghiệp) ngày xưa tự xưng: quan chức tự xưng “bản quan”/ “bản chức”; tờ báo xưng “bản báo”; quán tiệm xưng “bổn tiệm”/ “bổn quán”. Ở đây “bản tỷ” chỉ là “tỷ” (chị).

này giá loan chưa đến, Bản Tỷ thân mật đôi lời gửi gắm lại các em Thiên ân hướng đạo và toàn thể các em nam nữ. Mời các em ngồi tạm trong giây phút. Xin gọi nhau chị em như tự thuở nào cho vui vẻ các em nhé.

(...)

Này các em! Điều mà Bản Tỷ muốn phân bày với các em hôm nay không chi lạ, cũng trong trách nhiệm phổ thông giáo lý của em, hay nói đúng hơn là Chị muốn nói kỹ lại về những lần đã chỉ dạy trước của các Đấng và của Chị.

Em ôi! Như các em đã biết, Đạo là danh từ gượng đặt để biểu thị một khí thể bao la trùm khắp.³ Trời đất vạn vật mỗi mỗi đều do khí thể ấy làm sự sống phát động vận hành, từ lớn nhất là vũ trụ, nhỏ nhất là hạt vi trần, đều là Đạo cả.

Thế nên người hành đạo là sửa đoan những điều sai thô và hành đúng cái Đạo tự hữu của con người cho hợp Thiên lý, hơn tâm. Kể những điều thành bại bỉ thối, đối với người có Đạo, đó là lẽ tự nhiên, mà bốn phận con người là tùy thời góp tay dựng xây thế cuộc. Phương chi mọi sự mọi vật trên cõi đời, không có vật gì sinh diệt mà không có nguyên nhân. Đã có nguyên nhân là có khởi thủy và kết chung. Người tỏ sáng đạo Thường biết lạc quan để sẵn sàng xây dựng cảnh đời bi quan trước mắt. Dù ít hay nhiều cũng đã thị hiện được cái đức của Trời đất trong lý Đạo vận hành. Phật thường gọi là tâm vô sai biệt, vô phân biệt.

3. Đạo Đức Kinh (chương 25): “Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết Đạo.” 吾不知其名, 字之曰道 (Ta không biết tên của nó, bèn đặt tên nó là Đạo). Thanh Tĩnh Kinh: “Ngô bất tri kỳ danh, cưỡng danh viết Đạo.” 吾不知其名, 強名曰道 (Ta không biết tên của nó, bèn gượng đặt tên nó là Đạo).

Tiên gọi là đạo Thường. Nho dạy đó đạo Trung Dung hay Trung Hòa cũng thế.

Trong sứ mạng của người Thiên ân hướng đạo hiện tại là thực hiện Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục nhứt, thì những điều Chị vừa bày tỏ cũng không khác, hẳn các em đã nắm vững. Người hành đạo luôn luôn thông dong, dù có sống trong cảnh tần phiến bận rộn, nhưng có ai chiếm được lòng tự do tự hữu của mình đâu. Ngược lại, nếu tự đặt mình vào một khuôn mẫu bán mua đổi chác thì cảnh thành bại nhục vinh đó là chuyện thường.

Chị nói thế, các em ý thức mà giúp đời và chuẩn bị hành trang cho đoàn sau tiến bước mang Đạo vào đời.

Các em biết những hành trang đó chưa các em? Các em hãy suy gẫm. Cao Triều Tiên Bối đã dạy các em tu học là để hành đạo chứ không phải tu học là để bi quan ẩn dật, khoác áo thiết giáp là để xông pha vào bể khổ rừng thâm, chứ không phải khoác thiết giáp để trốn đời, nhưng không bị vòng danh lợi kèm tỏa buộc ràng, sau khi tròn nhiệm vụ lại ung dung tiêu sái.

Những hàng Giáo Tổ, bậc Thánh như ngày xưa chúng đắc chính quả tối tri là thế đó.

Điều thứ hai là đức tin. Đây là phần rất quan trọng. Thì giờ giới hạn, Chị nói đại ý, các em tự lãnh hội.

Các em đặt trọn niềm tin vào Thượng Đế, vào các Đấng Thiêng Liêng qua linh cơ diệu bút để giác ngộ khỏi mê, giúp các em thức tỉnh tiến bước hành đạo phản bổn hoàn nguyên, Chị cho là đúng. Đó là phần hướng lên. Còn phần hướng nội là tự xem chính mình có thật sự tin hay không. Đã tin thì chính mình là Đạo, phải thay Trời mà vận hành tự cường bất

tức. Có như vậy các em mới thực hiện được sứ mạng, hay nói rõ hơn là các em – mỗi người Thiên ân hướng đạo – phải tự nhận trách nhiệm của mình. Thánh ngôn thánh giáo là kim chỉ nam để chỉ đường dẫn lối. Tự mỗi các em phải ý thức mà hành sự.

Các em cũng đừng băn khoăn về việc nhiều cơ bút khác nhau. Điều đó các Đấng Thiêng Liêng đã dạy trước rồi, tùy theo căn cơ của mỗi người. Nếu các em thấy tự tin tự túc thì chớ tìm đến, bằng nếu thấy thiếu chi ngoài đạo lý thì tùy duyên phận của mỗi người, dầu Nam Tào Bắc Đẩu cũng không ngăn được.

Thôi, Đức Mẹ sắp đến, các em thành tâm nghinh tiếp. (...)

TIẾP ĐIỂN

Mẹ linh hồn các con. Mẹ mừng các con nam nữ.

Vừa qua, trong Hội Công Đồng Tam Giáo, Đông Phương Lão Tổ và Giáo Tông Thái Bạch có trình tấu về công phu, công quả của các con. Mẹ rất vui mừng, thỉnh Ngọc Sắc Chí Tôn Thượng Đế, nhân đại lễ Trung Thu Hội Yến Bàn Đào, Mẹ sẽ ban ơn cho các con nam nữ các khóa tu trong năm Kỷ Mùi. Mẹ miễn lễ, các con đồng an tọa.

Nhìn các con lo tu lo học, lo lập đức bồi công tùy phạm vi sở năng sở hữu mà Mẹ vui. Mẹ ban ơn cho các con tịnh viên từ Cơ Quan đến các tịnh trường Thánh thất Thánh tịnh trong hai đợt tịnh liên hoàn và trọn khóa tịnh Hạ chí. Các con rất lòng thành kính, dầu còn một đôi chút sơ sót lỗi lầm do phóng tâm vọng niệm, phàm ý dấy lên, nhưng cũng được chư Thiên Hộ Pháp hoan hỷ không ghi vào phúc khải. Mẹ nói để các con vui mừng

mà trau dồi cho toàn vẹn.

Phần các con có trách nhiệm trong Ban Cai quản các Thánh thất đã ý thức nhận lấy trách nhiệm góp phần giám hộ tịnh trường để khóa tu viên mãn, Mẹ để lời ngợi khen và ban ơn cho các con. Các con biết được ơn, hãy dọn mình để đồng hành trong đường Thiên đạo, giục vó Đại thừa khắp nẻo trần gian. Tuổi đời không chờ đợi các con, hãy cố gắng công phu công quả.

Tiếp theo, Mẹ ban ơn cho các con đã dự khóa Thu phân, một khóa tu đầy đủ ý nghĩa trên tiền đồ Đại Đạo, một ý thức về sự tu chứng cho hàng hướng đạo chơn tu. Phần này Bác Nhã Thiền Sư cũng đã dạy ít nhiều cho các con Thánh Hội, Cơ Quan cùng hiểu. Mẹ để lời ban ơn tất cả đôi bên. Các con tiếp tục siêng tu siêng học giúp đỡ người đời, làm sáng điểm Đạo tự hữu của họ. Đó là sứ mạng Thiên ân chấp trì quyền pháp của con đó vậy.

Mẹ ban ơn cho các con lớp Dự Bị Tiến Đạo, phải cố gắng siêng năng tu học về đạo hạnh tác phong và chí ham tu cầu Đạo. Đừng thấy cửa đạo pháp Đại thừa vào ra dễ dàng mà mang trọng tội nghe các con.

Phần các con Nhị Cơ Tiến Đạo, Mẹ mừng và khuyên các con học phải hiểu. Có hiểu lý uyên thâm của đạo pháp thì tâm mới kiên thật tri hành.

Đây Mẹ ban cho các con quả đào tiên cùng quỳnh tương tửu để đến giờ thiết yến các con đồng hội yến.

Muôn cánh hoa sen trở cõi đời,
Nhờ bùn sen mới được xinh tươi,
Gương sen khiết tịnh, hương sen nức,
Phiền não bồ đề cũng thể thôi.

THI

Đất phìên não bồ đề vun xói,
Lìa thế gian sao tới niết bàn,
Vào đời nhục thể phải mang,
Muốn sang bể khổ nhờ toàn rước đưa.
Thang tiến hóa con vừa cất bước,
Bước Đại thừa cố vượt lần lên,
Biết tu tánh Đạo chí bền,
Có giồi trau mới trở nên ngọc lành.
Cõi hậu thiên thân sanh vào đó,
Điểm tiên thiên sẵn có nơi thân,
Là mầm sống, là nguyên thần,
Là Trời, là Đạo, là Nhân của người.
Biết đặt rồi con ôi ráng giữ,
Giữ đừng cho các thứ nhiễm ô,
Lục căn thanh tịnh bày phô,
Đừng đem vọng ý mà tô điểm vào.
Hễ một niệm khơi màu trần tục,
Tham sân si gây phút dấy loạn,⁴
Đậy che một ánh linh quang,
Che mờ chơn tánh lớp màn vô minh.
Con còn chẳng biết mình đâu đấy,
Thì làm sao con thấy tội tình,
Thế nên lịch kiếp tử sinh,⁵
Đa mang nghiệp lực tiến trình khó khăn.

4. Loàn: loạn, đục loạn cho hợp luật bằng trắc.

5. Lịch: trải qua. Lịch kiếp tử sinh: trải qua bao kiếp luân hồi sinh tử.

Kỳ ân xá vô ngần duyên phước,
Một kiếp tu mà được đắc thành,
Thoát vòng hệ lụy tử sanh,
Nghiệp xưa trả dứt, quả lành kết tinh.
Vào tịnh thất dọn mình tu luyện,
Chốn thiền phòng cải tiến dục tâm,
Ngó nghe nói tướng vững cầm,
Thu vào hang trống mà tầm chủ ông.
Thiền là tâm huyền công luyện kỹ,
Tâm là thần nhứt lý dung thông,
Ở trần chẳng dính bụi hồng,⁶
Ở trong sinh diệt thoát vòng diệt sinh.
Chủ tình thức tâm linh chiếu diệu,
Thấu suốt điều thọ yếu cùng thông,
Tự do tự tại thông dong,
Vào ra thấy tánh chơn không hiện bày.
Đó cũng là bốn lai diện mục,
Cội rễ người chẳng chút chi li,
Thù đồ vạn tượng đồng quy,
Trời người một đạo chấp trì một tâm.
Cõi nê hoàn Mẹ châm cúc tửu,
Vào Cao Đài Mẹ trụ sanh quang,
Rồi con đến đó hội bàn,
Đủ đầy sức sống vững vàng độ nhân.
(..)

6. Bụi hồng: chữ Hán là hồng trần 紅塵, tức cuộc đời, cõi trần gian, cõi thế gian.
Trần 塵: bụi.

Mẹ ban ơn cho các con hộ tịch ẩm thực trừ phòng đã có tâm lành ý đẹp trong sự hy sinh giúp bạn, dầu là công quả nhỏ nhưng rất đáng ngợi khen. Mẹ mừng cho các con.

Mẹ ban ơn cho mấy đứa nhỏ, tuy chúng nó còn khờ, không được nhiều công trình công quả như các con, nhưng với lòng trong trắng chí thành đã vẽ nên lời thơ giọng hát để hiến dâng lên cho Mẹ. Mẹ rất cảm động và ban ơn cho các ấu nhi.

(...)

Tiếp theo đây, Mẹ ban ơn cho các con trước Yến Bàn Đào.

PHÚ

Thu Kỷ Mùi các con đồng tâm hiệp sức,
Sắp lễ nghi muôn thức hiến dâng,
Cũng không quên những con bạc phước vô phần,
Đem chia sót tình thương cho mọi kẻ.
Mặc dù đôi cánh én không đem lại một mùa xuân đầy mát mẻ,
Nhưng đó cũng là báo hiệu tiết xuân sang,
Cho hành nhân góp nhặt cánh mai vàng,
Cho lũ khách biết đông sắp tàn cơn giá rét.
Yến Bàn Đào các con đã đem trần thiết,
Có rượu trà bánh mứt với hương đăng,
Có quả hoa đủ sắc, có cỗ bàn,
Có đủ mặt nữ nam lớn bé.
Có các nơi quây quần về cúng lễ,
Có thi văn kinh kệ ngâm nga,
Có tình thương chan sẻ hiệp hòa,
Mẹ chứng lễ và Cửu Nương tiếp lễ.
Có Tiên Phật chín trùng hộ vệ,
Có Tiền Khai Đại Đạo tôn linh,

Có chơn linh phụ mẫu các trẻ đã viên thành,⁷
Đông triều lễ⁸ trước thắm xanh hội yến.
Hội Bàn Đào tượng trưng cho vòng luân chuyển,
Một chu kỳ trái chín với mùa thu,
Để gọi lòng các trẻ rắng lo tu,
Cơ sàng sẩy phân phàm lọc thánh.
Phải cố gắng trau giồi đức hạnh,
Phải kiên trì tu tánh tu tâm,
Trước là lo tự độ lấy nhơn thân,⁹
Và tế độ tha nhơn trong bể hoạn.¹⁰
Hội Yến để nhớ con còn sứ mạng,
Là Thiên ân gánh đạo bước vào đời,
Thức tỉnh người trong biển khổ chơi vơi,
Sống cõi tạm cuộc đời sớm tối.
Nếu đời chẳng đắm chìm trong tội lỗi,
Nếu đời không lặn lội chốn mê tân,¹¹

7. Viên thành 圓成: thành tựu viên mãn, thành công trọn vẹn.

8. Triều lễ 朝禮: bái kiến và thi lễ.

9. Trước là tự độ bản thân mình.

10. Tế độ 濟渡: cứu giúp. Tha nhơn 他人: người khác. Bể hoạn: bể khổ, chữ Hán là hoạn hải 患海. Chữ hoạn 患 này (như trong bệnh hoạn, hoạn nạn) khác với chữ hoạn 宦 (làm quan, thái giám): hoạn quan 宦官 (thái giám), hoạn lộ 宦路 = hoạn đồ 宦途 (đường công danh, quan lộ), hoạn hải 宦海 (chốn quan trường).

11. Mê tân 迷津: bến mê (Tân 津: bờ bến, bến đò), trái nghĩa là giác ngạn 覺岸 (bờ giác ngộ). Ngạn 岸 là bờ sông bờ biển. Mê muội ví như sông biển, từ bến mê vượt tới bờ bên kia (đáo bỉ ngạn 到彼岸) tức là giác ngộ, cho nên đáo bỉ ngạn (tới bờ kia) có nghĩa là giác ngộ.

Nếu đời không đắm đuối kiếp trầm luân,
Thì Thượng Đế có sắp chi hàng Thiên ân sứ mạng.
Đêm tăm tối mới cần dùng ánh sáng,
Bịnh ngặt nghèo mới cần vạn bóng lương y,
Lúc thiên tai mới mong đợi kẻ cứu nguy,
Khi mặt pháp mới cầu chơn truyền chánh pháp.
Muốn giải thoát con phải giải trừ nghiệp chấp,
Muốn huyền đồng con phải vô ngã vô nhân,
Muốn phối Thiên phải gột rửa lòng trần,¹²
Muốn tịch diệt đủ đầy nhân trí dững.¹³
Nhân là thương khắp muôn loài vạn chủng,
Không biệt phân nòi giống lạ hay quen,
Cũng không chia cao thấp sang hèn,
Thương kẻ ghét mình mà lo tế độ.
Trí là biết tri hành mà thoát khổ,
Biết lòng người và biết chỗ thị phi,
Biết những gì phải, trái bỏ đi,

12. Huyền đồng = phối thiên: tiểu linh quang trở về hòa nhập khối Đại Linh Quang, muốn vậy thì phải có tâm vô sai biệt, không chấp ngã (tự ngã, cái tôi) và không chấp nhân (tha nhân, người khác), nên gọi là vô ngã vô nhân.

13. Tịch diệt 寂滅: dứt bỏ mọi ràng buộc của thế gian để vào cõi niết bàn (Nirvāna). Đó là dịch ý của thuật ngữ Nirvāna (niết bàn): Kỳ thể tịch tĩnh, ly nhất thiết chi tướng, cố vân tịch diệt 其體寂靜離一切之相故云寂滅 (thân thể vắng lặng, rời bỏ mọi tướng [thế gian] cho nên gọi là tịch diệt). Do đó tịch diệt cũng hiểu là cõi niết bàn.

Biết tiến thoái, biết tùy doi nương vịnh.¹⁴

Dũng là dám chế kèm vọng tính,
Dám đoạn trừ bất chính nơi tâm,
Dám hy sinh vì đạo nghiệp mà làm,
Dám chuyển hóa lòng tham sân si dục.

Các con rất hữu duyên mà được dự Yến Bàn Đào với Mẹ và chư Thiên. Mẹ nhìn lại còn những con khác chưa được như các con, lòng Mẹ rất thương xót. Chúng nó thiếu mọi phương tiện để đến với Mẹ như các con. Thế nên trong giờ dự yến, các con hãy để giây phút lắng đọng tâm tư hướng về những con ấy.

Mẹ dạy bao nhiêu đủ rồi, các con hãy giữ lòng thanh tịnh mà dự yến cùng chư Phật Tiên.

(..)

Lời sau cùng, Mẹ nhắc nhở các con giữ chánh tâm, hành chánh đạo thì sẽ luôn luôn sẵn có một khoảng trống an lành sẵn dành cho các con trong cơ cộng nghiệp. Chỉ sợ các con thiếu đạo đức để hưởng khoảng trống đó mà thôi.

Mẹ ban ơn lành các con.

NGÂM

Các con ghi nhớ mấy lời,
Tu thân hành đạo xây đời Thượng ngươn,
Mây lành muôn trượng đỡ chơn,
Giã từ các trẻ, cung đờn Mẹ về.
Thăng.

14. Doi: doi đất là chỗ đất nhô ra dọc sông biển. Vịnh: chỗ từ bờ biển thụt vô đất liền. Tùy doi nương vịnh: uốn chuyển tùy hoàn cảnh.

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

Hãy sống theo Thiên Đạo mới hành được **CHÁNH PHÁP ĐẠI THỪA**

Vĩnh Nguyên Tự

Tuất thời, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976)

NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN. Lão chào chư tịnh viên nam nữ. Lão rất hoan hỷ thấy chư tịnh viên giữ lòng thanh tịnh, dầu còn một ít phóng tán tâm tư, nhưng cũng đáng được ngợi khen vì biết chú tâm vào bốn phận của tịnh viên theo thánh ý, nên đem lòng chơn thật cố gắng nhiếp thân để trọn lành trọn tốt. Vì vậy mà hôm nay Lão giảng đàn để đôi lời giải lý thêm về công phu thiền định. Lão miễn lễ, chư hiền đệ hiền muội đồng an tọa.

Chư hiền đệ hiền muội vừa bước vào trường Đại thừa để thực hiện Thiên đạo cứu cánh nhơn sanh, Lão xét thấy sự giác ngộ của mỗi người đều hướng về Thượng Đế Chí Tôn để giải thoát bao nhiêu phiền não bao vây trong kiếp sống hiện tại ngõ hầu bước sang đường an nhiên thanh tịnh để sống với sức sống thiêng liêng và xây đắp một nền tảng đạo lý cho chính mình, cho chúng sanh bá tánh. Dầu rằng căn trí chưa đồng đều, lý tưởng

chưa hòa hợp song cũng có thể gặp gỡ với nhau khi đi sâu vào đạo pháp.

Hiện diện các tịnh viên trong đợt tu dưỡng này đều ở vào bước Sơ Thiền. Tuy là Sơ Thiền nhưng tâm đạo sáng chói, nhờ vậy mà lặng lẽ chiếu soi cũng hiển lộ được tâm chơn thường trong khi tham thiền tịnh tọa. Không phải nhờ ở tha lực mà tự lực là chỗ tất yếu của thiền sinh. Từ chỗ sơ phát của tâm lần lần đến bậc vô thượng chánh đẳng, chánh giác, không đòi hỏi người hành giả phải hy sinh mọi mặt như tự ngàn xưa đúng quy giới tu trì, chỉ cần hành giả có một tâm nhứt như tiến đạo đến chỗ thâm sâu cùng lý tận tánh, giải thoát hết mọi ràng buộc chung quanh, mới được quang minh khai phóng nhìn suốt sự vật để hòa mình tu kỹ luyện công, hòa mình cảm hóa như sanh, hoằng dương chánh pháp đúng theo thời kỳ nguơn hội ân xá của Đức Chí Tôn.

Chư hiền đệ hiền muội! Trong hai ngày thiền định, nếu tự hành giả chưa biết quyền năng sở hữu của chơn tâm nhưng tự nó đã hiển lộ trên từ bước đi, từ nét mặt. Cứ an nhiên lặng lẽ để tự nhiên phát tâm hành giả vô ngại vô tư, đó là kết quả của sự tham thiền tịnh định cho hành giả vậy.

Lão nhận thấy có nhiều hồng quang điển còn yếu ớt vì chưa hiểu sự ích lợi công phu tịnh tọa như thế nào và kết quả những gì, khi xả thiền, cũng không nhận được những ấn chứng gì trong giờ tịnh tọa. Chư hiền đệ hiền muội đặt niềm tin mà học đạo là lẽ thường, phải hiểu đạo, phải tin đạo bằng tâm thì hành đạo mới đạt kết quả. Kết quả đó cũng chưa đúng mức đại thừa. Phải hiểu đạo, hành đạo, học đạo bằng khí thì đạo mới thâm sâu. Tuy ở bậc sơ thiền cũng cần hiểu qua điều ấy. Đốn

hoặc tiệm, tùy nơi giác ngộ của người hành giả có quyết tâm giải thoát hay không. Khi đã quyết tâm giải thoát, dầu ở trong hoàn cảnh nào, ở thời kỳ nào, cũng có thể giải thoát được. Quyết tâm giải thoát là không để ngoại cảnh chi phối được tâm, không để tâm bị ràng buộc vào tứ tướng¹ lục trần². Bởi tứ tướng, còn nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả; lục trần là bụi cát bám lấy lục căn³ dấy động không giờ tịnh khiết. Lão dạy như thế không phải bảo chư hiền đệ hiền muội phải rũ bỏ tất cả thế sự, cát ái ly gia⁴, đem thân vào khổ hạnh. Lão chỉ dạy chư hiền đệ hiền muội hãy sống theo Thiên đạo mới hành được chánh pháp đại thừa.

Kìa xem trời đất bao la che chở, không vì kẻ ác, không vì người thiện, không vì sự kính yêu của vạn loại, cũng không vì sự ghét bỏ của sự vật nào, vẫn xuân hạ thu đông, vẫn mưa hòa gió thuận cho cây cỏ xanh tươi, non sông đẹp đẽ, nhơn loại an vui hạnh phúc. Thiên đạo là như vậy.

Người hành giả quyết tâm học chánh pháp đại thừa là có sứ mạng cao cả để thực hành Thiên đạo trong xã hội. Nhân loại luôn luôn bị chi phối [bởi] những biến dịch tuần hoàn, mỗi giống

1. Tứ tướng 四相: ngã tướng 我相, nhân tướng 人相, chúng sanh tướng 眾生相, thọ giả tướng 壽者相.

2. Lục trần 六塵: sắc 色, thanh 聲, hương 香, vị 味, xúc 觸, pháp 法. (cũng gọi lục xứ 六處, lục cảnh 六境). Lục trần là sáu cảnh diễn ra trước lục căn, khiến lục căn sanh ra lục thức.

3. Lục căn 六根: nhãn 眼, nhĩ 耳, tỵ 鼻, thiệt 舌, thân 身, ý 意. Nếu bị lục trần lôi cuốn thì lục căn thành lục tặc (sáu tên giặc).

4. Cát ái ly gia 割愛離家: cắt đứt tình ái và rời bỏ nhà. Chữ 割 âm Hán Việt là cát (nghĩa là cắt); cát và cắt thường bị đọc lẫn lộn.

dân tùy theo địa phương phong tục tập quán để cấu nhiễm vào tâm chơn thường, lần lần tạp nhiễm ấy biến con người trở nên tham dục. Vì chỗ vật dục sở tế mới có ly loạn như tâm, vì như tâm ly loạn mới gây nên thiên tai địa ách. Sự liên hợp giữa con người hữu hình cùng các giới vô hình đều được cảm ứng liên quan chặt chẽ.

Vì vậy, các hàng giáo chủ xưa kia muốn đánh thức giấc ngủ triền miên say đắm của dân tộc, của nhân loại, phải tự mình thể nghiệm trước để tìm thấu hiểu nguồn cội hạnh phúc vĩnh cửu cho nhân loại. Khi nhận thức được chân lý tuyệt đối mới lập thành tôn giáo trong một quốc gia để khai phóng con đường hồi sinh giác ngộ. Từ một tôn giáo đến một quốc gia, đến xã hội nhân loài, cái chủ đích ấy không giáo chủ nào không thực hiện. Thế thì người tu hành học đạo mong được giải thoát là phải mang vào sứ mạng đại thừa. Chư hiền đệ có hiểu đại thừa là thế nào chăng? Sao gọi là sứ mạng đại thừa? (...)

Hiện tình thế sự ngày nay đã làm cho chư hiền đệ muội nói riêng, mọi người nói chung đều bỡ ngỡ và mù mịt ở tương lai, hay thấy đời sống trở ngại, đó là những thường tình thế sự. Người tu học đại thừa không phải như vậy. Người tu học đại thừa phải hành Thiên đạo. Thiên đạo tức là đường lối giải thoát của người tu. Giải thoát mà Lão muốn nói đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp nhưn, chấp đạo, chấp pháp, tất cả đều “Không” mới là giải thoát.

Đứng trước một xã hội tao loạn, người giải thoát phải tự giải thoát cái tao loạn ở tâm mình để biến hoàn cảnh hiện tại tao loạn trở thành an nhiên, đó là giải thoát.

Đứng trước vật chất vinh hoa phú quý, danh lợi đầy đầy

sáng chói, người tu học Thiên đạo Đại Thừa phải nhắm vào sự sáng chói của tâm, sự tịch tịnh của tâm, như núi Thái Sơn sừng sững trước gió loạn sấm chớp vẫn không lay chuyển, đó là giải thoát.

Ở vào cảnh vinh sang phú túc, nệm gấm chăn êm mà tâm vẫn an nhiên thanh tịnh như ngồi trên nệm cỏ bờ, như uống nước suối trong veo, như ăn những quả đào ngon ngọt, không thấy tâm động vì có đó mà phải tha thiết, vì mất đó mà phải rối loạn, đó là một giải thoát nữa.

Đứng trước nghịch cảnh trái ngang, nhưng tâm vẫn thấy như ngồi trên bàn thạch, hoặc ở chỗ thanh thoát bao la để biến hoàn cảnh ấy như gió thoảng như mây bay tụ tan không ngừng nghỉ, đó cũng là một phương giải thoát.

Ở vào hoàn cảnh bị động vì các lý do sống còn nhưng tâm vẫn an nhiên thanh tịnh để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề như cá trong nước, như rồng trong mây, có thể hòa hợp tâm linh trong vũ trụ, cho tâm khỏi dao động mới hòa mình với nếp sống hiện tại, từ việc to tát đến việc nhỏ nhen vẫn là một con số không trong cái có, đó cũng là phương giải thoát.

Tất cả Lão vừa phân qua đó, sơ lược đó, còn các mối nghiệp lực như thê tử, như phận sự là người con, người dân, vào bên trong như lục đục thất tình, xưa nay ai biết tu hành đều có bàn đến, những thứ ấy lại phải giải thoát bằng một phương pháp khác hơn, là phải tự mình giải quyết mọi vấn đề bằng bốn phận, bằng nội tâm. Khi tâm sáng suốt thì bốn phận nào cũng là bốn phận phải hoàn tất. Nói như vậy, có lẽ chư đệ muội nghĩ rằng nếu phải hoàn tất thì giờ còn đâu học đạo tu trì. Đó là đạo, đó là tu trì.

Muốn song tu tánh mạng, không đợi thời gian tuổi tác, càng sớm bước càng hay, càng sớm bước càng đủ điều kiện để giải quyết bốn phận của chính mình trên con đường giải thoát. Nên Phật thường nói: “Lìa sanh tử không có niết bàn”. Phải chấp nhận như vậy, chấp nhận mà tâm không chấp nhận, tâm không chấp nhận thì tâm an nhiên, tâm an nhiên, mọi việc cũng sẽ an nhiên. Bởi tâm động nên tình đời mới động, nếu tâm lặng lẽ thì tình đời do đâu mà dấy động? Muôn việc do tâm, vạn pháp cũng do tâm, tâm chánh thì pháp chánh, tâm không sanh thì pháp không trụ. Pháp không trụ, tâm không sanh sẽ phát hiện linh quang từ chỗ nguyên sơ sáng chói vậy. Đây chỉ là mới bước đầu tiên của những người muốn giải thoát, khi thâm sâu vào đạo lý sẽ có phương pháp giải thoát siêu việt hơn.

Chư tịnh viên được vào tịnh trong khóa Hạ Chí này vừa lập công, vừa tu tập, công đức hiển dâng thần lực hồi hướng cho chúng sanh, dầu là một thần lực của một cá nhân còn thấp kém song đối với tâm đạo thì Thiên Liêng xem đó là cao cả tốt đẹp, nhờ vậy mới đổi được kiếp nạn của chúng sanh từ giờ từ phút.

(...)

Chư hiền đệ muội lưu ý đến những sự khó khăn nào xảy ra trên cõi thế đều do nơi lòng người gây tạo cả. Muốn được sống một cuộc sống thanh bình nhàn hạ, mỗi người phải tự tu, tự giác, để tạo đời sống thanh bình nhàn hạ cho chính mình, từ tiểu dị đến đại đồng, cũng như từ nhơn thân đến gia đình, đến xã hội vậy.

(...)

Chư hiền đệ hiền muội là những chức sắc Thiên ân trong Đại Đạo tự lãnh hội được tôn chỉ, mục đích của Đại Đạo phần nào qua thánh ý nên bằng lòng hòa mình mọi giới, hòa mình trong chi phái, trong tôn giáo, không xem đó là chi phái, là tôn giáo nên mới được chọn vào Cơ Quan. Sứ mạng của các Thiên ân Thánh Hội Minh Lý cũng như vậy, nhưng vì chưa thẩm nhập được sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ trong kỳ hạ nguơn mặt kiếp này, nên Thiêng Liêng sắp xếp để trách nhiệm Minh Lý Thánh Hội trước hàng đầu, còn chư đệ muội chức vụ Cơ Quan thì tùy thuộc thánh ý uyển chuyển mà tu học, cốt yếu làm làm sao cho đạo pháp được hoằng dương, cho các Thiên ân hòa hợp thêm năng lực tinh thần thực hiện sứ mạng thiêng liêng trong Tam Kỳ Phổ Độ nói chung, và cứu cánh chính mình khỏi vòng trần tục nói riêng.

Chư đệ muội không nghĩ gì về ta, về người, đó là ưu điểm. Lão ước mong ý thức ấy luôn luôn nhắc nhở, luôn luôn tiềm ẩn trong tâm người hành đạo, trong chư hiền đệ hiền muội để đất nước được vinh quang an lạc, nhân loại được hưởng trọn ân phước của Thượng Đế Chí Tôn. Những điều trở ngại, những cảnh trái tai gai mắt, những nếp sống bở ngỡ khi bị chênh lệch bình thường của chư hiền đệ muội, của dân tộc này nào có bao nhiêu, vẫn còn được ơn Trời chan rưới mở Đạo cứu độ dắt dìu. Nếu chư hiền đệ muội mục kích được cảnh trạng đau thương của kẻ khát nước mà chết, ao hồ sông rạch biến thành sa mạc, những kẻ bị sụp đất, bị biến thiên thì phải đau khổ là dường nào! Những người ấy, giống dân ấy có tin Thượng Đế hay không là điều không phải nói, chỉ nói là họ cũng như chư đệ muội, vì sống vào địa giới thiếu sinh lực

thiên nhiên phải chịu biến cả hóa ruộng dâu⁵. Trước luật tự nhiên, muốn cũng không đặng mà không muốn cũng không đặng. Xét như vậy để thấy hạnh phúc đã dành sẵn cho dân tộc này, chỉ còn chờ những tay đạo đức dựng xây thành thánh đức đó thôi.

THI

Giữ lòng thanh tịnh thấy cơ màu,
Chẳng ở nơi Trời, chẳng ở đâu,
Chỉ một sát na tâm ngộ nhập,
Thái bình hơn loại có bao lâu.
Bao lâu chớ đợi chớ trông chờ,
Càng đợi càng chờ hóa ngẩn ngờ,
Hãy học hãy tu rồi sẽ hiểu,
Bao nhiêu ngoại cảnh cứ làm ngờ.
Ngờ tai ngờ mắt lại ngờ lòng,
Tất cả đem về một tánh không,
Có đó thì làm, làm chẳng có,
Ba ngàn thế giới mới tinh thông.
Thông suốt hành tàng đạo lý thâm,
Đều do chuyên nhứt của linh tâm.
Tâm linh thì tánh linh quang hiện,
Một khiếu thông rồi sống vạn năm.
Năm tháng tu trì có một thôi,
Một này biến hóa biết bao ngôi,
Ngôi Tiên ngôi Phật ngôi Thần Thánh,

5. Biến cả hóa ruộng dâu: dịch nghĩa từ chữ Hán thương hải biến vi tang điền 滄海變為桑田, chỉ sự thay đổi lớn lao, nói gọn là tang thương, biển dâu.

Cũng ở trần gian, cũng ở người.
Người muốn tu hành Lão chỉ cho,
Sang sông phải tạm mượn con đò,
Qua bờ vạn pháp nên rời bỏ,
Một túi càn khôn chường vạn cơ.
Cơ duyên đệ muội đến nơi này,
Chẳng phải tiêu sầu hay giải khuây,
Mà muốn tìm vào cung Bạch Ngọc,
Sẵn thuyền đưa rước đến ngàn mây.
Mây trắng lầu lầu rước khách tu,
Vượt qua vạn nẻo cõi diêm phù,
Đưa về chánh đấng vô vi đó,
Không tháng ngày nào không hạ thu.
Thu nhiếp càn khôn một túi đầy,
Thanh nhàn tự tại khắp đông tây,
Vui cùng Thiên đạo hòa sanh chúng,
Tiên Phật là đây, Đạo cũng đây.

Chư hiền đệ hiền muội nếu lãnh hội được lời Lão dạy hôm nay, dầu có những gì biến chuyển cũng được an tâm mà tiến đạo, đừng để tâm vọng động ắt phải bị ngoại cảnh giày vò, bao nhiêu công phu tu dưỡng đều thiêu hủy. Mọi việc khó khăn đều có Thần minh hộ trợ, nếu không lửa đỏ chẳng biết sức vàng mười. Lão dạy bao nhiêu chư đệ muội ý thức rồi có dịp sẽ dạy thêm.

(...) Lão ban ơn tất cả chư hiền đệ hiền muội.

NGÂM

Công phu tịnh tọa tham thiền,
Hoàn thành sứ mạng số Tiên ghi đề.
Thăng.

TRANG THÁNH GIÁO SONG NGŨ

Ban Dịch thuật VHV



Holy Teachings of Three Achievements

Thánh giáo dạy về Tam Công

MINH LÝ THÁNH HỘI, 08-9 KỶ
DẬU (18-10-1969)

Vạn Hạnh Thiền Sư, chào

MINH LÝ THÁNH HỘI, 08-9 KỶ
DẬU (18-10-1969)

Vạn Hạnh Thiền Sư,

chư Thiên mạng, chư đạo hữu
đạo tràng.

(...) Chư đạo hữu thử kiểm
điểm lại một điều rất nhỏ này
sẽ thấy có trong lòng mỗi
người: Hằng ngày, sắp tới giờ
lễ bái hoặc tham thiền, trong
lúc đó những gì sẽ xảy đến cho
mình? Bên trong nội tâm, cơ
thể có khi nghe uể oải nhưc
đầu nóng lạnh, có lúc bụng
đói, có lúc lười biếng vô cùng.
Còn ngoại cảnh thì thường
gặp khách đến, vì nề tình phải
nán lại ít khắc, hết tiếp người
này đến người khác, rồi giờ lễ
bái tham thiền trôi qua không
đúng giờ giấc. Đó là chưa nói
đến người thân xảy ra bạo
bệnh phải chạy thuốc kiếm
thầy, v.v.

welcome to you all celestial
blessings, co-religionists
here present.

(...) All co-religionists!
Try to double check and you
will realize that there is this
small matter in the heart
of everyone. What happens
to you every day when it is
about time to worship or
meditate? In the inner nature,
you sometimes feel weary,
have a headache and a fever;
you are sometimes hungry
and too lazy. In the matter
of surroundings, visitors
often come and you stay for
a while out of consideration
to receive one after another,
and consequently the exact
time flies past, and then the
worshipping and meditating
cannot be done on time. That
is not to mention the fact that
a relative becomes extremely
sick and you have to set out
in quest of a doctor and
medicines.

Chư đạo hữu thấy chưa. Từ nội tâm cho đến ngoại cảnh diễn biến luôn luôn, làm ngăn trở đường tu không ít. Người càng gặp nhiều sự xảy đến là người còn quá nặng nghiệp chướng tiền khiên, phải rán lo, ngoài sự tu kỹ, phải làm thêm sự bố thí là tài thí, pháp thí, vô úy thí, tùy theo hoàn cảnh sở hữu, sở năng, sở đoán, sở trường của mỗi người.

THIÊN LÝ ĐÀN, 11-8 BÌNH NGỌ
(25-9-1966)

Đông Phương Chưởng Quán.

(...) Chư đệ muội đồng nhập vị an tọa nghe Bản Đạo dạy:

Chư hiền đệ hiền muội!
Công phu không phải là một sự bắt buộc như bẻ sắt nguội

Have you seen that, co-religionists? The inner nature and surroundings have always developed and hindered the practice of the Dao a lot. The more mishaps one suffers the more misery due to karma and past sins one has. Measures must be taken beforehand. In addition to improving oneself morally, one must give to charity that is making donation, preaching religious teachings and inspiring fearlessness depending on possessions, ability, weak and strong points of each.

THIÊN LÝ ĐÀN, 11-8 BÌNH NGỌ
(25-9-1966)

Đông Phương Chưởng Quán

(...) All younger brothers and sisters! Be seated and listen to my teaching:

All younger brothers and sisters! Meditation is not an obligation like breaking

để làm binh khí, mà phải trui rèn từ từ theo khuôn mẫu hình thức của một vật hữu dụng đã định làm. Như thế, công phu là để tu tập sự tiến hóa của chơn thần, giữ gìn cho tánh mạng, nên mỗi khi đến giờ công phu, các hiền đệ muội phải cố tĩnh định mười lăm phút để cho chủ nhơn ông phát hiện, chữa trị các tà dục hầu duy trì chánh tín khỏi sa ngã lạc lầm thì chánh đạo mới có thể sang được. Còn về căn bệnh rất tầm thường, chư đệ muội đừng lo sợ mà căn bệnh lại phát tiết.

Chư hiền đệ muội hãy nhớ điều này: Bốn mùa tuy có định phân, nhưng hơi còn Thiên bất trắc chi phong vân, phương chi thân tứ đại lại

iron to make weapon, but it must be forged slowly into a useful item following the model planned in advance. As a result, meditation is the practice for developing the true spirit and preserving one's nature and sources of life, when it is time for meditation, you must make an effort to be in the state of quietude for fifteen minutes for the divine spirit to manifest and cure all the depraved desires in order to maintain the true faith and prevent it from succumbing to temptation and being led astray, then, the true Dao can shine. The causes of the disease are very common, do not be alarmed and do not to give way to its development.

You all must remember that: Even though the four seasons are fixed, nature is unpredictable as are winds and clouds, all the more, the

không nhưn hữu đáng tịch chi
họa phước sao?

Chư hiền đệ muội hãy nhớ
kỹ lời Bần Đạo dạy.

MINH LÝ THÁNH HỘI, 09-01 ĐÌNH
TỶ (26-02-1977)

**Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông
Pháp Chủ**, chào chư Thiên ân
hướng đạo, chào chư đạo tâm
nam nữ.

Hãy nhìn thử cuộc đời từ
lúc biết mở mắt nhìn đời có
bao giờ sóng gió lặng yên, cát
bụi chìm trong sa mạc. Có
bao giờ khỏi nắng hạ mưa
thu, đông hàn giá rét, những
loạt thời tiết đưa đến cho vạn
vật trong cơn nóng bức vẫn
có khí độ điều hòa để sang thu
êm dịu.

physical body of mankind,
constituted of the four great
elements (i.e. earth, water,
fire, and air), cannot avoid
catastrophes and happiness,
can it?

You all should remember
my teaching.

MINH LÝ THÁNH HỘI, 09-01 ĐÌNH
TỶ (26-02-1977)

**Bác Nhã Thiền Sư Tam
Tông Pháp Chủ** greets you all,
celestial blessings, pathfinders
and religious devotees.

Let's try to look into this
life since the opening of the
eyes, have the stormy waters
ever come to an end, dust and
sand ever remained inactive
in the desert? Can the summer
sun, autumn rain and winter
cold ever be avoided? The
vagaries of the weather that
bring periods of high heat still
have the air temperature that
makes the climate become
mild when fall arrives.

Chỗ sanh trưởng thâm tàng đó nói lên luật tắc thiên nhiên tuần hoàn vận chuyển. Nếu là người giác ngộ biết tìm ánh đạo đưa chơn, thì luôn luôn chấp nhận luật tự nhiên, thuận thời tùy tiết mà sắm sanh y phục. Đó là đạo tiến hóa của vạn vật, của Nhơn sanh. Còn một bước tiến tối cao để vào hàng Phật Tiên Thánh Thần là công phu tu luyện. Mỗi người đều có Bát Nhã trí huệ, đều có niết bàn diệu chơn, tất khỏi nhọc lòng kiếm ngoài thân hay viễn vọng sơn lâm hải đảo, chỉ cần mộ đạo giác tâm, tẩy trừ lục thất, an nhập thiền định, phản quang nội chiếu. Có lặng lẽ xét soi mới thấy lòng thanh trược. Khi đã nhận thấy những món nợ oan trái bao quanh của kiếp con người, chừng đó sẽ dùng trí Bát nhã soi khắp Tam Thiên, mượn gương thần huệ đoạn trừ bá nghiệp. Đó là đạo giải thoát. Ai cũng có thể tu đặng,

Birth and growth, reaping and storing show the revolution of the laws of nature. If you are an illuminated person knowing that you should discover the light of the way to follow, you must always accept the natural laws, and purchase clothes in compliance with the weather. That is the law of evolution of all creatures and humanity. Then the greatest step to the ranks of Buddha, Immortal, Saint and Deity is the practice of meditation. Each individual has the supreme wisdom of the penetration of the mind and nirvana spiritual truth, it is not necessary to set your heart on searching outside of yourself or entertain illusion about distant forested mountains, offshore islands. You only need to be pious and enlightened, to purge yourself from the six desires and seven

hành đặng, học đặng và chứng
đắc quả vị Phật Tiên.

passions, to get into the state
of abstraction and perform
introspection. When you
understand that Karma debts
surround human lives, use
prajna wisdom to illuminate
all over the three thousand
worlds and the divine sword
of intuitive understanding to
cut off the karma. That is the
way to salvation. Anyone can
mend their way, practice, learn,
and become Buddha and
Immortal.

GIÁO HỘI TIÊN THIÊN MINH ĐỨC,
02-8 KỶ DẬU (20-9-1969)

Huệ Pháp Chơn Thánh...

Dầu không có tuổi tên cùng
thế,

Chỉ âm thầm phổ tế sanh linh;

Từ bi, bác ái, công bình,

Công phu, công quả, công
trình mới nên.

GIÁO HỘI TIÊN THIÊN MINH ĐỨC,
02-8 KỶ DẬU (20-9-1969)

Huệ Pháp Chơn Thánh...

Despite having no reputation
in the world,

Just quietly provide humanity
with relief;

Be compassionate, philan-
thropic and just,

Do perform meditation, deeds
of merit,

And self-discipline to become
successful.

MINH LÝ THÁNH HỘI, 02-12 ĐÌNH
MÙI (07-01-1968)

Đức Quan Âm Bồ Tát...

Công phu, công quả, công trình,

Tạo toàn Bát Nhã cho mình
mai sau;

Cứu đời giữa lúc bể dâu,

Còn đâu lẽ phải, còn đâu
nhân tình.

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ
ĐẠI ĐẠO, 26-02 ẤT SỬU (17-3-1985)

**Đức Bảo Pháp Chơn Quân
Huỳnh Chơn**

Công phu tu học bấy lâu rồi,

Vận dụng công trình chớ bỏ
lơi;

Công quả chớ từ là tận độ,

Trong xong, ngoài mới được
yên ngôi.

MINH LÝ THÁNH HỘI, 02-12 ĐÌNH
MÙI (07-01-1968)

Guanyin Bodhisattva...

To perform meditation, deeds
of merit and self-discipline,

Then you are creating the Prajna
boat for yourself in the future;

Save the world from the
ups and downs of life,

Where have they all gone,
the good sense, the human
sentiment of yesteryear!

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ
ĐẠI ĐẠO, 26-02 ẤT SỬU (17-3-1985)

**Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh
Chơn (Juridical Consevator
Huỳnh Chơn)**

Having long since learned and
practiced the Dao,

Apply yourself to self-discipline
achievement without relaxing
your vigilance for a moment;

Not to give up doing deeds of
merit is to protect fully,

The inner nature is ever
serene, the surroundings,
then, cannot spell trouble.

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ
ĐẠI ĐẠO, 14-8 TÂN DẬU (11-9-1981

Đức Vô Cực Từ Tôn...

Rồi hiện tại con làm công quả,

Học công phu tạo cả công
trình;

Hành nan thuyết dị chớ khinh,

Trọng tâm phản tỉnh xét mình
nghe con.

Xét tư tưởng đừng còn sai
quấy,

Xét việc làm vô kỷ, vô công,

Xét lời hòa duyệt dung thông,

Trong ba phạm một tam công
hỏng rồi.

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ
ĐẠI ĐẠO, 14-8 TÂN DẬU (11-9-1981

Đức Vô Cực Từ Tôn...

Now that you perform deeds
of merit,

Learn meditation and exercise
self-discipline;

Do not underestimate. It is
easier said than done,

The focal point is to exercise
introspection in accordance
with your might.

Examine your thoughts which
should not be wrong,

Examine your work which
should be non-ego and non-
reward,

Examine your words
which should be kind and
understanding,

Failing one out of the three,
the Three Achievements come
to nothing.

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

sự cần thiết của GIỚI LUẬT

1. Giới luật là con thuyền để sang sông, là cái chân để người tu đi đến tận cùng Thầy.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Chư hiền ôi! Đời có gì quý trọng hơn vàng bạc, người tu hành có gì quý trọng hơn giới luật. Giới luật là một chiếc thuyền để sang sông, người tu hành muốn qua bờ giác bên kia phải nương nhờ ở giới luật. Giới luật là cái chụm để cho các hiền đi đến tận cùng Thầy. Người tu hành nếu không có giới luật khác nào như người qua sông không có thuyền hay đi mà chẳng có chụm.

Ngày xưa, Đức Phật Tổ trước giờ nhập Niết Bàn, môn đệ tỏ lòng thương tiếc, Phật trời lại rằng: “Sau khi Ta nhập diệt rồi, các người noi theo giới luật mà gìn giữ để tu hành. Giới luật là Ta tại thế đó.” Từ xưa đến nay, tất cả những người tu hành giáo lý của Phật cũng nhờ vâng theo lời chỉ giáo cuối cùng đó mà được thành đạo. (...)

Không giữ giới luật mà thành được đạo quả chỉ có những bậc Phật Tổ, Bồ Tát mới giữ trọn được tâm giới mà thôi, vì các bậc ấy đã tự giác tự ngộ, không nói đến giới luật mà giới luật tự nhiên đã sẵn có nơi người rồi, các bậc đó đã tự giác viên mãn. (...)

Các hiền là những người chưa có một trình độ tự giác tự ngộ thì phải nương nhờ giới luật để tìm phương tu học. (...) Hễ tâm giới không giữ trọn thì ma quỷ sẽ thừa cơ hội mà lôi kéo vào nơi sa đọa của chúng nó. Nơi sa đọa ấy là gì? Kẻ nào ưa danh thì nó cho danh, kẻ nào ưa lợi thì nó cho lợi, kẻ nào ưa sắc thì nó cho sắc. Khi các hiền đã sa vào danh lợi sắc tài rồi thì lòng mình chỉ còn biết vui sướng đắm đuối theo những vật ấy, có còn nghĩ chi đến việc tu hành để thành Tiên tác Phật nữa đâu! Các hiền cũng tu đấy, nhưng chỉ mặc cái áo tu bề ngoài, còn trong tâm thức thì chỉ toàn là danh lợi sắc tài mà thôi. Tu như thế thì làm sao mong ngày đắc quả bồ đề, chứng ngôi chánh giác hỡi chư hiền? (...)

Sở dĩ phải có giới luật là để cứu vãn cho chư hiền khỏi sa vào con đường tội lỗi, hễ đã sa vào con đường tội lỗi rồi thì phải chịu đời đời chìm đắm nơi sông mê bể khổ. Nói đến việc ban hành giới luật, cũng có kẻ lo sợ có giữ được không. Nếu không giữ được giới luật thì nguyện tu giải thoát làm gì cho uổng phí một đời. Giới luật sở dĩ có ra là để cho các hiền giữ theo đó mà tạo Tiên tác Phật, để đè nén vọng tâm bất thức, không cho nó tự do theo ý muốn của mình. Nếu tu mà xuôi theo chúng nó thì làm sao có ngày chơn tâm làm chủ được, có làm chủ được thì đời tu mới mong ngày đắc quả. Nhưng không sao đâu mà lo sợ, chỉ sợ các hiền không cố gắng mà thôi, cái gì có khó mới nên. Hễ không giữ được giới luật là ma quỷ, hễ gìn giữ được giới luật là Phật Tiên tại thế đó vậy. Làm Phật Tiên đâu phải dễ, phải hy sinh tất cả những gì ở thế gian, cho đến thân mạng cũng không còn thương tiếc. Ngày xưa, Đức Phật đã trải qua a tăng kỳ kiếp tu hành, có kiếp bố thí tất cả tài sản cho đến

vợ con, có kiếp vì sự giữ giới luật mà đành phải chịu chặt bỏ tay chân. Nếu tu mà dễ dàng như các hiền nơi đây thì thế gian này có mấy người chịu làm ma quỷ.”¹

2. Giới luật là con đường Thầy dựng nên để người tu đi về cùng Thầy, là nấc thang bước lên Thiên đàng, là phép lạ xua đuổi ma quỷ.

Đức Chí Tôn dạy:

“Giới luật là con đường của Thầy dựng nên để cho các con đi về cùng Thầy. Giới luật là một nấc thang để các con bước lên thiên đàng, các con có chịu bước thì mới đến, không bước lên mà tụt xuống thì làm sao đến được. Giới luật là một phép lạ để các con xua đuổi tất cả loài ma, lũ quỷ ra khỏi người các con để các con đắc thành Phật quả. Con giữ được phép lạ ấy thì loài ma quỷ kia sẽ tránh xa, con không giữ được phép lạ ấy thì ma quỷ sẽ đến gần các con, rồi các con sẽ là ma quỷ.

Từ xưa đến nay, chưa có một kẻ nào không nhờ giới luật mà thành Tiên Phật bao giờ.”²

3. Pháp môn của Thầy là tánh mạng song tu. Giới luật giúp phần tu tánh để thành Tiên tác Phật.

Đức Chí Tôn dạy:

“Từ đây, các con nên cố gắng lên một bước nữa. Cố gắng không phải Thầy bảo các con cứ ngồi công phu mãi đâu, mà cố gắng đây là các con dù làm một việc gì, giờ tu cũng như giờ làm,

1. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 08-11 Ất Ty (30-11-1965).

2. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 08-11 Ất Ty (30-11-1965).

giờ nghỉ, con nên làm chủ lấy mình. Người tu, hành-trú-tọa-ngọa, lúc nào cũng giữ được thanh tịnh, có thanh tịnh được thì mới làm cho vọng thức không có chỗ dấy lên, mà vọng thức đã không dấy lên thì Chơn thần của các con ngày càng tỏ sáng. Hễ tỏ sáng được rồi thì lục thông được mở, chứng được quả vị vô sanh, đó là ngày tu đến chỗ gần đắc thành quả vị Phật Tiên đó vậy. (...)

Pháp môn của Thầy là tánh mạng song tu. Nếu nặng phần tu mạng mà không lo tu tánh thì suốt đời chỉ kết quả được một xác thân tráng kiện mà thôi, chứ làm sao thành Tiên tác Phật được. Vì vậy mà hai phần ấy cũng không thể thiếu được. Thầy thấy có nhiều con còn ở trong cảnh mê lầm, không chú trọng ở phần trau giồi tâm tánh, để cho tâm tánh tự do ra ngoài khuôn khổ giới luật, để rồi mang danh một người tu mà suốt đời chẳng đem lại một kết quả gì khả quan cho mình cả. Thầy khuyên các con nên nhận định đường tu cho được rõ ràng để khỏi phải uống một kiếp công phu khó nhọc.”³

4. Giữ vững được giới luật thì cũng chẳng khác nào Thần Tiên tại thế, lòng được nhẹ nhàng tươi sáng, không phải nhọc công sám hối, được chư Thần hộ trì và được hạnh hưởng những ơn phước vô biên.

Đức Chí Tôn dạy:

“Đành rằng phải thi hành giới luật, mỗi con phải ít nhiều chịu sự khắc khổ của luật pháp, nhưng con chỉ chịu khó nhọc trong một thời mà thân con được đời đời vinh hiển, không

3. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965).

những được vinh hiển nơi cõi Thiên đường mà tại cõi phù đồ này. Con giữ vững được giới luật, cũng được sự vinh hiển là Thần Tiên tại thế rồi vậy. Con không giữ được giới luật, chư Thiên Hộ pháp sẽ quở trách con, ma quỷ sẽ khinh thường con, đạo đồ sẽ khinh bỉ con, người con coi như không còn một giá trị gì nữa, đời cũng không nên đời, đạo cũng không nên đạo. Đã mang lấy cái danh là người tu giải thoát mà kết quả chẳng hưởng được gì ân phước của Trời, thì uống biết chừng nào.

Xưa nay, tất cả mọi người được đắc thành quả vị Phật Tiên cũng nhờ nương theo giới luật. Không có một người nào ngoài giới luật mà đắc thành quả vị bao giờ. (...) Con chỉ chịu khó một lúc đầu, sau quen rồi các con sẽ thấy sung sướng là mình không còn sa vào cảnh tội lỗi nữa. Giờ tu con được giao cảm cùng Thầy, lòng con được nhẹ nhàng tươi sáng. Giờ cúng trước mặt Thầy cũng như chư Thiên, con không còn hổ thẹn, thấy mình là người mang đầy tội lỗi. Nếu các con giữ gìn được giới luật thì có cần gì phải nhọc công sám hối. Sám hối là một phương môn để chuộc lấy tội lỗi đã làm, không phải mãi gây ra tội lỗi rồi để mà sám hối, như thế thì suốt đời các con mãi cứ sám hối hay sao?

Các con hãy vui mừng đặt mình vào trong khuôn giới luật, Thầy sẽ cho chư Thần gần bên các con để hộ trì chánh pháp. (...)

Từ đây, tất cả các con quyết chí lo tu lo học, lo khép mình trong giới luật để rồi được toại hưởng những ân phước vô biên.”⁴

4. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 16-11 Ất Tỵ (08-12-1965).

5. Giới luật là một bộ chìa khóa để mở cửa vào thẳng Cửu Trùng Thiên về hiệp một cùng Thầy Mẹ.

Đức Bảo Thọ Thánh Nương dạy:

“Giới luật là một bộ chìa khóa để chị em chúng ta mở cửa vào thẳng Cửu Trùng Thiên về hiệp một cùng Thầy Mẹ. Nếu không giữ tròn giới luật, cũng như kẻ muốn vào nhà mà trong tay không có chìa khóa đó vậy.

Tất cả những gì đã có ở thế gian không có gì tồn tại cả, chỉ có chơn tâm tự tánh của Thầy ban cho là trường tồn bất diệt, chị em nên cố gắng gìn giữ cho còn. Phương môn gìn giữ còn được là nhờ ở giới luật.”⁵

6. Giới luật là một bảo vật để người tu nương theo đó mà được về hội hiệp cùng Thầy Mẹ, là một môn thuốc linh đơn để cứu con người trong cơn hấp hối.

Đức Mẹ dạy:

“Các con ôi, giới luật là một bảo vật để con nương theo đó mà được về hội hiệp cùng Thầy Mẹ. (...)”

Con nên biết giới luật là một môn thuốc linh đơn để cứu con người trong cơn hấp hối. Người các con khác nào kẻ bệnh nằm để chờ ngày quy liễu. Thầy Mẹ muốn cứu các con sống lại, đem đạo đức cho các con món thuốc hồi sinh để con uống vào cho thân thể trở nên lành mạnh. Thuốc con uống vào đắng và công phạt, nhưng một lúc thuốc thấm vào thân thể rồi thì con người trở nên mạnh khỏe.

Các con tu hành nếu không có giới luật thì lấy đâu làm chỗ

5. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 23-12 Ất Ty (14-01-1966).

nương dựa. Từ lâu, các con vì không giữ giới luật nên đa số đã vấp phạm vào chỗ tội lỗi. (...)

Mẹ hứa với các con, nếu các con y hành giới luật thì Mẹ sẽ cứu độ kiếp này không sai.”⁶

7. Giới luật là người thầy tại thế gian, là đường đi nước bước của người tu.

Đức Ngô Minh Chiêu dạy:

“Nếu không có giới luật thì mọi việc nương vào đâu mà tiến bước trên nấc thang đạo đức. (...) không một tôn giáo nào cứu đời độ chúng mà không có giới luật. Nếu không có giới luật thì sao Thầy lập 10 điều răn dân Do Thái, Phật lập giới cho hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni mà lại còn nói: “Giới luật là Ta tại thế”. (...) Người tu mà không có giới luật thì không thể nào đi đến chỗ thành tựu được vì giới luật là đường đi nước bước của con người tu. Bởi vì con người bao giờ cũng muốn tự do sống ngoài giới luật, mà hễ tự do không thể nào làm chủ được vọng thức. Khi vọng thức làm chủ thì con người phải ở trong vòng tội lỗi, có mong gì thành Tiên tác Phật được. Không giữ giới luật mà thành, chỉ có bậc Thánh Nhơn Bồ Tát mà thôi.”⁷

6. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 23-12 Ất Tỵ (14-01-1966).

7. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 08-02 Bính Ngọ (27-02-1966).

Ý NGHĨA HAI CHỮ “CAO ĐÀI”

Hồng Phúc

Hai chữ “Cao Đài” bắt đầu hòa vào dòng ngôn ngữ Việt từ khi Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần qua huyền cơ diệu bút sử dụng như một tên tạm mượn (tá danh): “Cao Đài Tiên Ông” để mở ra con đường cứu độ toàn nhân loại trong buổi Hạ nguơn với tên gọi đầy đủ là “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” dưới hình thức một tôn giáo cũng dùng tên tạm mượn của vị Giáo Chủ khai sáng làm tên gọi: “Tôn giáo Cao Đài”.

Thật vậy, trước khi đạo Cao Đài được khai sinh, hai chữ “Cao Đài” không hề hiện hữu bất cứ ý nghĩa nào khác trong tiếng Việt. Cho đến tận ngày nay, hai chữ “Cao Đài” nếu có trong tự điển tiếng Việt cũng chỉ là tên gọi của một mối đạo xuất phát từ đất nước Việt Nam cùng với danh xưng của Đức Thượng Đế trong cơ cứu thế lần thứ ba “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” thể hiện tôn chỉ “Tam Giáo quy nguyên – Ngũ chi phục Nhứt” nhằm đến tinh thần trùng hưng Tam Giáo Đạo hầu cứu rỗi toàn linh như lời Thánh giáo:

“Thầy khai Đạo [trong] kỳ Hạ nguơn này là đúng theo vận số tam nguơn, sẽ trở về thượng nguơn phản cổ; thế nên, Thầy tá danh Cao Đài Tiên Ông, khai Tam Kỳ Đại Đạo, cốt là để trùng hưng Tam Giáo cho lý đạo được siêu màu mới có thể độ toàn linh

sanh chúng.”¹

Dựa vào Thánh ý này, danh xưng “*Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*” đã được giải thích² như sau:

- “Cao Đài” – một khái niệm có nguồn gốc sâu xa từ Thánh Đạo – là một phạm trù rộng lớn, bao hàm toàn thể vũ trụ, vạn vật, con người, và bao gồm mọi mức độ xã hội nhân sinh, trong đó có các tôn giáo.

- “Tiên Ông” – một hình tượng có nguồn gốc từ Tiên Đạo – được dùng để biểu trưng cho một đạo quả cao trọng mà mỗi con người đều có thể đạt được bằng những nỗ lực tu học của chính bản thân mình.

- “Cao Đài Tiên Ông” có nghĩa là Ông Tiên của toàn thể vũ trụ, của tất cả mọi người, của tất cả mọi tôn giáo. Ông Tiên đó vốn sẵn tiềm ẩn trong mỗi người.

- “Đại Bồ Tát” – một danh từ có nguồn gốc từ Phật Đạo – có nghĩa là người dẫn thân vào cõi thế để cứu độ toàn thể chúng sinh, không chỉ riêng cho nhân loại, mà tất cả sinh linh trong vũ trụ.

- “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát” có nghĩa là người tự cứu độ lấy mình bằng cách tự nỗ lực để làm thức tỉnh Phật Tính nội tại của chính mình, tự tu tiến để kiến tạo Thánh Thể trong chính bản thân mình, và sau đó, mang kết quả tu chứng của mình ra để cứu độ vạn linh.

- “Ma Ha Tát” – là một tính từ có nguồn gốc Phật Đạo – có nghĩa tâm đại từ đại bi.

1. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Huần Cung Đàn, 15-10 Quý Mão (30-11-1963).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo, 2008.

- “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” có nghĩa là Đấng tự hữu và hằng hữu khắp không gian và thời gian, cả bên trong lẫn bên ngoài vũ trụ vạn vật; Đấng ấy là Đấng cứu độ muôn đời của vạn linh.

Ra đời vào một thời điểm đặc biệt của chu kỳ vận hành của vũ trụ, đạo Cao Đài không phải để thêm vào các tôn giáo đã có, và cho dù là một tôn giáo được thiết lập từ sự huyền diệu vô vi qua cơ bút với những lời dạy từ cõi vô hình, nhưng giáo lý của Đạo không mang tính thần quyền, huyền hoặc, để người tín đồ thụ động ngồi chờ tha lực từ cõi hư vô, mà ngược lại luôn đặt trên nền tảng lý luận khoa học, triết học, luôn khế hợp với thời đại, để dẫn dắt con người tự chủ tìm ra những giải pháp hầu giải quyết những vấn đề mà thế giới loài người đang gặp bế tắc không chỉ trong đời sống tâm linh mà cả ở đời sống nhân sinh. Điều đó có nghĩa là người tín đồ Cao Đài phải là những người đạt tầm vóc trí tuệ trên cả hai phương diện: giáo lý để thực hiện sứ mạng về mặt nhân sinh và đạo pháp để thực hiện sứ mạng về mặt tâm linh.

Như vậy, nếu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đại cuộc cứu độ của của Đấng Toàn tri Toàn năng với trí tuệ cùng quyền năng cao tột không chỉ dẫn đưa con người thoát khỏi cơ tận diệt của thời mạt pháp, đồng thời giúp các Tiểu Linh quang thoát khỏi chốn sanh tử luân hồi, trở lại bến khởi nguyên; thì hai chữ “Cao Đài” được Đức Thượng Đế sử dụng vừa làm tên gọi của một tôn giáo để hình thành nên một thực thể đạo cứu thế trong buổi cuối cùng của chu kỳ vũ trụ, lại vừa làm danh xưng của Ngài khi lâm trần mở Đạo, thì chắc chắn không thể chỉ có ý nghĩa đơn giản theo nghĩa đen của bài Thánh thi tứ tuyệt của Đức Chí Tôn giảng dạy trong một đàn cơ tại Cần Thơ vào năm 1927:

*“Linh Tiêu nhất tháp thị Cao-Đài,
Đại Hội quần Tiên thử ngọc giai,
Vạn trượng hào quang từng thử xuất;
Cổ nhân bửu cảnh lạc Thiên-Thai.”³*

Ngược lại, nhằm để có thể thực hiện công cuộc cứu độ toàn nhân loại trước khi kết thúc giai đoạn Hạ nguơn, tái tạo cõi dinh hoàn, bắt đầu một chu kỳ mới của toàn vũ trụ, hai chữ “Cao Đài” phải dung chứa những ý nghĩa huyền nhiệm như là khẩu quyết có giá trị của một chiếc chìa khóa vạn năng có thể giúp cho con người mở ra cánh cửa huyền vi của Tạo Hóa, để con người bước vào lần phẳng tìm ra yếu quyết tu hành, luyện đạo, đạt tầm tiến hóa siêu xuất thế gian.

I. “CAO ĐÀI” LÀ CÁI ĐÀI CAO

• Theo nghĩa từ nguyên:

– Cao: là trái với thấp; không thể với tới được; khác thói tục-bậc thường.

– Đài: kiến trúc cao, nhiều tầng, có thể nhìn ra 4 phía chiếm vị trí cao để người dễ nhận biết.

– Cao Đài: chỉ là cái đài cao.

Theo định nghĩa này, trong lĩnh vực tôn giáo, có một sự trùng hợp ngẫu nhiên, trong khắp các tín ngưỡng thuộc mọi nền văn minh Đông Tây kim cổ, đã xuất hiện nguyên lý của “chiếc đài cao” được biểu tượng hóa trong kiến trúc của mọi tôn giáo. Các kim tự

3. Lược giải: Nơi Điện Linh Tiêu trên thiên đình có một ngôi tháp gọi là Cao Đài. Quần Tiên thường nhóm đại hội ở trước bệ ngọc đó, hào quang muôn trượng do đó mà chiếu ra. Tên xưa của cảnh này là “Lạc Thiên Thai”. (Cao Đài Giáo Sơ Giải của cụ Huệ Lương, tr.31).

tháp của các tôn giáo cổ đại tại Ai cập và Pérou, những ngọn tháp nhiều tầng của các đền thờ Hindu, những ngọn tháp của các chùa Phật giáo, những tháp chuông của các nhà thờ Thiên Chúa giáo, những ngọn tháp của các đền thờ Hồi giáo,... đều là những cách thức biểu hiện khác nhau của cùng một chiếc đài cao hàm chứa khát vọng hướng thượng của nhân loại... Những chiếc đài cao ấy được mỗi tôn giáo dùng để biểu thị cho tầm kích to lớn và giá trị cao cả của công cuộc cứu thế mà tôn giáo ấy hoằng hóa nơi thế gian.”⁴

- Theo Thánh giáo Cao Đài:

Hai chữ “Cao Đài” cũng có ý nghĩa thông thường, đơn giản là chiếc đài cao, nhưng đặc biệt, đó là:

1. Chiếc đài cao vượt trên mọi phân biệt, ngã chấp: Thể hiện qua sự giải thích của Đức Quảng Đức Chơn Tiên:

*“Cao Đài là cái đài cao,
Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.
Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt,
Có gì đâu hạn cuộc được ta;
Ngoài trời, Thượng Đế bao la,
Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn.”*⁵

Cái đài cao, cao đến độ “Vượt lên tất cả đón rào ngăn che”, đó là độ cao không tính được bằng thước đo, là một chiếc đài cao có vô số tầng. Càng bước lên những tầng cao hơn, tầm nhìn của con người càng được rộng mở, nhận thức của con người càng được

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo, 2008.

5. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu (08-7-1981).

giải thoát ra khỏi những giới hạn chật hẹp của định kiến, phàm tâm, tư ngã, để nhìn thấy chân lý của vũ trụ, vạn vật, cũng như chứng nghiệm được chân lý trong chính bản thân mình. Đó là cái đài cao vượt lên tất cả sự ngăn cách, phân biệt mà con người đã tạo ra từ sự ngã chấp, thiên kiến, quyền lợi, vô minh... là những nguyên nhân làm cho con người quay lưng với nhau, mà không nhận ra rằng tất cả con người đều có cùng chung một cội nguồn Thượng Đế, có cùng giá trị nhân bản tạo nên từ tình thương vô biên trong đức háo sanh của Tạo Hóa, mặc dù có sự khác biệt về hoàn cảnh địa lý, sắc tóc màu da, trình độ tiến hóa, sự tín ngưỡng...

“Tuy những dân tộc loài người trên quả đất được phân biệt an định ở mỗi khuôn khổ vị trí và hoàn cảnh xã hội xa nhau, khác nhau, song sự xa cách, sự khác biệt ấy không phải là vấn đề cho con người quên mất nguồn gốc mình vốn một, quên mất bản chất mình là nhân từ như Thượng Đế che chở lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa người và người, đồng thời săn sóc gìn giữ sự yên ổn cho bao loài hạ tiện khác đang sống dưới tầm mắt trí khôn của nhân loại.”⁶

2. Chiếc đài cao tình thương: Với hai chữ “Cao Đài” có nghĩa đài cao, Đức Thượng Đế muốn nhắn nhủ, con người hãy bước lên đỉnh cao vượt khỏi những nấc thang phân biệt, chấp ngã... để: *“Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt”*. Bởi vì đây là chiếc đài cao của tình thương được xây dựng từ đức háo sanh của Tạo Hóa, đã được Đức Chí Tôn xác nhận:

“Thầy là Cha của sự thương yêu. Bởi sự thương yêu mới tạo thành thế giới và sanh sản các con, vậy các con sản xuất nơi sự thương yêu, là cơ thể của sự thương yêu đó.”

6. Trúc Lâm Thiền Điện, 17-7 Tân Hợi (06-9-1971).

“Sự thương yêu là giềng bảo sanh của càn khôn thế giới. Có thương yêu, non loại mới hòa bình, càn khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa...”⁷

“Hỡi các con! Trong tình Tạo Hóa, đức hiếu sinh, Thầy nhìn vạn vật với một sự thương yêu chan rười. Mặc dầu cảnh trần gian có biến đổi muôn hình vạn trạng, có sanh nhiều tội nghiệp đa đoan, có tạo nhiều phong ba bão tố, nhưng lòng Trời vẫn che, Đất vẫn chở.”⁸

3. Chiếc đài cao trí huệ – minh triết: Con người chỉ có thể đạt đến trạng thái: “Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt” khi có được Trí huệ hay Minh triết; nhưng muốn được như vậy, con người phải phục hồi cho chính mình tất cả những giá trị cao quý của một chủ thể tự do, không còn bị ràng buộc bởi dục vọng, không còn bị chi phối bởi vật chất và cũng không bị lệ thuộc thần quyền để tìm thấy hướng đi đúng với thiên lý nhưng không tách rời thế gian, để hòa nhập khoa học trở về cùng Đạo học, dẫn đưa nhân loại về đến bến bờ nhân bản-an lạc và tiến bộ, thành tựu một xã hội đại đồng thánh đức, trong đó con người tỏa sáng bởi đức Nhân, trí tuệ minh linh, thông thiên đạt địa, lại tràn đầy dũng khí uy nghiêm của đức trung chánh.

Đây chính là ý nghĩa hai chữ “Cao Đài” nhằm hình tượng hóa một chiếc đài cao của Trí huệ – Minh triết, nơi đó con người là sinh vật duy nhất được ngang hàng cùng Trời Đất trong thế Tam tài đồng đẳng, là chúa tể cai quản muôn loài, được thay Đấng Hóa Công thực hiện tiếp tục công cuộc hóa sanh và trường dưỡng nơi chốn hữu hình bằng đạo Tài thành, bớt chỗ dư, bồi

7. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 12-12 Kỷ Ty (11-01-1930).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Nhâm Tý (29-02-1972).

chỗ thiếu, giữ gìn và tôn tạo những gì Tạo Hóa đã làm ra, nhằm tạo dựng nơi thế gian một cuộc sống đầy đủ sự mỹ miều đẹp đẽ, với lời dạy của Đức Đông Phương Lão Tổ:

“Sứ mạng cao cả đã được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sanh ở cõi này là sứ mạng vi nhân, được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc hóa sanh sanh hóa và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.”⁹

Để xứng đáng với vị trí ngang bằng Trời–Đất trong thế Tam Tài, con người phải thể hiện đức Nhân bằng sự tha thứ, độ lượng để cho đức Dũng kiên cường chiến thắng lòng vị kỷ; đồng thời mạnh mẽ lấp kín nguồn đam mê nhân dục, đại hùng, đại lực đoạn tuyệt với những tư tưởng thấp hèn của phàm ngã; không để âm thanh sắc tướng hình danh dẫn dắt, diềm đam trong mọi hoàn cảnh để nhìn thấu suốt chính mình, biết người biết ta, phân biện rạch ròi phải trái, đúng sai, không chỉ dám từ bỏ quyền lợi vật chất mà còn dám hi sinh cả thân mình để hiến dâng cho nhân quần xã hội và sự nghiệp đạo đức: Đức Lý Giáo Tông dạy: *“Cái dũng của bậc hướng đạo trong lý tưởng cứu thế phải là cái dũng bất khả thoái. Trước một nguy nan chỉ có sự hi sinh và tận dụng lòng dâng hiến của chính mình làm niềm yêu kính Chí Tôn cao cả nhất.”¹⁰*

Có được Nhân Trí Dũng, tức là con người đã xây dựng được cho chính mình một cái đài cao Tình thương, Minh triết, bền bỉ dũng cảm đương đầu với mọi nghịch cảnh, vượt qua tất cả mọi đón rào ngăn che để vươn tới Niết bàn như lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn: *“Muốn tịch diệt đủ đầy Nhân–Trí–Dũng”*.

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01–01 Quý Hợi (13–02–1983).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14–02 Ất Mão (26–3–1975).

4. Chiếc đài cao tiến hóa: Khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế Cao Đài không những chỉ ra con đường tiến hóa của con người, mà còn ban trao hành trang cho bất cứ ai muốn dẫn thân vào cuộc hành trình tiến hóa cùng với trời đất để hoàn thành công cuộc tiến hóa vĩ đại bắt đầu từ vụ nổ Big Bang khoảng 13 đến 15 tỷ năm về trước.

Con người là sinh vật tối linh trong vạn vật, được đứng vào hàng tam tài Thiên-Địa-Nhân, cho dù là hóa nhân tiến hóa từ thảo mộc, thú cầm hay nguyên nhân thọ nhận sứ mạng từ cõi thượng thiên thì đều có chung trách nhiệm là hoàn thành công cuộc tiến hóa đang ở vào giai đoạn quy nguyên phản bản.

Đức Lý Giáo Tông dạy: *“Các Tiểu linh quang từ Đại Linh Quang phân thân xuống trần tùy theo nhiệm vụ và sứ mạng đã định của mỗi đơn vị, đến cõi dinh hoàn này để làm công việc tiến hóa trong đức hạo sanh ấy.”*

Trên chặng đường tiến hóa cuối cùng nơi cõi hữu hình này, con người đã trở nên một chủ thể tự do. Đây cũng là giai đoạn mà Tiểu linh quang bắt đầu có thể vươn lên để phát huy trọn vẹn tính chất “Trời” tự hữu. Cao Đài chính là chiếc đài cao của sự tiến hóa, để con người tự chủ bước lên nấc thang siêu xuất thế gian, hoàn thành sứ mạng thiêng liêng *“Một ra đi, một trở lại Thầy”*¹¹.

II. CAO ĐÀI LÀ NGUYÊN LÝ CỦA VŨ TRỤ – LÝ ÂM DƯƠNG – ĐẠO – THÁI CỰC

Đức Thượng Đế dùng thuật ngữ Cao Đài, về mặt hữu hình, gọi

11. *“Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ/ Một ra đi một trở lại Thầy.”* (Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Quý Sửu, 22-01-1974).

lên hình ảnh một cái đài cao với chiều cao thẳng tắp đến vô hạn – không có gì cao hơn Trời – biểu trưng cho “Trời cao” và với chiều sâu gắn liền ăn sâu vào lòng đất để tạo nên sự vững chãi để có thể bền vững với thời gian – biểu trưng cho “Đất dày” tức là nói lên lý Đạo thâm sâu thể hiện qua lời dạy của Đức Thánh Trần Hưng Đạo về hai chữ “Cao Đài”:

*“Cao thị Thiên cao chưởng vạn loài,
Đài vi Địa hậu dưỡng vô nhai.”¹²*

Có nghĩa: Cao là Trời cao sáng tạo nên tất cả muôn loài vạn vật; Đài là Đất sâu dày nuôi dưỡng tất cả, không giới hạn một vật nào, không bỏ sót một vật nào.

– Cao= Thiên cao= Trời cao tức ngôi Kiền= biểu thị nguyên lý Dương, biểu diễn bởi trục thẳng đứng, tượng trưng cho Trụ.

– Đài= Địa hậu= Đất dày tức ngôi Khôn= biểu thị nguyên lý Âm: biểu diễn bởi trục hoành nằm ngang, tượng trưng cho Vũ, theo Đạo Học Chỉ Nam:

“Vũ trụ là hình thể của Trời Đất, được xây dựng bởi một Âm, một Dương”¹³ “Âm là vũ, Dương là trụ. Vũ thì đóng khép nằm trong găm Trời, Trụ thì mở rộng. Trụ là thời gian là Âm Dương nối tiếp nhau. Vũ là không gian, là Âm Dương đồng thời tương đối.”¹⁴

Từ lời dạy của Đức Thánh Trần, có thể xác định: Cao là Dương, là Trụ; Đài là Âm, là Vũ, Cao Đài là hình thể của Trời Đất, cũng chính là nguyên lý của vũ trụ: Âm–Dương. Âm dương là then chốt của Trời Đất, đầu mối của muôn sự muôn vật. Hai lẽ ấy tuy

12. Đức Trần Hưng Đạo, Bắc Nhã Tĩnh Đường, 29–01 Đinh Tỵ.

13. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Chương 1, Tiết 4, Mục 1.

14. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Chương 1, Tiết 4, Mục 2.

tương phản mà tương thành, tương đối mà thống nhất khắp vũ trụ, không nơi nào thiếu một. Nhưng Âm-Dương không phải là hai thực thể tự tại, độc lập, riêng rẽ, mà chỉ là hai chiều, hai mặt, hai phương diện của một Bản Thể tuyệt đối là Thái Cực.

- Thái Cực là Đạo, là Lý thuộc hình nhi thượng, cội Nhất nguyên tuyệt đối.

- Âm Dương là Khí thuộc hình nhi hạ, thuộc thế giới Nhị nguyên tương đối.

Thái Cực là lý Duy nhất, là Bản thể của vũ trụ, còn Âm Dương là động cơ sinh ra mọi biến thiên, chuyển động. Từ Thái Cực bước sang lĩnh vực Âm Dương tức là từ lĩnh vực vô vi, tuyệt đối bước sang lĩnh vực hữu vi, hữu tướng, biến thiên, biến hóa. Âm Dương hay Khí, biến hóa sinh diệt vô thường, nhưng vì sự biến hóa sinh diệt ấy vận hành theo quy luật bất biến từ vô thỉ đến vô chung là Vô cực, luôn căn cốt vào Thái Cực nên cũng vô cùng tận như Thái Cực. Bởi vì: Hễ có Lý thời có Khí, nghĩa là Bản thể Tuyệt đối luôn có sự hiển dương, sống động. Âm-Dương, Hình-Khí tuy có sinh diệt, nhưng hễ hiện tượng này diệt thì hiện tượng kia lại sinh, như vậy vũ trụ sẽ sinh hóa vô cùng tận như Thái Cực, nghĩa là bao lâu còn có Bản thể, bấy lâu còn có sinh hóa.

- Suy ra, nếu Cao Đài là hình thể của vũ trụ, là nguyên lý Âm Dương, thì Cao Đài cũng là Đạo, là Thái Cực, Lý vĩnh cửu, vô biên.

“Đạo nguyên lý cũng là Thái Cực

Ngôi Trung Tâm duy nhất Kiền Khôn

Thường hằng tự hữu Chí Tôn

Cầm quyền Tạo hóa ngự hồn vạn linh.”¹⁵

15. Sđd.

Trong ý nghĩa đó: “Cao Đài là Tâm của vũ trụ.”¹⁶

Hay rõ hơn, Cao Đài cũng chính là:

“Một vật hồn nhất trong Hư Vô đương vươn lên hiện thể. Đó là Thái Cực mà các tôn giáo gọi chung là Trời, hay Thượng Đế, hay Thái Cực, là nguồn sống tự do chân thật tồn tại. Tự thể đó nối liền với tự nhiên và đương nhiên, vô và hữu, là ngôi Đại Trung, chuyển thân ứng hóa trong mỗi vật, mỗi hình, đâu đâu, ở đâu và lúc nào cũng hiện diện.”¹⁷

III. CAO ĐÀI NƠI CON NGƯỜI

1. Là Tiểu Linh quang tức Cao Đài nội tại:

Cơ nguyên sanh hóa vũ trụ vạn vật diễn ra theo nguyên lý Thái Cực – Âm Dương song song với nguyên lý Thiên địa vạn vật nhất thể. Nghĩa là trong trời đất, bất cứ nơi vật nào từ nhỏ cực nhỏ đến lớn cực lớn đều có Bản Thể Hư Vô Chi Khí tức động năng Thái Cực thúc đẩy hóa sanh trong mỗi vật đó tức là sự hiện hữu của Tiểu Linh Quang, được Thánh giáo Cao Đài mô tả:

“Điểm Linh Quang là gì? Là cái yếng sáng mà thôi. Thái Cực là một khối Đại Linh Quang, chia ra, ban cho mỗi người một điểm Tiểu Linh Quang.”¹⁸

Ngôi Nhứt Nguyên Chủ Tế là Thái Cực, là Đạo, thì các Tiểu Linh Quang cũng là Đạo, do cùng bản thể với Đại Linh Quang:

16. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

17. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam.

18. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 03-8 Bính Tý (1936), thiên 32 “Luận về Đại Đạo tâm truyền”.

*“Đạo là ngôi Nhứt Nguyên Chủ Tế,
Đạo cũng là đồng thể vạn linh.”¹⁹*

Đức Thượng Đế xác nhận:

*“Con là một Thiêng Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang.”²⁰*

Vậy, khi đã xác định: Cao Đài là Âm-Dương, là Đạo, là ngôi Thái Cực Đại Linh Quang, thì nơi con người, điểm Tiểu Linh Quang cũng được gọi là “Cao Đài nội tại” tức đồng nghĩa với “Thượng Đế nội tại”. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Thử hỏi Cao Đài ở chốn nao?
Người tu trở lại, trở về đâu?
Phải chăng tìm đến Cao Đài thượng,
Đài thượng vô vi tại đỉnh đầu.”²¹*

Theo đạo Lão, trên đầu có nê hoàn cung, là nơi ngự của Thượng Đế nội tại.

Đài Thừa Chơn Giáo nơi trang 61, viết: “Chữ Cao Đài là gì? Là côn lân đỉnh, hay là nê hoàn cung, thuộc về Thượng giới... Thiên môn là cái gì? Là cái khiêu nê hoàn cung đó.”

Như vậy, Thượng Đế xưa – Cao Đài nay không bao giờ rời xa con người, vì Thượng Đế hay Cao Đài chính là chỗ cao quý nhất trong mỗi chúng sinh, chỗ đó chính là Thánh Thể, là Phật tính, là Thượng Đế tính, vốn là một bản thể tiềm ẩn bên trong mỗi người, mỗi vật trong vũ trụ.

19. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Giáo Sưu Tập 1966–1967, Nxb Tôn Giáo, 2010, tr.66.

20. Sđd, tr.68.

21. Bác Nhã Tịnh Đường, 18–3 Nhâm Tý (01–5–1972).

*“Tâm người là một Cao Đài,
Là tiểu Thiên Địa, Tam Tài chí linh.”²²*

2. Thần – Khí: Ngôi Hoàng Cực chủ nhân ông:

Đạo Trời là Âm Dương, đạo người là Tánh Mạng. Âm Dương tức là Kiền Khôn, Tánh Mạng tức là Thần Khí, còn được gọi là Cao Đài kể từ khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được khai sinh.

Tánh là Thần, cái gì hết sức khinh thanh, nên dĩ nhiên phải ở nơi cao nhất trong người. Chính vì thế mà đạo Lão cho rằng, Tánh căn ở đỉnh đầu, ở Nê hoàn cung, ở Càn đỉnh (Cao).

Mạng thuộc về phần hình hài nên dĩ nhiên là phải ở chỗ chứa thấp trong người, nên đạo Lão cho rằng, Mạng ở nơi xoang bụng, phía sau rún, đó là Khôn lư (Đài).

Giữa hai cực Càn đỉnh và Khôn lư đó là phần khí lưu chuyển tuần hoàn.

Con người tu theo Thiên Đạo, luyện cho Âm Dương tức Thần Khí – Cao Đài hiệp nhứt tức chuyển từ Hậu thiên sang Tiên thiên, đưa Lạc Thơ trở lại Hà Đồ, phàm tâm diệt, Đạo tâm sanh, làm tiền đề bước lên ngôi Hoàng Cực Đại Trung.

Thánh giáo dạy *“Hoàng Cực là chủ tể của Âm Dương, bảo hợp được lưỡng thể cương nhu, điều nhiếp không còn có trong ngoài.”*

Người tu biết phản tính nội cầu, khai triển được điểm Đạo tự hữu, làm chủ được thất tình lục dục, để đạt đến ngôi vị Chủ Nhân ông của chính mình, tức là điều khiển chế ngự được phàm tâm nhờ sự quân bình hai thể Âm Dương để chứng ngộ được đến chỗ Trung Nhứt, là chỗ tổng hợp hai thể Âm Dương, Âm Dương

22. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 03-9 Giáp Dần (17-10-1974).

hoàn phục một khí nguyên sơ tức là Hoàng Cực. Đó là chỗ Thánh giáo đã dạy: “Đạo ấy được hiện, tâm ấy được suốt thông thì mới chủ được khí, mới ngự được tình, mới ngăn được dục, hầu đem chúng lại chỗ Trung Nhứt, nghĩa là quân bình hai thể Âm Dương, kết thành một khí xung hòa. Đó là bước tu đã đến tận cùng, đơn thành quả trọn.”²³

Tóm lại, trong nội thân con người, nói Thần Khí hiệp một, có nghĩa Âm Dương quân bình, cũng là Cao Đài hiệp nhứt, tức hoàn phục ngôi Hoàng Cực Đại Trung. Như vậy, Cao Đài là thuật ngữ chỉ Âm Dương, Thần Khí, Hoàng Cực hay Đạo.

IV. CAO ĐÀI NƠI XÃ HỘI NHÂN SINH

Tâm Vật bình hành

Với tinh thần vừa nhập thế vừa xuất thế, để giúp nhân loại vừa tìm ra đáp án cho bài toán nhân sinh, vừa giải quyết vấn đề tâm linh, Đức Thượng Đế đã vạch ra đường lối “Tâm Vật bình hành” làm nền tảng cho cơ phổ độ Kỳ Ba.

Tâm và Vật cũng chỉ là một cách nói khác của hai yếu tố Dương và Âm trong thế giới hữu hình cũng là biểu hiện của hai mặt đối đãi trong thế giới nhị nguyên. Bởi vì, Đức Thánh Trần Hưng Đạo đã dạy:

“Thái cực động sanh dương, tịnh sanh âm. Âm dương là hai mặt của Thái cực. Dương thì phát, Âm thì thu, dương thì tán, âm thì tụ. Tán ra thì thành khí, tụ lại thành hình. Mà hình tán ra lại thành khí. Tuy nói Âm Dương cũng là một mối. Lúc thì Dương, để phát xuất chuyển động mà có sanh hóa, có luân lưu. Lúc lại Âm, thu nạp mà

23. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chí Nam.

thành hình, trở nên muôn vàn trạng thái”²⁴. Nên có câu: “Nhứt thế lưỡng diện”.

*“Ở trong chứa đựng máy hành tàng,
Một cõi thiên đàng, một thế gian;
Vạn hữu, hữu vô tình bất đoan,
Thiên không không sắc lý tương quan.
Âm dương động tác sanh sanh trưỡng,
Cơ ngẫu vận hành tạo tạo đoan;
Co duỗi màn trời, ai rõ biết?
Để cùng vũ trụ định nhân gian.”*²⁵

Tâm và Vật đều có ở Trời và Người.

– Với Trời, Tâm là “Thiên Địa chi tâm” được nói đến trong Kinh Dịch ở quẻ Địa Lôi Phục, là năng lực vận hành, điều khiển toàn vũ trụ; Vật là vũ trụ muôn loài kể cả tinh tú nhật nguyệt và con người.

– Với người, Tâm là linh hồn, hay còn gọi theo đạo pháp là Tánh, là Thần, là phần vô hình không thấy được, nhưng nhờ đó mà chúng tổ người tồn tại; Vật là thân xác, là mạng, là Khí hay hơi thở, là phần hữu hình nhìn thấy được bằng mắt hay xúc giác, nhờ đó mà cho thấy sự hiện hữu của người.

Đức Bác Nhã Thiền Sư giảng Tâm Trời và Tâm người:

*“Ở Trời làm chủ âm dương
Nơi người, nhơn nghĩa kỹ cương pháp quyền.”*

Tâm Vật bình hành là một cái Không và một cái Có luôn song hành bằng nhau, có nghĩa có cái này phải có cái kia. Không có cái

24. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chí Nam, Chương 1, Tiết 3, Mục 1.

25. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chí Nam, Chương IV, Tiết 2, Mục 2.

kia, cái này không tồn tại; không có cái này, cái kia không hiện diện. Trong thế giới hậu thiên, Dương được minh thị bằng khái niệm Tâm và Âm được minh thị bằng khái niệm Vật. Nơi con người, không có thể xác, linh hồn không hiện hữu, ngược lại thể xác sẽ bất động khi hồn lìa khỏi xác và thân xác sẽ bị phân hủy trở về với cát bụi.

V. CAO ĐÀI NƠI TÔN GIÁO

1. Thực thể đạo cứu thế – Vạn giáo đồng nhất lý

*“Đạo Cao Đài không phải thiết lập thêm một tôn giáo, mà là cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một. Chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị, mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quý ở cõi đời này và nơi Thiên quốc, Niết Bàn.”*²⁶

Trong ý nghĩa đó, Đức Thượng Đế đã đặt để cho tôn giáo Cao Đài tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhất”. Quy nguyên là trở về với cái gốc ban đầu, là Đại Đạo. Phục nhất là trở về với cái Một, cũng chính là Đại Đạo. “Tam giáo quy nguyên” chính là mở ra cánh cửa để tôn giáo Cao Đài bước vào sự hội nhập các nền tôn giáo hiện hữu trên cái Lý đồng nhất của Đại Đạo là điểm xuất phát của vạn giáo, để làm sống lại chơn truyền của các vị Giáo tổ khai sáng, đưa tôn giáo trở về vai trò khởi thủy là chiếc thuyền đưa khách vượt khỏi sông mê sang bờ giác, để xã hội tôn giáo không còn những trạng huống đau lòng phân chia, kỳ thị kết mầm khổ đau mà sẽ thay bằng ánh sáng cảm thông của lòng từ bi, trí tuệ chiếu rọi tâm linh con người, cùng dẫn dắt con người tìm đến sự giải thoát tâm linh.

Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch dạy: *“Danh từ Đại Đạo hay Cao Đài xuất hiện trong thời kỳ này, thời kỳ Tam-nguơn Hạ-thế,*

26. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chí Nam, Chương 2, Tiết 4, Mục 1.

không phải riêng cho nội bộ Cao Đài mà phải toàn thể “Vạn Giáo Đồng Nhứt Lý”. Đạo không phải là Tôn-giáo, mà là “Đạo Cứu Đòi”, Đòi là nhơn loại, là con người. Các tôn-giáo hiện có, chỉ là các cấu tử, chớ chưa phải là Đạo, là tôn-giáo cứu thế.”

Trên tinh thần đó, hai chữ “Cao Đài” không hạn định trong phạm vi “một tôn giáo” mà hàm chứa ý nghĩa là “thực thể Đạo cứu thế” do bởi “Vạn giáo đồng nhứt lý”.

2. Cao Đài Đại Đạo

Từ đó, dù mang hình tướng của một tôn giáo, nhưng Cao Đài vẫn không hiện hữu như một tôn giáo, được xác định bởi lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

*“Người vẫn tưởng Cao Đài – tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương;
Gồm thấu trăm nẻo ngàn đường,
Tam ngươn chuyển thế định phương phục hoàn.
Mở trí tuệ soi đàng thiên lý,
Định tâm hồn coi kỹ cơ Trời;
Một vòng luân chuyển ai ơi,
Cổ kim nhứt mạch đạo Trời hóa sanh.”²⁷*

Hình tướng tôn giáo của đạo Cao Đài là một sự chuẩn bị cho nhân loại về mặt nhận thức để lịch sử văn minh nhân loại có thể chuyển sang giai đoạn thánh đức hóa toàn thể giới của thời Thượng ngươn tái lập, như lời Đức Chí Tôn:

“Thầy sắp đặt một thực tướng Tam Giáo cho các con hiểu rõ vạn

27. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

giáo trên thế gian đồng nhất lý, ngô hầu lập đời Thánh Đức sau hội Long Hoa.”²⁸

Trong ý nghĩa đó, đạo Cao Đài là một tác nhân quy hiệp vạn giáo, hầu tạo một sức mạnh tinh thần thúc đẩy mọi tổ chức nhân sinh đạt được những tiến bộ mang tính chất nhân bản, sao cho mỗi tổ chức đều tự khẳng định được địa vị cao quý của mình trong một nền văn minh đại đồng. Nói một cách nôm na, Cao Đài chủ trương đưa tôn giáo lên tầm vóc Đại Đạo, tức không còn giới hạn phân biệt hình thức, để tất cả các tôn giáo đều trở về với ý nghĩa ban đầu là con thuyền xuôi về bến đỗ là Đạo, để cùng góp phần trong đại cuộc cứu độ dẫn dắt toàn linh bước qua cơn nước lửa của cơ sàng sảy thòì mạt kiếp, bắt đầu tái tạo cõi dinh hoàn lập lại đời Thượng ngươn Thánh đức.

3. Cao Đài thể hiện mối liên hệ giữa Trời và Người – Thiên Nhân hiệp nhất

Thánh giáo dạy:

*“Cao Đài – chỗ Thiên Nhơn hiệp nhất,
Tá danh, hầu cứu vớt vạn linh;
Trong cơn thay xác đổi hình,
Hạ ngươn mạt kiếp phục sanh tánh lành.”²⁹*

Đại cuộc cứu độ của Đức Cao Đài với sứ mạng đồng hành hai cõi sắc không.

28. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

29. Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu, Ngọc Minh Đài, 01-3 Bính Ngọ (22-3-1966).

“Thiên Nhân hiệp nhất” – vì sự hiệp nhất giữa Trời và Người thể hiện nguyên lý nền tảng Âm Dương bất biến trong sự hình thành hóa sanh vũ trụ. Vạn vật hiện bày trong vũ trụ dưới dạng vật chất. Như vậy, trong vũ trụ có hai phần: một hữu hình, hai vô tướng. Phần hữu hình vận động bởi lực vô hình tác động. Phần vô hình ấy chính là phần Thiên, tượng trưng cho Dương, là Tâm vũ trụ vận hành trong Quyển pháp Đạo, là tình hạo sanh của Tạo Hóa; còn Nhân là phần hữu chất, tương ứng yếu tố Âm. Vạn vật muôn loài luôn ở trạng thái vận động là nhờ sự điều khiển vận hành của phần Dương là chủ thể của vũ trụ. Từ đó cho thấy sự sinh hóa, trưởng dưỡng của vạn hữu được đặt trên nền tảng căn bản của nguyên lý Âm-Dương tức là sự hiệp nhất giữa hữu hình và vô hình.

Trên tinh thần đó, đạo Cao Đài được thành lập dựa trên nguyên lý Thiên Nhân hiệp nhất, cũng là ý thức hệ Tâm vật bình hành, gồm 2 yếu tố:

- Vô vi: do Đức Thượng Đế và các Đấng Phật Tiên Thánh Thần.
- Hữu hình: cơ bút qua đồng tử tức con người thiết lập nên một sự hợp tác chặt chẽ giữa 2 cõi sắc không qua một cơ cấu tôn giáo, trong đó:

- Phần Vô vi thì có một Bát Quái Đài.
- Phần hữu hình thì có Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

Vậy thì, trong cơ cứu thế Kỳ Ba, việc hình thành Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng là một điều tất yếu. Tuy nhiên, so với Hội Thánh của tất cả các nền đạo đã từng hiện diện trên thế gian này, thì Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có một điểm rất mới mẻ, đặc trưng cho cơ cứu thế kỳ ba: Thượng Đế, các Đấng Thiêng Liêng vô vi, và con người hữu hình đều cùng là những thành viên ở những thứ bậc khác nhau trong cùng một

Hội Thánh với tổ chức gồm Tam đài:

– Bát Quái Đài là biểu tượng cho sự vận hành vũ trụ của Đại Đạo vô vi, trung tâm là Thái Cực, là linh hồn của nền tổ chức Đại Đạo, có sứ mạng vận hành cơ cứu độ kỳ ba, dẫn dắt vạn linh trở về với Đại Linh Quang, cội nguồn nguyên thủy của vạn linh, do Đức Thượng Đế lãnh đạo.

– Cửu Trùng Đài có nghĩa là chiếc Đài có chín (09) tầng, là phần hữu hình, tượng trưng cho chín cấp độ tiến hóa của con người trên con đường phấn đấu huân nguyên trở về với Thượng Đế Đại Linh Quang, có nhiệm vụ tiếp xúc với nhân sanh với hai chức năng chính, là chức năng hành pháp và chức năng phổ truyền chơn đạo; hai chức năng này cùng hướng đến một mục tiêu chung là độ rỗi nhân sanh. Giáo pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng nhờ Cửu Trùng Đài mà truyền bá ra khắp hoàn cầu để cứu độ toàn nhân loại.

– Hiệp Thiên Đài làm gạch nối giữa Bát Quái Đài và Cửu Trùng Đài, tức giữa vô vi và hữu hình.

4. Cao Đài là dấu hiệu cảnh báo cơ sàng sảy

Đàn cơ tại đảo Phú Quốc, giờ Tý đêm rằm tháng 8 Ất Sửu (1925)
Đức Lý Thái Bạch dạy:

“(...) Kỳ này lập Đạo, tá danh là Cao Đài là cái triệu chứng để lại muôn đời roi truyền trong Việt Nam, mà cũng là ngày năm châu loạn lạc, đao binh nổi dậy khắp nơi! Chúng sanh khá nhớ: “Cao vi CÀN, Càn vi Thiên, Đài vi KHẮM, Khảm vi Thủy tức là quẻ “Thiên Thủy Tụng” thì chạy đâu cho khỏi số Trời định đoạt binh lửa bốn phương. Những kẻ thiếu tu đành cam số phận. Cười, cười!”

Đây chính là lý do Cao Đài hiện hữu trong đại cuộc cứu độ của

Đấng Cha Trời cùng toàn thể chư Phật Tiên Thánh Thần trước khi kết thúc giai đoạn Hạ nguơn mặt pháp. Cho nên, hai chữ Cao Đài được hiểu là dấu hiệu của cơ sàng sẩy, nhắc nhở con người phải quay đầu hướng thiện, trở gót tu hành nếu không muốn bị đào thải khỏi trường tiến hóa của vũ trụ.

TẠM KẾT

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: “Cao Đài là chỗ cao nhất của mỗi chúng sanh. Đức Cao Đài Thượng Đế hằng ngự nơi đó. Có chúng sanh tức là có Cao Đài, không có Cao Đài thì không có chúng sanh, mà không có chúng sanh thì không có Phật, Tiên, Thần, Thánh chi cả.”³⁰

Chỉ hai chữ “Cao Đài” với ý nghĩa đơn giản là “cái đài cao” mà chứa đựng cả một cơ vận hành từ thiên thượng đến thiên hạ, xuyên suốt từ Trời đến Người, vì đồng nghĩa với Đạo, Thái Cực Đại Linh Quang, Thượng Đế.

Đạo bàng bạc khắp trong muôn loài vũ trụ từ vô thỉ đến vô chung, Cao Đài cũng nghĩa đó thôi. Chính vì vậy, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn nhắn nhủ: “Ai chưa xây đắp Cao Đài thì hãy xây đắp, ai chưa tìm thấy Cao Đài thì hãy tìm thấy, ai chưa gõ cửa Cao Đài thì hãy gõ cửa, vì Cao Đài là tâm của Vũ-trụ, là Thần, là gốc của con người. Cái có tên mà không tên, vì muôn loài vạn vật đều sanh ra bởi đó, mà đó không bởi đâu sanh. Chính tên Cao Đài cũng chỉ là tạm mượn, để chỉ cái gốc của con người cao quý nhất, mà con người gọi là tâm linh, là Nê-hoàn, là Ngọc-châu Viên-giác, Liên Hoa Cung.”³¹

Hiểu được ý nghĩa hai chữ Cao Đài, con người nhận ra được

30. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

31. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

chân giá trị của chính mình, đồng thời cũng đã tìm được chiếc chìa khóa vạn năng để mở ra cánh cửa huyền vi vũ trụ để tìm thấy yếu quyết tu luyện, thực hiện sứ mạng cao trọng mà Đức Cao Đài Thượng Đế đã phó giao cho môn đồ của Ngài trong Huấn từ do Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh tuyên đọc trong đàn cơ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo ngày 29-02 Mậu Ngọ (06-4-1978):

*“Chuyển nhân dục loạn thành thế trị,³²
Hoảng đạo cơ chơn lý hiển dương,
Quân bình tâm vật kỷ cương,³³
Thần hình cu diệu tứ phương cộng đồng.³⁴
Tu chứng giả biến thông vô tận,³⁵
Đắc nhứt trung trực tấn Cao Đài,³⁶
Thiên nhân chánh vị hòa hài,³⁷
Vạn đồ cổ vãng kim lai thủ thành.^{38”}*

32. Cả câu ý nói khi lòng dục con người đã biến cải thì đời loạn lạc sẽ trở thành đời an bình, thịnh trị.

33. Quân bình tâm vật kỷ cương: Tâm và vật không lấn lướt nhau, không khuynh loát nhau; lấy sự cân bằng tâm và vật làm giềng mối cho mọi việc hành xử trong đời.

34. Thần hình: thần và xác; cu (câu) diệu: đều cùng huyền diệu.

35. Tu chứng giả: người tu chứng quả, người đắc đạo; biến thông vô tận: biến hóa, thông suốt không hề bị ngăn ngại, giới hạn.

36. Đắc nhứt trung: đạt được chỗ trung nhứt; trực tấn: tiến thẳng đến.

37. Thiên nhân chánh vị hòa hài: Trời và người ở đúng vào chỗ của mình và hòa hiệp nhau, người không còn vì vật dục mà cưỡng chống lại Thiên lý.

38. Vạn đồ: muôn ngàn con đường, vô số đường lối tu hành; cổ vãng kim lai: từ xưa đến nay, xưa nay; thủ thành: nắm giữ (Thiên lý) để thành công, đắc quả.

TAM KỶ CHUYỂN QUY NGUYÊN VẠN PHÁP

Diệu Nguyên



minh họa: Cọ Trắng

Theo nghi lễ Cao Đài giáo, ngày 27-8 âm lịch hằng năm là ngày lễ Khánh đản của Đức Văn Tuyên Khổng Thánh – một trong ba vị Tam Giáo Đạo Tổ. CDGL xin giới thiệu huấn từ của Đức Tiên Sư cách đây 52 năm, do Đức Trọng Do Tử Lộ giảng truyền tại Thanh An Tự vào đêm 20 rạng 21-9 Bính Ngọ (03-11-1966).

Thanh An Tự là ngôi chùa hiện hữu từ hơn 100 năm nay tại số 18 đường Hùng Vương, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Chùa thờ Đức Quan Thánh, trước cổng chùa có đắp tượng ngựa Xích Thổ của Ngài Quan Vân Trường nên dân gian gọi là chùa Ông Ngựa.

Vào những năm đầu của thế kỷ 20, ông Trần Hiến Vinh (1884-1962) (cũng được gọi là ông Tư Vinh) được tổ phụ truyền lại, làm chủ chùa. Ông cho trùng tu, mở rộng chánh điện, lát gạch tàu toàn bộ nền chùa, trở nên nơi thờ phượng khang trang. Cũng trong những năm ấy, ông Tư Vinh và anh ruột là ông Trần Phát Đạt cùng các thân hữu gồm quý vị: Nguyễn Văn Trượng, Lê Văn Hơn, Trần Duy Khánh, Phan Văn Tý (cũng được gọi là Phán Tý)... hợp nhau cầu cơ thỉnh Tiên. Ông Nguyễn Văn Trượng làm đồng tử phò Đại Ngọc cơ. Các ông lập đàn cầu Tiên gia ban thuốc trị bệnh cho bá tánh là chủ yếu, có lẽ vì thế nên kể từ đó chùa Thanh An có tên là Đàn Minh Thiện.

Năm 1902, Ngài Ngô Văn Chiêu (về sau trở thành vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài) có đến Đàn Minh Thiện để cầu thọ cho thân mẫu và được Thiêng Liêng ban cho bài thơ khuyến tu.

Đến năm 1919, một năm trước khi trở thành đệ tử Đức Cao Đài, Ngài Ngô trở lên Đàn Minh Thiện xin thuốc cho mẹ đang đau nhiều, được Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ ban cho bài thi tứ tuyệt.

Vào trước đêm Trung Thu Quý Sửu (1925), quý vị Tiền Khai Đại Đạo nhận được lệnh phải dùng Đại Ngọc cơ để tiếp Đức Cửu Thiên Nương Nương trong lễ Hội Yến Bàn Đào đầu tiên. Lúc bấy giờ các Ngài còn dùng phương pháp xây bàn để tiếp xúc với các Đấng Thiêng Liêng nên hơi bỡ ngỡ. May mắn thay, Ngài Cao Quỳnh Cư là bạn của ông Phan Văn Tý (ông Phán Tý), người đã từng lập đàn cầu Tiên bằng Đại Ngọc cơ với các ông Trần

Hiển Vinh, Trần Phát Đạt... tại đàn Minh Thiện Thanh An Tự. Ông Phán Tý có sẵn một Đại Ngọc cơ, ông cho mượn và tận tình hướng dẫn quý vị Tiền Khai cách sử dụng.

Ông chủ chùa Trần Hiển Vinh qua đời vào năm 1962. Về sau, trong số các đạo hữu đến hành đạo tại Thanh An Tự có ông Trương Kế An, biệt hiệu là Tuyết Vân Mặc Khách, vừa là bác sĩ vừa là dược sĩ, là một người nổi danh thời bấy giờ. Ông nhập môn Cao Đài và thượng Thánh tượng Thiên Nhân tại Thanh An Tự, cúng kiếng theo Cao Đài. Đến khoảng năm 1972, ông Trương Kế An lâm bệnh, không thường hành đạo tại đây được nữa nên Thanh An Tự trở lại thờ Đức Quan Thánh cho đến ngày nay.¹

Trong khoảng thời gian Tiền bối Trương Kế An- Tuyết Vân Mặc Khách hành đạo tại Thanh An Tự và lập Thiên bàn Cao Đài tại đây, vào ngày 18-9 Bính Ngọ (31-10-1966) tức 2 ngày trước đàn cơ tại Thanh An Tự, Đức Đông Phương Chưởng Quản giáng cơ tại Thiên Lý Đàn, ban sắc lệnh lập đàn cơ tại đàn Minh Thiện Thanh An Tự như sau:

“ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN. Bần Đạo mừng chư hiền đệ, hiền muội, đồng an tọa.

Đàn bất thường hôm nay là do Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế thỉnh chỉ thị Tam Giáo Thánh Nhơn chuyển đến Đông Phương Phủ, nên Bần Đạo giáng để ban Sắc lệnh cho Bộ phận Hiệp Thiên Đài Phổ Thông Giáo Lý hành sự, và hiền đệ Tuyết Vân Mặc Khách – Kế An được rõ, hầu an lòng thiết lập đàn trung trang nghiêm thành kính, để tiếp trọn điển của Thiêng Liêng ban bố.

1. Theo Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 1: Khai Đạo, Từ Khởi Nguyên Đến Khai Minh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo, 2005, tr. 447-449.

Hiệp Thiên Đài Bảo Pháp Chơn Quân nghe lệnh:

SẮC LỊNH

*Phó Sắc Lịnh Huỳnh Chơn Bảo Pháp,
Hiệp Thiên Đài các cấp thi hành,
Thiết đàn Minh Thiện Tam Thanh,
Hai mươi, hai mốt² điển thanh giáng trần.
Để đồng đạo tinh thần giao cảm,
Để Thiêng Liêng chứng giám lễ nghi,
Cho người hiểu máy huyền vi,
Cho chơn lý Đạo quang huy quảng truyền."*

SẮC TỨ KHÂM TUÂN

Sau đây là Thánh giáo tiếp nhận được trong đàn cơ đêm 20 rạng 21-9 Bính Ngọ tại Thanh An Tự:³

THI VĂN

*Vạn pháp đồng nguyên tổng thức cơ,
Trần trung tích thủy tại ư tu,
Trường lưu thể thượng hoàng Thiên Đạo,
Mạc bả nhơn gian định nghĩa từ.*

*TRỌNG DO TỬ LỘ. Tệ Sĩ chào chư Thiên mạng, chào chư liệt vị
đạo hữu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*

*Tệ Sĩ vâng lệnh Văn Tuyên Thánh Vương chuyển đệ Thánh Sắc
Tam Giáo Tòa cho chư liệt vị. Vậy, chư liệt vị thành tâm thính sắc.
Tệ Sĩ xin tuyên đọc:*

2. Đêm 20 rạng 21 tháng 9 Bính Ngọ.

3. Để phân biệt với phần học tập của người viết, các lời Thánh giáo được in nghiêng. Các chú thích về chữ Nho cho bài thánh giáo này do ĐH. Lê Anh Minh giải nghĩa.

**TAM GIÁO THÁNH NHƠN NHO TÔNG KHAI HÓA
VĂN TUYÊN PHỦ
KHỔNG THÁNH TRỌNG NI HUẤN TỪ**

*Dữ⁴ Thanh An Tự, chư môn sanh các hạ nam nữ đồng đẳng
khánh hỷ.*

*Tam Giáo Tòa ân phê Thánh bút,
Lễ Thanh An khánh chúc Đế Quân,
Hạo Nhiên tú khí trùng trùng,
Nhứt tâm thành kính Thiên ân giáo truyền.
Tam kỳ chuyển quy nguyên vạn pháp,
Nhứt lý đồng phổ cập ngũ châu,
Nhơn sanh quy tại thù đồ,⁵
Nhứt tri bá lự công hồ mạc vi.
Thiệt thiệt giả tu⁶ tri Thiên mạng,
Phi phi hề thử khán nhân duyên,
Cổ viết: Vô thân duy Thiên,
Chưởng hoa đắc quả nhĩn tiền nhơn gian.
Cổ tự hóa huy hoàng chánh thể,
Thánh đức truyền tiết chế trùng hưng,
Tại Minh Đức, tại Tân Dân,
Hy Hiền hy Thánh tinh thần phong quang.*

VĂN TUYÊN THÁNH VƯƠNG

*Tệ Sĩ nhân đây cũng mừng cho quý liệt vị, nhứt là sanh chúng
tại địa phương, sớm ngộ giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hầu trở*

4. Dữ: Và, với, cùng. Ví dụ: Ngã dữ nhĩ = tôi và anh; sơn dữ thủy = núi với sông...

5. Thù đồ: Thù là khác biệt. Thù đồ là đường đi khác nhau.

6. Tu 須: Nên, hãy nên.

lại bốn nguyên. (...) Tệ Sĩ xin kiếu từ. Thăng.”

Trọng Do tự là Tử Lộ, là một trong thất thập nhị hiền, 72 môn đệ của Đức Khổng Tử. Ông tài giỏi, đạo đức cao vượt, tinh thông lục nghệ: Lễ, Nhạc, Xạ (bắn cung), Ngự (đánh xe), Thư (viết chữ), Số (các phép toán). Ông sinh vào đời nhà Chu, thờ cha mẹ rất hiếu thảo. Lúc bấy giờ đương khi gặp phải thời loạn lạc, nhà lại nghèo nên ông phải tìm các thứ rau quả về để nấu canh dâng lên cha mẹ dùng qua ngày. Về sau, Tử Lộ thường đi vác gạo trăm dặm đường xa để về nuôi cha mẹ. Sau khi cha mẹ qua đời, Tử Lộ sang nước Sở và được vua nước Sở phong tước cao sang. Tuy có được quan quyền vinh hiển nhưng ông luôn luôn tưởng nhớ, ước gì cha mẹ còn sống để ông ngày ngày đội gạo, bữa bữa nấu canh dâng cha mẹ ăn, cả nhà đoàn viên đầm ấm.⁷

Trước khi lên đường đi lập sự nghiệp, Tử Lộ đến cáo biệt Đức Khổng Tử. Đức Khổng Tử hỏi: “Con muốn ta tặng cho con một chiếc xe hay là tặng cho con vài lời?” Tử Lộ nói: “Xin thầy cho con một vài lời.”

Đức Khổng Tử dạy ông 5 điều: “1. Nếu không ngừng nỗ lực vươn lên thì không thể đạt được mục tiêu to lớn. 2. Không chăm chỉ làm tốt việc của mình thì không thể có được kết quả tốt. 3. Không đối xử chân thành với người khác mà so đo tính toán thì không thể thân cận với người ta. 4. Bản thân không coi trọng chữ tín thì không thể mong người khác giữ chữ tín với mình. 5. Không chân thành và khiêm tốn với người khác thì không thể phù hợp với lễ nghĩa. Nếu con có thể áp dụng năm điều này

7. Theo Video Nhị Thập Tứ Hiếu, Trọng Do vác gạo nuôi cha mẹ, trang Web của Tân Viên Sơn Quốc tự.

trong cách hành xử và làm việc thì có thể làm được lâu dài.” Tử Lộ cảm ơn thầy đã chỉ giáo rồi lên đường.

Sau ba năm Tử Lộ cai quản Bạc Ấp, một lần Đức Khổng Tử đi qua nơi ấy. Khi mới đi vào Bạc Ấp, Đức Khổng Tử đã khen ngợi: “Tử Lộ làm tốt, làm được cung kính và có chữ tín.” Khi đi vào trong thành, Đức Khổng Tử lại khen: “Tử Lộ làm rất tốt, có thể làm được trung tín và rộng lượng.” Đến phủ quan nơi Tử Lộ làm việc, Đức Khổng Tử thốt lên rằng: “Tử Lộ làm quá tốt, làm được mình xét và quyết đoán.”

Tử Cống nghe thấy lấy làm lạ, tay cầm dây cương hỏi Đức Khổng Tử: “Thầy chưa gặp Tử Lộ mà đã ba lần khen ngợi, xin thầy chỉ cho con biết chỗ mà Tử Lộ làm tốt?”

Đức Khổng Tử nói: “Đi đến nơi này Ta thấy ruộng nương chỉnh tề, đất đai trù phú, cỏ dại được nhổ sạch, đường nước ở ruộng sâu thêm, đó là vì Tử Lộ cung kính cẩn thận và có chữ tín, vì vậy nông dân mới cố gắng đi làm. Đi vào ấp, thấy tường nhà đều kiên cố, chợ đông tấp nập, cây cối tươi tốt, đó là nhờ Tử Lộ trung tín và rộng lượng, nhờ vậy người dân mới không gây gỗ cãi lộn. Phủ quan thì sạch sẽ, người hầu cận bên dưới đều rất cần mẫn, tận tình, đó là vì Tử Lộ mình xét thiện đãi, chính sách không gây phiền hà cho dân. Xem ra đó chính là thành quả mà Tử Lộ đạt được. Mặc dù ta ba lần liên tiếp khen Tử Lộ làm tốt, cũng không sao nói hết những điểm tốt của Tử Lộ.” Về sau, Bạc Ấp đã trở thành “tam thiện chi địa”.⁸

Bốn câu Thánh thi mở đầu của Đức Trọng Do Tử Lộ có ý nghĩa như sau:

8. Theo “*Một vài câu chuyện về Khổng Tử*”, Minh Huệ Net.

“Vạn pháp đồng nguyên tổng thức cơ”

Mọi người nên hiểu điều then chốt này: Vạn pháp hay vạn pháp nghĩa là tất cả các tông phái hay tôn giáo đều có cùng một nguồn gốc.

“Trần trung tích thủy tại ư tư”

Cái chén mà chứa được nước là nhờ cái lý này. Câu này ý nói, tâm con người cần phóng khoáng, lòng cần rộng mở thì mới chấp nhận được cái lý “Vạn pháp đồng nguyên”.

Trong quyển “Góp nhặt cát đá” của Thiền sư Vô Trú, có ghi câu chuyện về thiền sư Nan-in, một thiền sư Nhật Bản sống vào thời Minh Trị (1868–1912) tiếp một giáo sư đại học đến hỏi về thiền. Thiền sư Nan-in mời khách uống trà. Ông rót trà vào tách, tách đã đầy rồi mà thiền sư vẫn cứ tiếp tục rót thêm. Vị giáo sư ngồi nhìn nước trong tách tràn ra cho đến khi không kềm chế được nữa và la lên: “Đầy quá rồi, xin đừng rót nữa.” Thiền sư Nan-in nói: “Cũng giống như cái tách này, tâm trí ông đầy ắp những quan niệm, những tư tưởng thành kiến bảo thủ, làm sao tôi có thể bày tỏ Thiền cho ông được, trừ phi ông cạn cái tách của ông trước đã!”

Tương tự như vậy, nếu tâm con người chứa đầy sự phân biệt cao thấp hay chánh tà giữa tôn giáo này và các tôn giáo khác, thì không thể nào chấp nhận được lý “Vạn pháp hay vạn pháp đồng nguyên”.

“Trường lưu thế thượng hồng Thiên Đạo”

Việc mở mang đạo Trời liên tục như nước trôi chảy mãi trên đời, do đó trải qua các thời kỳ, Đức Thượng Đế đã khai mở nhiều nền tôn giáo khác nhau tùy theo phong tục tập quán của từng địa phương để cứu độ nhơn sanh.

“Mạc bả nhơn gian định nghĩa từ”

Đừng chấp vào những định nghĩa từ ngữ không đúng của người thế gian.

Tóm lại, đại ý bốn câu Thánh thi mở đầu của Đức Trọng Do Tử Lộ khuyên người đời hãy biết rằng xưa nay việc mở mang đạo Trời không hề dứt nên Đức Thượng Đế đã khai mở nhiều nền chánh giáo trên thế gian để cứu độ nhơn sanh. Con người cần phải phóng khoáng, mở rộng lòng, đừng chấp vào sự khác biệt về danh xưng, hình tướng bên ngoài mà phải hiểu rằng vạn pháp hay vạn pháp đều có cùng một nguồn gốc.

Tam Giáo Thánh Nhơn Nho Tông Khai Hóa chính là Đức Khổng Thánh Tiên Sư. Ngài là bậc Thánh Nhơn đã dùng tông chỉ đạo Nho để mở mang dân trí và giáo hóa cho nhơn sanh được văn minh tiến bộ.

Phủ (hay Phủ Đường) là nơi làm việc của các bậc lãnh đạo, quan chức cao cấp, như: Phủ Tổng Thống, phủ Thủ Tướng, nơi ngài Bao Công xử án được gọi là Khai Phong Phủ. Văn Tuyên Phủ là nơi làm việc của Đức Khổng Tử. Văn Tuyên là một trong những tên thụy mà các hoàng đế Trung Hoa truy tặng cho Đức Khổng Tử. Chẳng hạn như năm 739, vua Đường Huyền Tông tôn Ngài là Văn Tuyên Vương. Tuyên là bày ra, phô trương ra cho mọi người biết và học theo. Vương là vua, không phải là vị vua cai trị một nước mà vua có nghĩa là người tài giỏi đứng đầu trong một lãnh vực chẳng hạn như vua dầu hỏa, vua cờ tướng (kỳ vương)... Văn Tuyên Vương là người tài giỏi bậc nhất về văn chương, văn hóa, học vấn lỗi lạc và suốt cả cuộc đời tận tụy miệt mài dạy dỗ học trò. Năm 1008, vua Tống Chân Tông tôn Ngài là Huyền Thánh Văn Tuyên Vương; năm 1012 lại tôn là Chí Thánh Văn Tuyên Vương; năm 1307, vua Vũ Tông (đời Nguyên) gia phong Đức Khổng Tử là

Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương. Ngài được tôn xưng là “Vạn Thế Sư Biểu”, (sư và biểu đều có nghĩa là tấm gương, gương mẫu), Vạn Thế Sư Biểu là tấm gương sáng muôn đời.

Trọng Ni là tên tự của Ngài lúc còn tại thế. Huấn từ là lời giáo huấn, lời dạy.

“Dữ⁹ Thanh An Tự, chư môn sanh các hạ nam nữ đồng đẳng khánh hỷ.”

Chúc mừng tất cả nam nữ môn sanh Thanh An Tự.

“Tam Giáo Tòà ân phê Thánh bút”

Tòà Tam Giáo ban ơn phê chuẩn truyền dạy lời Thánh giáo

“Lễ Thanh An khánh chúc Để Quân”

Lễ ở chùa Thanh An chúc mừng Quan Thánh Để Quân

“Hạo Nhiên tú khí trùng trùng”

Khí lành Hạo Nhiên mạnh mẽ ào ạt bao phủ trùng trùng

“Nhứt tâm thành kính Thiên ân giáo truyền”

Hãy nhứt tâm thành kính tiếp nhận lời truyền dạy của Ơn Trên.

“Tam kỳ chuyển quy nguyên vạn pháp”

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một đại cuộc vận chuyển để đưa vạn pháp (các tôn giáo) trở về nguồn cội

“Nhứt lý đồng phổ cập ngũ châu”

Một chân lý duy nhất phổ cập khắp năm châu. Đây chính là chủ trương “Vạn giáo đồng nhứt lý” hay “Không tôn giáo nào qua chân lý”.

“Nơn sanh quy tại thù đồ¹⁰”

Người đời tuy đường lối khác nhau nhưng cùng quy về một

9. Dữ: Và, với, cùng. Ví dụ: Ngã dữ nhĩ = tôi và anh; sơn dữ thủy = núi với sông...

10. Thù đồ: Thù là khác biệt. Thù đồ là đường đi khác nhau.

mối. Có câu thành ngữ: Đường nào rồi cũng dẫn về La Mã. Các tôn giáo đều là các phương tiện để đưa nhơn sanh trở về nguồn cội thiêng liêng.

“Nhứt tri bá lự công hồ mạc vi.”

Lo toan trăm đường, kết quả chỉ có một. Công lao này không nhỏ.

Hai câu này chính là lời của Đức Khổng Tử trong kinh Dịch, phần Hệ Từ Hạ Truyện: Tử viết: “Thiên hạ hà tư hà lự? Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự. Thiên hạ hà tư hà lự?” Nghĩa là:

Khổng Tử nói: “Thiên hạ nghĩ gì, lo gì? Tuy đường lối khác nhau, nhưng tất cả đều quy về một mối. Lo toan trăm đường, kết quả chỉ có một. Thiên hạ nghĩ gì, lo gì?”

Trong đàn cơ này, sau phần Thánh Sắc của Đức Khổng Thánh Tiên Sư, có Đức Giáo Tông Tiên Thiên Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài giảng và đã giảng giải giúp chúng ta hiểu được phần Thánh sắc của Đức Khổng Thánh. Về hai câu “Nhơn sanh quy tại thù đồ, Nhứt tri bá lự công hồ mạc vi”, Đức Thiện Pháp giảng:

“Đạo nghĩa rộng vô cùng, nhưng cũng tạm gọi Đạo là con đường dẫn đến chỗ chí thiện chí mỹ cũng như các con đường và các phương tiện xê dịch ở thế gian.

Thí dụ: Muốn cùng hẹn nhau đi đến một địa điểm nào, mỗi người hãy tự chọn con đường và phương tiện mà đi, miễn làm sao tới địa điểm đó là được, chớ không nhứt thiết phải chọn phương tiện nào, như máy bay, tàu thủy, tàu hỏa, tàu lặn, xe hơi, thuyền buồm, xe đạp hoặc đi bộ, miễn là khách lữ hành kiên chí rồi cũng đến chỗ. Nhưng đến sớm hoặc đến muộn tùy theo phương tiện tốt xấu hoặc đường tắt đường vòng vậy thôi.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai nhằm thời Hạ nguơn mạt kiếp, là

thời cuối cùng của vận hội tuần huân Tam nguơn. Vì thời gian không còn dài, nên Chí Tôn vạch con đường tắt và chỉ cho những phương tiện tốt để nhơn sanh đi mau đến đích.”¹¹

Thánh sắc dạy tiếp:

“Thiệt thiệt giả tu¹² tri Thiên mạng”

Nếu gặp được điều chân thật tốt lành thì hãy nên biết mệnh Trời tức là bốn phận nhiệm vụ mà Trời giao phó cho ta.

“Phi phi hề thử khán nhơn duyên”

Nếu gặp điều sai quấy không tốt lành thì hãy xem xét nhân duyên của mình.

“Cổ viết: Vô thân duy Thiên”

Cho nên mới nói: không có thân, chỉ có Trời, nghĩa là Pháp bất vị thân, luật Trời hay luật Thiên điều chí công vô tư, ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác.

“Chường hoa đấc quả nhãn tiền nhơn gian”

Trồng hoa được quả, là cái lý nhân quả rõ ràng trước mắt của người đời

Về bốn câu trên, Đức Giáo Tông Tiên Thiên Thiệu Pháp Nguyễn Bửu Tài giảng giải rằng:

“Như tại Thanh An Tự đây có lệ xin xăm. Hằng ngày đa số thiện nam tín nữ đến xin xăm để cầu phúc, cầu duyên, cầu tài, cầu mạng sống. Thế thường người xin xăm có quan niệm đồng giống nhau chỗ này: Khi hai tay cầm ống xăm lắc liên hồi, lòng mong được quẻ tốt và thành công trong ý nguyện. Sau khi bàn xăm, hễ được quẻ tốt thì mừng, bằng gặp quẻ xấu thì buồn rầu lo sợ. Nhưng có mấy

11. Thanh An Tự, Tý thời 20-21 tháng 9 Bính Ngọ (02-11-1966).

12. Tu 須: Nên, hãy nên.

ai nghĩ đến việc họa phước rủi may tốt xấu mà quả kia ứng hiện là bởi nơi đâu mà có.

Thử hỏi, có phải Thánh Thần thương người nào đó rồi ban cho quả tốt, hoặc ghét người nào đó rồi ban cho quả xấu chăng? Xin trả lời rằng: Không phải vậy. Vì Trời Đất vô tư, Thần minh soi xét hành động và tâm trạng của người đó mà ứng ra trung thực quả tốt hoặc xấu, chớ không thương không ghét người nào cả. Nói rõ hơn nữa, lời bàn nơi quả ví như tấm kính soi. Hễ diện mạo tướng tá thế nào, trong kính chiếu y như vậy. Còn tâm trạng hành động của người xin xăm thế nào thì quả trả lời và báo tin trung thực cho biết như vậy. Tại sao người đời quá mê tín mà không chịu xét như vậy. Khi được quả tốt, hãy vui mừng cảm ơn Thần Thánh và vui lòng sẵn sàng kiểm điểm lại những tâm trạng và hành động gì của mình đã có, rồi hân hoan chọn lựa việc ấy mà làm, vì kết quả của quả tốt, nguyên nhân bởi tâm trạng và hành động tốt. Còn trái lại, khi gặp quả xấu, hãy chịu khó kiểm điểm lại tâm trạng và hành động của mình trong thời gian qua và hiện tại, cố gắng tìm kiếm những cái xấu mà sớm chữa đi. Những việc xấu như tư tưởng xấu, lời nói ác, hành động ác, chẳng hạn như đo gian, đong thiếu, hà lạm, hối lộ, cho vay cắt cổ, ganh tị người được việc, ố kỵ người được đời ngợi khen tán tụng, v.v.”¹³

Lời Thánh sắc dạy tiếp:

“Cổ tự hóa huy hoàng chánh thể”

Ngôi chùa xưa đã hóa thành Thánh thể Chí Tôn

“Thánh đức truyền tiết chế trùng hưng”

Thánh đức truyền dạy tiết chế sự trùng tu về mặt hình thức

“Tại Minh Đức, tại Tân Dân”

13. Thanh An Tự, Tý thời 20–21 tháng 9 Bính Ngọ (02–11–1966).

Điều cốt yếu quan trọng là ở việc làm sáng cái cái đức sáng của mỗi người, và ở sự đổi mới con người. Sách Đại Học nói: “Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện” Nghĩa là: “Đạo của Đại Học là làm sáng thêm cái đức sáng, đổi mới dân chúng, và dừng ở chí thiện.”

“Hy Hiền hy Thánh tinh thần phong quang.”

Hy 希 là ngưỡng mộ, mong sánh bằng. Bậc quân tử hay kẻ sĩ thì mong làm Hiền nhân, bậc Hiền nhân thì mong làm Thánh nhân. Con người phải luôn cố gắng vươn lên hoàn thiện hóa bản thân thì tinh thần mới rục rỡ, sáng chói (phong quang).

Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu cũng đã dạy:

“(…) người tu thân hành đạo luôn luôn phải nhớ điều này: Tu là cách mạng bản thân, bản tâm và bản tánh. Nếu vào Đạo rồi mà không sửa đổi được tánh ác ra thiện, tánh ngu thành hiền, phàm tâm ra thánh tâm, những ngôn ngữ thất đức thất nhân tâm ra lời khuyên thánh thiện, thì không thể nào gọi rằng tu, rằng cách mạng bản thân được. Vậy câu nghịch hành phản bổn là làm sao hằng ngày con người của mình phải trở nên mới, càng mới thêm mãi mãi.”¹⁴

Đức Thiệu Pháp Nguyễn Bửu Tài giảng giải:

“Thường thường người ta đến chùa, đến thất, đến miếu, đến am, lại có quan niệm rằng mình đi đến đó lạy Trời, Phật, Thánh, Thần để được ban phước lành, và tìm mua sắm lễ vật đến hiến tế Trời Phật để được phước, hoặc tụng kinh thật nhiều để được âm chất, nhưng có mấy ai chịu khó tìm hiểu và phân tách như vậy.

Sở dĩ chúng sanh quá mê muội, quá tội lỗi, nên Thượng Đế tùy thời

14. Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu, Nam Thành Thánh Thất, 14-02 Tân Hội (10-3-1971).

kỳ, tùy phong tục tập quán, tùy trình độ mỗi giống dân để mở đạo, hầu khuyên dạy họ trở về nẻo thiện đường ngay, để bảo tồn sự sống. Chớ nào phải Thượng Đế cùng Phật Tiên Thánh Thần cần đến sự cầu khẩn bái lễ suốt ngày sáng đêm để rồi ban phúc bù lại công khó đó.

Thượng Đế ra kinh sách để dạy răn đời. Đời đọc kinh sách để sửa mình theo những điều thiện, chừa những điều ác, chớ Phật Tiên Thánh Thần đâu phải thiếu kinh mà phải đợi chúng sanh đem kinh tụng cho nhiều để được bù lại công khó. Nếu khi đọc kinh không hiểu nghĩa, không làm theo sự chỉ dạy trong kinh thì dầu tụng suốt đời cũng chẳng ích gì.”¹⁵

Sau khi ban truyền xong Thánh sắc của Đức Văn Tuyên Thánh Vương, trước khi từ biệt, Đức Trọng Do Tử Lộ để lời mừng cho nhơn sanh tại địa phương sớm gặp được giáo lý Cao Đài để tu hành trở về nguồn cội thiêng liêng:

“Tệ Sĩ nhân đây cũng mừng cho quý liệt vị, nhứt là sanh chúng tại địa phương, sớm ngộ giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hầu trở lại bốn nguyên. (...) Tệ Sĩ xin kiếu từ. Thăng.”

Tóm lại, Thánh sắc của Đức Văn Tuyên Thánh Vương do Đức Trọng Do Tử Lộ giáng cơ ban truyền đã xác nhận Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một đại cuộc vận chuyển cho vạn pháp quy về một gốc. Vạn giáo đồng nhứt lý, nên cho dù đường lối hành đạo có khác nhau nhưng rốt cuộc rồi các tôn giáo cũng đều đưa con người trở về một nguồn cội chung là Đạo, là Thượng Đế, là Niết Bàn. Người tu không nên ưa chuộng hình thức cúng bái mê tín mà hãy nên hiểu rõ luật Nhân quả để cố gắng tu sửa bản thân cho nên Hiền nên Thánh. Đó mới chính là kết quả tốt đẹp và hữu ích của việc tu hành.

15. Thanh An Tự, Tý thời 20–21 tháng 9 Bính Ngọ (02–11–1966).

Những mẫu chuyện từ cơ bút

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

Đạt Tường sưu tầm



HUYỀN DIỆU CƠ BÚT

16. Thần Tiên thấy hết những hành động của con người

Thí dụ: Có một vị đạo hữu tên là Trục đi thuyền từ nhà ở Phú Lâm xuống hầu đàn cơ tại Thánh tịnh Ngọc Tuyền ở làng Long Tân, tổng Thành Tuy Hạ, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa.

Thuyền của ông phải theo sông Sài Gòn đi xuống ngã ba Nhà Bè, vượt qua sông Đồng Nai, nơi thường có sóng gió lớn kêu là ngã

ba Vàm Ô. Đến đây thuyền ông Trục bị sóng gió lớn suýt chìm, nhưng may thuyền ông thoát nạn.

Đến chiều tối ông và nhiều vị nữa mới đến Thánh tịnh Ngọc Tuyền. Ông được tiếp đãi như mọi người nhưng không ai biết tên ông là gì. Đến 11 giờ khuya có đàn cơ.

Vì chưa có lệnh đòi nên ông còn nằm nghỉ ngoài nhà khách. Sau khi hầu đàn xong, chư phật sự đem Thánh giáo ra bình, trong bài trường thiên do Đức Lý ban cho có câu:

“Trục đáo lâm sơn ngộ thủy ba...”

Đọc đến đây vị điển ký lấy làm thắc mắc và cho rằng, ở trên núi làm gì có thủy ba? Khi mọi người còn phân vân, thì ông Trục ngồi xổm dậy nói lớn rằng:

“Ngài cho tôi, Ngài cho tôi. Tôi tên là Trục đây. Hồi chiều này đi ngang qua ngã ba Vàm Ô thuyền chúng tôi bị sóng gió tưởng đầu đã chìm rồi...”.

17. Đàn tại Liên Hoa Cửu Cung (Thủ Đức) vào khoảng 1940

Trong một đàn cơ có Đức Cao Đài Thượng Đế giảng bút, vị Hội Trưởng một Hội Phật Học thời ấy dâng lên một cái khay và yêu cầu Ông Trên mình cho.

Tức thì Đại Ngọc Cơ viết ra một câu như vầy:

“Thập nhị tùng lục”.

Vị Hội Trưởng ấy cho rằng không phải Đức Cao Đài Thượng Đế giảng cơ thật, nên đã mạnh bạo nói lớn cho cả đàn nghe:

“Trật!”

Tức thì Ngọc cơ lay động và chậm rãi viết:

“Thầy cho phép con khai mật khay rồi đọc lớn lên cho cả đàn nghe.”

Vị ấy tuân lệnh và đọc: “*Nam Mô A Di Đà Phật.*”

Ngọc cơ viết: “*Con đếm coi mấy chữ?*”

Vị ấy đếm và tuyên bố: “*Sáu chữ.*”

Ngọc cơ viết tiếp: “*Con đếm coi tá danh của Thầy mấy chữ?*”

Vị ấy đọc và đếm:

“*Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát; 12 chữ.*”

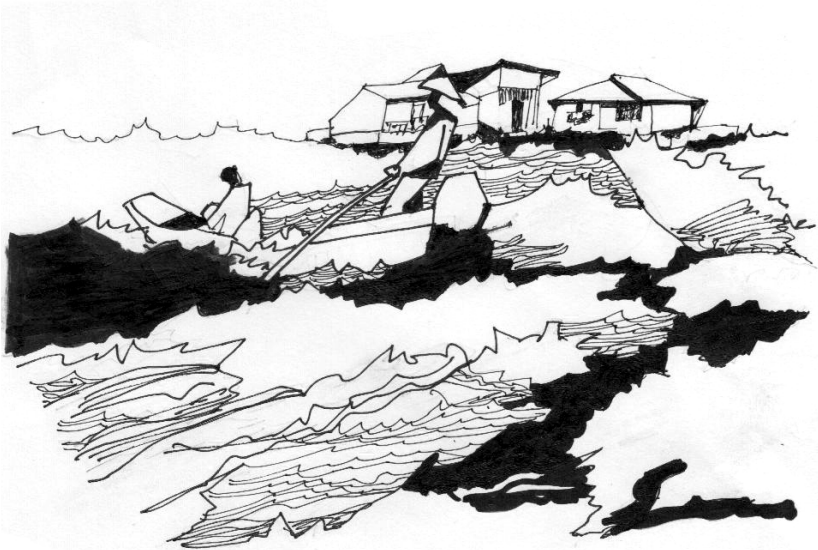
Ngọc cơ viết tiếp:

“*Như vậy 12 chữ của tá danh Thầy ngày hôm nay là do 6 chữ kia mà ra. Trật ở chỗ nào?*”

Vị Hội Trưởng ấy vội sụp xuống lạy, tỏ vẻ ăn năn xin lỗi.¹

(CÒN TIẾP)

1. Trích Cao Đài Giáo Lý số 6, năm thứ tư, tr. 14,15.



minh họa: Cọ Trắng

NGHIÊN CỨU VĂN HÓA SỬ

vài danh xưng thường dùng của **ĐẮNG MẦU NGHI** TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Đạt Tường và Ngô Chơn Tuệ

1. Danh hiệu “CỬU THIÊN NƯƠNG NƯƠNG” trong giai đoạn ẩn mình độ ba vị Tiền Khai (Hiệp Thiên Đài):

Thượng tuần tháng 8 Ất Sửu (1925), Đức Thất Nương là Đấng Thiêng Liêng đầu tiên dùng đến tên gọi này để nói về Diêu Trì Cung:

“Qua tối thượng tuần tháng tám, chú tư và chú tám tôi, tiếp dựng mấy lời của cô Vương¹ dạy về Diêu Trì Cung:

– Trên có Cửu Thiên Nương Nương cai quản. Dưới có 9 vị Tiên Cô.

– Cô Vương đây đứng về Thất Nương, cô Hón Liên Bạch là Bát Nương, còn 7 vị khác đều có nói tên cả.”²

Cũng vào hôm đó, Đấng AẤẤ bảo ba ông Cư, Tắc, Sang làm một tiệc chay dài mười Đấng vô hình gồm: Đức Cửu Thiên Nương Nương và chín vị Tiên Nương.

– Nhưng trong buổi tiệc Hội Yến Diêu Trì đêm đó, lần đầu tiên ba vị Tiền Khai (sau này quản lý Hiệp Thiên Đài) tiếp xúc với các Đấng Thiêng Liêng cao cấp qua Đại Ngọc Cơ, Đức Cửu Thiên

1. Vương Thị Lễ.

2. Huệ Chương, Đạo Mạch Truy Nguyên.

Nương Nương chỉ vô hình chủ lễ chứ chưa trực tiếp giảng cơ!
Chỉ có bốn vị Tiên Nương giảng cho bốn bài thơ.³

- Lần sau cùng, danh AẢẢ xuất hiện và nhắc đến danh Cửu Thiên Nương Nương qua bài học “khiêm nhượng” là ngày cuối năm 31-12-1925 (16-11 Ất Sửu).

Trong một thời gian dài trước và sau khi Thầy “lập Đạo”, Đức Cửu Thiên Nương Nương không xuất hiện trong các đàn cơ (từ giữa năm 1925 đến hết 1928), cho nên trong cả hai quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, hoàn toàn không thấy có bài nào của Đức Cửu Thiên Nương Nương!

Đức Chưởng Quân Diêu Trì Cung, Ngài đã chánh thức giảng cơ từ khi nào?

2. Danh hiệu “Diêu Trì Kim Mẫu” có ngay từ khi Ngài bắt đầu giảng cơ:

Vào đầu tháng Chạp Mậu Thìn (01-1929), Đức Chưởng Quân Diêu Trì Cung mới đến lần đầu tiên với danh xưng:

“DIÊU TRÌ KIM MẪU...”

Thiếp chào chư đạo hữu, chư đạo muội. Bình thân. Thiếp vì cảm tình xưa mà phải chính mình đến cùng Cửu Nương cho hiểu mọi điều...

Thiếp còn nhớ khi đến dìu dắt chư đạo hữu vào đường Đạo, phải mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì Thiếp đã nói bởi vì tình riêng của mấy Đấng Chơn Quân đến lo cứu độ chớ không phận sự chi trong lúc này, và cũng bởi lệnh Chí Tôn sai khiến, chắc rằng: nếu không phải Thiếp mở Đạo thì không phương thành Đạo đặng.

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Lịch Sử Đạo Cao Đài: Khai Đạo Và Truyền Đạo, Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2015, tr.

Khi Thiếp mở Đạo thì độ ai?

Có phải là cả chức sắc Hiệp Thiên Đài. Các Chơn Quân thiệt tình của Thiếp là ai chăng?...⁴

3. Còn danh xưng “Mẹ” có từ khi nào?

Cũng ngay trong đàn hôm lần đầu giáng cơ đó, Đức Diêu Trì Kim Mẫu khi tái cầu đã sử dụng ngay:

*“Vú Mẹ chưa lia đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vuông tròn.
Quyền cao Ngự Mã là vinh bấy,
Phận mỏng Hiệp Thiên biết giữ còn.
Lọt điểm Thánh Tâm trần tục khảo,
Vẻ tươi bợn thế nét dò đơn.
Thà xưa ví bằng nay gìn vậy,
Lòng Mẹ ngại ngừng, con hỡi con!”⁵*

Như vậy đây là đàn lần đầu tiên Đức Cửu Thiên Nương Nương đến qua cơ bút, Ngài xưng danh “DIÊU TRÌ KIM MẪU” và ngắn gọn là “MẸ” với con cái của Ngài.

4. Và danh hiệu “Vô Cực Từ Tôn” bắt đầu có từ khi nào?

Khi khảo cứu các kinh sách được xuất bản trong những năm đầu Đức Chí Tôn mới lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đến cuối năm Đinh Mão (đầu năm dương lịch 1928) trong quyển kinh Tang Tế

4. Thánh Ngôn Sưu Tập Diêu Trì Kim Mẫu – Tây Ninh.

5. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thảo Xá Hiền Cung, 10–12 Mậu Thìn (20–01–1929). Phò loan: Phạm Hộ Pháp–Cao Thượng Phẩm.

và Cầu Siêu mới bắt đầu có ghi số. Buổi ban đầu ấy, số còn rất đơn sơ chưa có ghi hàng chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và các Đấng Thiêng Liêng.⁶ Đến cuối năm 1928, Hương Thanh Thư Viện – Thánh thất Vũng Liêm ra kinh ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ NHỰT-KHÓA mới có ghi Số Cầu Siêu (tr.101) với hình thức ban đầu thời Tam Kỳ Phổ Độ như sau:

“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tam giáo quy nguyên phục nhứt”...

Huỳnh Kim Khuyết nội: Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn...”

– Ngày 12-7-1930 (17-6 Canh Ngọ), Châu Tri cho tất cả Thánh thất địa phương, Hội Thánh Tây Ninh đã ban hành quyển Nghi tiết Đại đàn và Tiểu đàn tại Tòa Thánh và Thánh thất các nơi.⁷ Trong đó, hình thức Số Văn ghi thêm một số chi tiết:

“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Đệ Ngũ niên

Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục nhứt”

“Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn” sau dòng “Huỳnh Kim Khuyết nội: Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn”⁸

Tuy nhiên rất khó xác minh chi tiết này vì nguồn tài liệu hạn chế. Nơi đây có hai chi tiết:

1. Số văn năm 1928 chưa có danh Điều Trì Kim Mẫu và đến giữa năm 1930 mới có, giúp chúng ta có thể xác định tính chính xác của Thánh giáo đầu năm 1929 về thời điểm xuất hiện của chi tiết danh hiệu Điều Trì Kim Mẫu này.

6. Trong Số Cầu siêu ghi như sau: “Phục Vi Đông Phương Giáo chủ; và Tấu Trung Thiên Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni... chứng minh”

7. Nhật Ký Đạo Sử – Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, tr.584 và tr.629-644.

8. Hội Thánh Tây Ninh tái bản, Kinh Thiên Đạo – Thế Đạo, Paris, 1952, tr.141.

2. Còn với chi tiết “Vô Cực”, với những Thánh giáo ngày nay (2018) đã sưu tầm được là:

– Đoàn đêm 29 tháng 8 Tân Vì (1931), tại Thánh thất Cầu Kho (quận Một Sài Gòn), lần đầu tiên Đức Mẹ giáng cơ xưng “*Điều Trì Kim Mẫu – Vô Cực Thiên Tôn*”, nhưng bài thi xưng danh khi khoán thủ lại là Vô Cực Từ Tôn:

*“DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN. Mẹ mừng các con
lưỡng phái. Nghe thi:*

*VÔ vi cảnh báu chẳng mòn phai,
CỰC trí Mẹ đây thăm mỗi ngày;
TỪ thuở Tạo Thiên nay giáng thế,
TÔN truyền lý Đạo giữ lòng hoài.*

*Các con nữ phái nghe Mẹ dạy: Các con ôi! Mẹ khuyên các con giữ
đạo Trời khai, ấy là độ các con phần bốn huần nguyên quy hồi cựu
vị... Các con ôi! Mẹ chẳng nở để cho các con luân trầm sa đọa, nên
Mẹ giáng cơ mà khuyên dạy các con...”⁹*

Trong bài thơ xưng danh và trong phần văn xuôi, chúng ta thấy danh từ “Mẹ” xuất hiện nhiều lần.

– Còn trong nguồn tài liệu của Tòa Thánh Tây Ninh, sau nhiều lần giáng đàn gần suốt hơn 8 năm với danh xưng Điều Trì Kim Mẫu, mãi đến năm Đinh Hợi-1947 Ngài mới đến với danh hiệu Vô Cực:

“DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN. Mừng các con. Bình thân.

*Các con chưa rõ cái mùi phú quý cao sang nơi thế này là cái bẫy
để gài những bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật phải sa đọa không mong
đắc quả. Bởi có ấy mà đũa nào đặng hưởng lộc cao quyền cả thì Mẹ
lại lo cho đũa ấy sẽ quên cội bỏ nguồn, đành thả trôi chơi với nơi bể*

9. Thánh thất Cầu Kho, Huấn Nữ Thánh Ngôn, 29-8 Tân Vì (1931), Đệ Lục Niên, tr.20.

thảm. Trong đám này chỉ có một số ít đứa biết hồi ngộ tu tâm, chun vào cửa Phật. Cũng lắm đứa miệng niệm Nam mô mà lòng lại cay nghiệt, đê ép kẻ yếu thế cô, đưng thâu của bá gia về tấn cúng, lòng ham tưởng chúng khen ngợi mà không kiểm hiểu câu tội phước công bình kia. Trời Phật, Thánh Thần chẳng đòi, không biểu lễ cúng chi cả. Các con vì lòng tín ngưỡng, chẳng biết điều chi, tạm dùng lễ để cung kính, rồi lại để khoe mình và để chịu theo thói phạm tục.

Các con hiểu Đạo, Mẹ chẳng nói nhiều, các con khá suy nghĩ.

Chư Tiên, chư Phật cùng các Đấng Thiêng Liêng chỉ dùng tâm trong sạch, tín ngưỡng kính thành, ấy là một vật báu để hiến lễ đó...”¹⁰

Điều này cho thấy, với Hội Thánh Tây Ninh trong nghi tiết năm 1930 bắt đầu đã có danh “Vô Cực Thiên Tôn” trong số văn nhưng với nguồn Thánh giáo hiện nay còn lưu giữ được thì năm 1947 mới thấy danh Vô Cực. Như vậy chắc chắn đã có Thánh giáo của Đức Diêu Trì xưng danh Vô Cực vào cuối thập niên 20 (thế kỷ 20) nhưng nay còn thất lạc vẫn chưa sưu tầm được!

5. Danh xưng “Phật Mẫu” có từ khi nào?

Ngày nay khi nghe ai đó nói đến hai tiếng Phật Mẫu, các tín hữu Cao Đài chúng ta hiểu ngay là đang nói về Đức Mẹ. Nhưng danh từ này đã có từ khi nào?

Ngày 28-9-1935 (01-9 Ất Hợi), tại Thánh địa Bạch Vân, hai Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Tiếp Đạo Cao Đức Trọng phò Tiểu ngọc cơ.

Đức Bát Nương giáng, lần đầu tiên dùng hai tiếng “Phật Mẫu” để gọi Đức Mẹ.

10. Tòa Thánh Tây Ninh, 09-01 Đỉnh Hội (30-01-1947).

“... Chị nói thiệt rằng: Dầu cho Phật Mẫu tái sanh mà thất bề hiền đức thì Ngọc Hư Cung cũng định tội quy phạm.

Vậy thì các em phải giữ lấy phận mình. Chị nghĩ cũng chưa kham, đừng thầy lay cầu tội giùm cho kẻ khác...”¹¹

6. Cha và Mẹ linh hồn

Ngày nay trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các tín hữu Cao Đài cho dầu thuộc Hội Thánh nào đi nữa, cũng đều dùng những danh từ giản dị thân thương để gọi Đức Chí Tôn là CHA linh hồn và Đức Diêu Trì Kim Mẫu là MẸ linh hồn.

– Theo lịch sử buổi đầu lập giáo, Đức Chí Tôn đã sớm tự xưng mình là THẦY, gọi các môn đệ là con và dạy xem nhau chỉ là “anh chị em” mà thôi cho dầu cấp bậc và tuổi tác có khác nhau thế nào đi nữa!

Ngày 27-9-1926 (21-8 Bính Dần), Thầy dạy ở chùa Linh Quang Tự, Hanh Thông Tây (Gò Vấp, Gia Định)¹² cho chư vị tu bên Minh Sư nay quy sang Cao Đài giáo:

“Tương¹³, Kinh¹⁴, hai con phải lay Đạo Quang¹⁵ trước mặt Thầy. Rồi từ đây gọi là anh mà thôi. Còn thầy duy có một Thầy.”¹⁶

11. Thánh Ngôn Sư Tập II số 18; 2ème séance.

12. Nay đã dời lên Hóc Môn.

13. Ngài Nguyễn Đạo Tương được Thiên phong Thượng Chưởng Pháp (Thuyết Pháp Đạo Sư Chưởng Quán Oai Linh Đạo Sĩ) vào ngày 24-7 Bính Dần (1926).

14. Ngài Nguyễn Văn Kinh, Thiên phong Giáo Sư phái Ngọc ngày 08-6 Bính Dần 1926.

15. Sau khi Thượng Chưởng Pháp quy Thiên (05-11 Bính Dần), Thái Lão Sư Trần Đạo Quang được Thiên phong Quyền Chưởng Pháp phái Thượng ngày 12-12 Bính Dần (1926).

16. Phổ Cáo Chúng Sanh, 21-8 Bính Dần (1926).

- Vào cuối năm Tân Mùi (1931), Đức Mẹ giáng cơ nơi Thảo Xá Hiền Cung:

*"(...) Chưa ai vào đến cõi trần này,
Chẳng thọ lấy Chơn Thần tay Thiếp.
Sanh dưỡng đã biết bao căn kiếp,
Rồi dắt dìu cho hiệp với CHA...
Kìa cực lạc niết bàn đem đổi,
Lấy thân phàm làm mối giải oan,
MẸ trông con về cảnh an nhàn,
Ở trần thế muôn ngàn sầu thảm."*¹⁷

7. Tóm lại

Ngày nay, tất cả tín hữu Cao Đài đều dùng từ “Đức Mẹ” mỗi khi nói về Đức Cửu Thiên Nương Nương hay Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

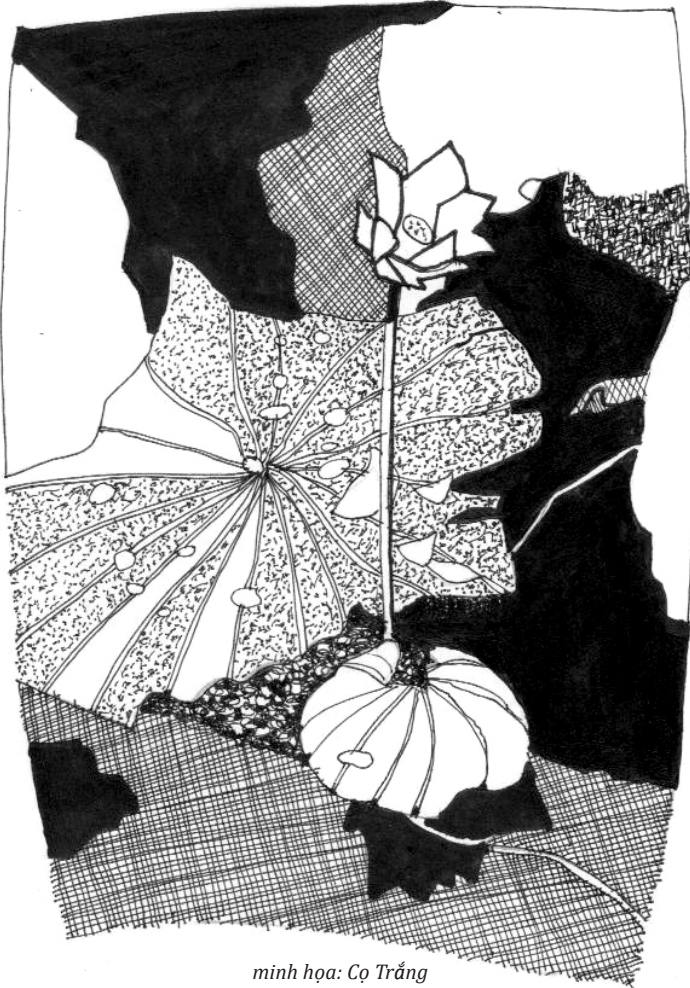


17. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thảo Xá Hiền Cung, 15-11 Tân Mùi (23-12-1931).

Phò loan: Phạm Hộ Pháp-Bảo Văn Pháp Quân.

ĐỘ SANH ĐỘ TỬ HAI VAI CŨNG ĐỒNG

Diệu Nguyên



minh họa: Cọ Trắng

Thời Tam Kỳ Phổ Độ, với mục đích tận độ quần linh, Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ đã ban hành luật Đại ân xá với nhiều ân phước đặc biệt. Ân phước này không chỉ dành riêng cho người còn sống tại thế gian mà kể cả các chơn linh quá vãng cũng được hạnh hưởng. Kinh Cao Đài có câu:

*“Nhờ ơn Thượng Đế Cao Đài,
Độ sanh độ tử hai vai cũng đồng.”¹*

Độ có nghĩa là đưa qua sông, ý nói đưa con người từ bến mê sang bờ giác hay đưa thuyền đến cứu vớt những con người đang lặn hụp trong biển khổ sông mê đưa sang bờ giác ngộ.

Độ sanh là cứu độ người còn sống và độ tử là cứu độ người đã chết.

Câu kinh *“Độ sanh độ tử hai vai cũng đồng”* cho thấy trách nhiệm cứu độ người sống cũng như người chết đều quan trọng và cần thiết như nhau.

Đức Chí Tôn dạy:

“Các con! Nguồn hội đáo kỳ, vạn vật đổi thay. Phật Tiên, Thánh Thần từ cõi hư vô đến trần gian giúp Thầy khai mối Đạo để cứu rỗi quần linh trở về nguồn gốc. Nơi cõi trung, hạ giới các đảng âm hồn, ngạ quỷ cùng đến cõi thế gian tranh nhau lập công bởi đức để trở lại cõi trường tồn chánh giác và cũng để dìu dẫn những tâm phàm bất chánh, vị kỷ vị thân, nương đạo tạo đời, nhiễu hại nhân sinh vào hố sâu vực thẳm.”²

I. ĐỘ SANH

Việc độ sanh cũng như độ tử đều có nhiều cấp độ quyền pháp và

1. Kinh An Linh Sàng.

2. Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Ty (06-8-1965).

hiệu quả khác nhau.

1. Các Đấng Thiêng Liêng cứu độ nhơn sanh

Thời Hạ nguơn mặt kiếp, Đức Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, huy động toàn lực, các Đấng Phật Tiên Thánh Thần đồng giáng trần để cứu độ chúng sinh, trong số đó có các anh linh của Tổ quốc Việt Nam như Đức Đại Nam Thánh Mẫu (Mẹ Âu Cơ của dòng giống Tiên Rồng), Đức Trưng Trắc Nữ Vương, Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Đức Phan Thanh Giản, Đức Giác Minh Thánh Đức Đoàn Thị Điểm, v.v.

Qua phương tiện cơ bút, Ông Trên đã ban biết bao Thánh ngôn Thánh giáo để giác ngộ người đời hồi tâm hướng thiện lo tu hành hầu giải thoát khỏi luân hồi sinh tử.

Cũng chính nhờ vào cơ bút với sự lâm đàn giáo huấn đầy huyền diệu thiêng liêng của Đức Chí Tôn và các Đấng Phật Tiên Thánh Thần mà thuở đầu lập Đạo, Thiêng Liêng đã độ được rất đông nhơn sanh vào cửa Đạo với con số kỷ lục mà xưa nay chưa từng có một tôn giáo nào đạt được.

Thật vậy, chỉ trong một năm từ đêm Noël 25-12-1925, khi Đức Chí Tôn chính thức xưng hồng danh Cao Đài Tiên Ông và chấp nhận chức vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang làm đệ tử, đến Tết Đinh Mão 1927, theo lời dạy của Đức Chí Tôn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, số tín đồ nhập môn vào đạo đã lên đến 40.000 người.

Những vị nhập môn trong giai đoạn này được Đức Chí Tôn điểm danh bằng bốn câu thơ tứ tuyệt và được ban ơn chữ “Thâu” tức là được thâu nhận làm môn đệ hoặc chữ “Lui” tức là chưa được ban ơn, trong đó nội dung bài thi có chỉ rõ lý do. Có trường hợp hầu đàn quá đông, Đức Chí Tôn ban ơn “Toàn thâu”:

“Đông quá! Thầy không thể cho thi mỗi đứa. Vậy thì Trung, Thơ, hai con khá chấp số từ 10 đứa mà phân hàng ngũ đến cầu Thầy.

10 cái số. Thâu

10 cái số. Thâu.

Nam toàn thâu, bỏ thẳng Chỉ.

Thượng số Nữ con. Nữ phái toàn thâu.”³

Có vị phải xin nhập môn cầu Đạo đến 4 lần mới được Đức Chí Tôn thâu nhận làm môn đệ:

Đó là ông Dương Văn Hoài, nguyên quán làng Long Hiệp, tỉnh Chợ Lớn thời Pháp thuộc. Ông đến quỳ cầu xin nhập môn tại một nhà đàn ở Cần Giuộc. Đức Chí Tôn giáng cho một bài thi mà mỗi câu có ba chữ:

“Tu là khó,

Đừng ló mố.

Đặng thì mừng,

Cực rồi bỏ. Lui.”

Một tháng sau, ông đến tại đàn lập ở chùa Hội Phước Tự, thuộc làng Long Trạch (Chợ Lớn) xin nhập môn nữa, lần thứ nhì. Qua thứ tự mấy chục người, đến phiên ông Đức Chí Tôn lại giáng cho một bài thi mà mỗi câu có bốn chữ:

“Tu hành rất quý,

Làm biếng quá quý.

Về khá ăn năn,

Sau Ta sẽ chỉ. Lui.”

Cách một tháng nữa ông lại đến cầu xin nhập môn tại một đàn cơ ở tư gia ông Hội Đồng Lai, làng Tân Kiến (Chợ Lớn). Đức

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh ngôn, 28-01 Đinh Mão (01-03-1927).

Chí Tôn ban cho một bài thi mà mỗi câu có năm chữ:

*“Thường bữa đừng than trách,
Ta thương nên chỉ cách.
Lâm thời tự hối lần,
Ráng giữ cho trong sạch. Lui.”*

Khoảng nửa tháng sau, ông nhần nại trở lại quỳ cầu xin nhập môn lần thứ tư ở chùa Hội Phước Tự. Lần này Đức Chí Tôn mới chịu thân ông với một bài thi tứ tuyệt, bảy chữ:

*“Trường để hay sao hỡi bớ trò,
Ráng công tu luyện thế đừng lo;
Cửa Tiên muốn dựa trau lòng tục,
Đàn nội từ đây để bước dò.”*

Thuở khai Đạo, mỗi buổi đàn cơ có đến mấy trăm người tham dự chật cả trong và ngoài tại chùa hay tại tư gia. Thế mà ông Dương Văn Hoài, được Đức Chí Tôn lần lượt bốn lần ban ân cho thơ. Khởi đầu từ bài thơ ba chữ mỗi câu, rồi bốn chữ đến năm chữ sau rốt bảy chữ, làm cho mọi người biết chuyện đều kinh ngạc cúi đầu trước ân oai và lòng từ bi của Đức Đại Từ Phụ.

Trong danh sách những tiền bối hiện diện trong đêm 23 tháng 8 Bính Dần tham dự soạn thảo tờ Khai Tịch Đạo để đăng ký pháp nhân hoạt động tôn giáo với chánh quyền thuộc địa, tên ông Dương Văn Hoài ở vị trí thứ tự số 219 (bảng ký tên).⁴

2. Thiên Lương vận chuyển để cứu độ nguyên nhân
Từ xưa, Đức Mẹ đã cho 96 ức nguyên nhân giáng trần để tu học, lập công bồi đức, thực hành sứ mạng cứu độ nhơn sanh. Tuy nhiên

4. Theo Đạt Tường, Câu Chuyện Đức Tin.

khi đến thế gian, các nguyên nhân bị đắm chìm trong bể đục trầm luân. Nhứt kỳ Phổ độ có 2 ức nguyên nhân trở về, Nhị kỳ Phổ độ cũng chỉ có 2 ức nguyên nhân trở về. Thế nên, đến Tam kỳ Phổ độ, Thiên cơ vận chuyển để độ tận 92 ức nguyên nhân còn lưu lại nơi thế gian. Qua phương tiện cơ bút, người môn đệ Cao Đài đã được biết nhiều trường hợp Thiên cơ vận chuyển cứu độ nguyên nhân. Chẳng hạn như trường hợp của Ngài Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, là một nguyên nhân lãnh sứ mạng xuống thế độ đời nhưng cứ mãi dằng dai nơi cõi tục khó mong trở về. Thế nên Đức Tôn Sư đã cho bạn Ngài Huỳnh Chơn đầu thai xuống thế làm vợ Ngài để độ ông trở về. Sau khi thoát xác trở về cõi thượng, Ngài đã giảng cơ kể lại câu chuyện của mình như sau:

*“Huỳnh xưa vốn Bồng Lai Tiên Tử,
Hằng theo Thầy gìn giữ pháp môn,
Chợt nhìn các cõi chơn hồn,
Nguyên nhân lạc lõng dập dồn đọa sa.
Động lòng mới nguyện ra lãnh lĩnh,
Vào cõi trần thức tỉnh vạn linh,
Cho hay cảnh giới hữu tình,
Men đời chưa thấm mà mình đã say.
Trái mấy kiếp dằng dai cõi tục,
Vòng trái oan câu thúc vô minh,
Nghịch oan mang nặng vào mình,
Quấn quanh trong nẻo tử sinh luân hồi.
Tôn Sư thấy thương ôi môn đệ,
Cho bạn lòng hạ thế cứu nguy,
Chuyển thân làm kiếp nữ nhi,
Kết duyên tằm tẩn trong kỳ Đạo khai.”*

Rồi đến cuối đời, lúc lâm trọng bệnh, gia đình tuân theo chỉ định của bác sĩ cho Ngài dùng các thực phẩm hay thuốc điều trị không phù hợp với người trường trai. Thêm một lần nữa, Ngài được huyền nhiệm Thiên lương cứu độ: Đức Tôn Sư Đông Phương Lão Tổ cho hồn dã nhân nhập xác Ngài Huỳnh Chơn thay Ngài trả nghiệp thân còn hồn Ngài thì được “chín trùng thượng thăng”.

3. Việc độ sanh hiện nay chủ yếu là do hàng môn đệ Cao Đài, người sinh tiền độ người sinh tiền.

Những ai đã may duyên hạnh ngộ đạo Cao Đài thì phải có trách nhiệm cứu độ tha nhân bằng cách phổ thông phổ truyền giáo lý, cứu tế chúng sanh bất hạnh đau khổ và quan trọng nhất là bằng cách tu chứng tức là thực chứng được những điều đạo lý mà mình đang truyền bá qua cuộc sống đạo của chính bản thân người tu, tức là thể hiện sự gương mẫu từ ý nghĩ, lời nói đến hành động. Đức Cao Tiếp Văn Pháp Quân dạy:

“Cái nhiệm vụ làm người môn đệ ta nên cố gắng để được tròn xứng với cái bổn phận. Hằng ngày tu tiến thân tâm, làm cho sáng danh của mình của Đạo, để rồi cứu người cứu mình, cứu cả đời đã mang tội ác, tạo nên một cảnh hòa bình hạnh phúc cho ngày mai. Sự mạng đặt trên lời nói, ý nghĩ, việc làm; mọi cử động đều làm khuôn phép mẫu mực cho con, cho nhà, cho người, cho nước. Được thể mới hầu cứu độ chúng sanh trong trầm luân khổ hải.”⁵

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Mỗi chư hiền đệ muội phải thể hiện một tấm gương đạo đức,

5. Trung Hưng Bửu Tòa, 30-01 Đinh Dậu (01-3-1957).

*nhơn sanh nhìn vào cảm phục, yêu mến và vâng lời.*⁶

Đặc biệt, nghi thức tang lễ của đạo Cao Đài với những lời kinh hết sức tha thiết, cảm động, cùng với sự giúp đỡ nhiệt thành của bốn đạo, có khả năng độ dẫn con cháu, thân nhân người quá vãng vào cửa Đạo.

II. ĐỘ TỬ

1. Các Đấng Thiêng Liêng du địa phủ để cứu độ các vong hồn đọa lạc.

Chúng ta hẳn đều biết vị môn đồ đầu tiên của Đức Cao Đài là Tiền khai Ngô Văn Chiêu. Từ ngày 13-3 Giáp Tuất (Thứ Năm 26-4-1934), Đức Ngô bắt đầu du địa phủ một trăm ngày để phán đoán và châm chế tội lỗi các linh hồn, sau đó Đức Ngô chứng vị Ngôi Hai Giáo Chủ.

Tại Thảo Lư (Cần Thơ), đàn ngày 23-6 Giáp Tuất (03-8-1934), Đức Chí Tôn nhắc tới chuyến du địa phủ của Đức Ngô như sau:

*“Ngôi Hai chứng vị đến kỳ
Trăm ngày vừa mãn bước đi âm đài
Mười cửa điện Ngôi Hai đã trải
Xét thưởng răn công quả dày công
Tha cho khỏi chốn giam cầm
Linh hồn thông thả lo chăm trở về.”*

Nhờ Thánh giáo Cao Đài hé lộ, chúng ta biết thêm rằng chuyến du địa phủ của Đức Ngô để cứu rỗi các âm hồn không phải là duy nhất.

Ái nữ của tiền khai Lê Văn Lịch (Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt) là Lê Ngọc Trang, Thánh danh Bạch Tuyết, tu hành chứng quả Quán Pháp Chơn Tiên, cũng du địa phủ để giúp các âm hồn được

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 17-02 Đinh Sửu (25-3-1997).

thọ hưởng đại ân xá Kỳ Ba. Chúng ta biết được sự kiện trọng đại này qua lời dạy của Đức Quảng Đức Chơn Tiên:

“Này chư đệ muội! Vì nghe tiếng rên la thảm thiết kêu cứu của những vong hồn nơi âm cảnh – những âm hồn ấy cũng đáng thương, khi còn tại thế tu hành nhưng làm đường lạc lối và vô tình gây nhiều nghiệp quả – động lòng trước lời khẩn cầu ấy, Đức Quan Âm Bồ Tát cùng Quán Pháp Chơn Tiên đang tuần du nơi A Tỳ địa ngục với đại nguyện dụng thần thông hoá cải những vong hồn tự giác ngộ và mong chờ Đức Thượng Đế trong kỳ đại ân xá chế giảm tội, sớm được luân hồi chuyển kiếp, thoát cảnh ngục hình.”

Trong lịch sử Hội Thánh Truyền Giáo cũng có một đấng tiền bối du địa ngục một trăm ngày như Đức Ngô Đại Tiên. Đó là Đức Nhất Phẩm Nhị Thừa Hoan Hỷ Chơn Quân Thái Sơ Thanh, trong đàn cơ ngày 22-4 Mậu Tuất (Thứ Hai 09-6-1958) tại Trung Hưng Bửu Tòa, là lần đầu tiên trở lại Hội Thánh kể từ khi thoát xác, đã thuật rõ chuyến du địa phủ của Ngài như sau:

“Tôi khi bỏ xác thịt này được Thầy truyền dạy đến cung U Minh Bồ Tát để cùng Người với tôi một trăm ngày du khắp địa phủ rao lời giáo pháp tận cứu của kỳ đại ân xá Chí Tôn. (...)

Tôi đã gặp biết bao đạo hữu phá giới khai trai, phản Tam Bảo, pháp quyền, hoặc yếu đuối đức tin nghe lời quyến rũ mà xa Đạo rồi theo tà thuyết, danh lợi gây nên tội báo.

Khi tôi đến nơi nào cũng giơ cao râu râu lên mà miệng cầu hồng ân xá tội. Ai nhìn trông đến là được cứu. Kể được cứu bởi quyền pháp giác ngộ.

(...) Người nào ít tội được siêu thăng thiên giới. Còn thân nhân huyền tổ của người tu hành chính đáng, công hạnh dày thì đều được rước lên Tịnh Độ.”

Theo lời dạy của Đức Bát Nương Tiên Nữ thì trong vũ trụ này có một cõi gọi là cõi Âm quang. Đức Bát Nương dạy về cõi Âm quang ấy như sau: “... nơi ấy là những chốn phạt tù những hồn vô căn vô kiếp, như quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế, nên gọi là Âm quang, (...) là nơi để cho các chơn hồn giải thân định trí (một nơi trung gian giữa thiên đường và địa ngục hay là mờ mờ mịt mịt).

Ấy là một cái quan ải, các chơn hồn khi quy Thiên, phải đi ngang qua đó.

Sự khó khăn bước khỏi qua đó là đệ nhất sợ của các chơn hồn.

Nhưng tâm tu còn lại chút nào nơi xác thịt con người, cũng nhờ cái sợ ấy mà lo tu niệm.

Có nhiều hồn chưa qua khỏi đặng, phải chịu ít nữa đôi trăm năm, tùy chơn thần thanh trọc. Chí Tôn buộc trường trai cũng vì cái quan ải ấy.

Em nói thiệt rằng, mấy anh hiểu thấu thì kinh khủng chẳng cùng. Nếu để cho chơn thần ô trọc thì khó mong trở lại cõi thiêng liêng và về cùng Thầy đặng.

Em biết đặng nhiều hồn còn ở lại nơi ấy trót ngàn năm chưa thoát qua cho đặng.

Thất Nương ở đó đặng dạy dỗ, nâng đỡ các chơn hồn, dầu sa đọa luân hồi, cũng có người giúp đỡ.”⁷

2. Các chơn linh quá vãng được phép nhập môn vô vi. Một điểm hết sức đặc biệt của Đại ân xá kỳ Ba, đó là các chơn linh quá vãng nơi cõi vô hình cũng được phép nhờ các chức sắc trong Hội Thánh Cao Đài làm lễ nhập môn vô vi tại các thánh thất,

7. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, đàn tháng 11-1932.

thánh tịnh nếu như lúc sinh thời họ chưa được may duyên hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Lễ nhập môn phải do vị chức sắc Đầu họ có quyền pháp làm phép bí tích nhập môn. Sau khi nhập môn, các chơn linh cũng có cơ hội làm công quả vô vi để lập vị.

Có một câu chuyện kể về huyền diệu nhập môn vô vi như sau:

Vào một ngày tháng 5 năm Đinh Hợi 2007, có người ở ấp Thành Nhất xã Thành Công, tên là Nguyễn Thị Tốt (62 tuổi) đến gặp ông Chánh Hội Trưởng Thánh thất Thành Công (ấp Thành Nhì, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trình bày sự việc và nhờ giúp đỡ. Bà Tốt có người cha tên là Nguyễn Văn Thiên từ trần năm 2004, thọ 92 tuổi. Cách đây ít lâu bà nằm mơ thấy người cha về kêu cứu: “Tốt ơi! Cứu Ba với, chỉ có con là cứu được ba thôi, ba khổ lắm con ơi”. Trong mơ, bà Tốt nhìn thấy ông Thiên (cha của bà) nằm dưới đất đang bị một bày kên kên quạ đập xuống cắn xé lưng lưng, lưng mắt, mình bê bết máu; bà vội chạy đến đỡ đầu cha, tự nhiên đàn quạ vụt bay lên và biến mất. Liên tiếp mấy lần nằm mơ thấy như vậy, bà có đến chùa trong vùng cúng cho cha nhưng không có kết quả. Một hôm cô con gái của bà Tốt tên là Loan sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh về kể với mẹ rằng cô đã hai lần nằm mơ thấy ông ngoại về kêu cứu, thấy ông bị đàn quạ cắn xé máu me dầm dề cả người, thế nên cô về báo cho mẹ hay. Bà Tốt bàng hoàng, sửng sốt, vì lời của Loan kể sao giống hệt những giấc mơ của bà.

Bà Tốt là người không theo một tôn giáo nào, nhưng ăn chay trường, chắc ngày thường bà cũng có lòng tin tưởng Trời Phật. Sau những đêm ngày trăn trở về người cha, Bà Tốt quyết định đến gặp ông Chánh Hội Trưởng Thánh thất Thành Công trình bày sự việc trên, xem có cách gì giúp bà được không. Đây là lần đầu tiên gặp một sự việc như vậy, ông Chánh Hội Trưởng suy

ngĩ hồi lâu, rồi mới hướng dẫn như sau: Bà phải làm một Sớ cầu Đạo nhập môn vô vi cho vong linh người cha, cần làm lễ cầu siêu cho ông liên tục vào các ngày sóc vọng trong tháng và đóng góp công quả một thời gian xem sao.

Bà Tốt làm theo hướng dẫn như trên, cho đến rằm tháng bảy Đinh Hợi đã cầu siêu được năm lần, mỗi lần bà ghi công quả cho cha 100.000 đồng. Riêng ngày rằm tháng bảy Đinh Hợi, bà công quả 500.000 đồng vào việc nấu cơm cúng cầu siêu cho bá tánh, và 500.000 đồng để cứu giúp người nghèo khó khấn.

Điều kỳ diệu là tối 17, 18 tháng bảy Đinh Hợi, Bà Tốt nằm mộng thấy cha về mặc áo dài trắng đội khăn đóng đen, vui vẻ đi trong một đoàn người cũng áo dài trắng khăn đóng đen, có người còn búi tóc nữa. Người cha nói: “Ba vô đạo Cao Đài rồi, con đừng lo cho ba nữa, giờ ba khỏe lắm, không ai bắt bớ giam cầm ba nữa đâu.” Cùng trong thời gian này, cô Loan ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng thấy y như vậy. Cô kể cho bà Tốt nghe: “Con nhìn thấy ông ngoại vui lắm, không khóc lóc cầu cứu như những lần trước. Bây giờ ông ngoại mặc áo dài trắng, đội khăn đóng đen, mà đi có bạn Đạo nữa. Con nhìn thấy ông ngoại như là con còn thức và rất tỉnh táo vậy.”

Gia đình Bà Tốt thấy kết quả ấn chứng nhiệm màu, mừng khôn kể xiết, lập tức đến báo tin cho ông Chánh Hội Trưởng và cùng với bốn đạo trong họ Đạo chia sẻ điều kỳ diệu này. Tin vui lan nhanh và kết quả là mùa Xá tội vong nhân năm Đinh Hợi, nhiều gia đình đạo đến Thánh thất xin làm lễ cầu siêu cho cứu huyền thất tổ rất đông, đến ngày ba mươi tháng bảy vẫn chưa hết người yêu cầu.⁸

8. Sen Trắng, bài viết “Chuyện Huyền Diệu Ở Thánh Thất Thành Công”, Cao Đài Giáo Lý số 95, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

3. Tín hữu đọc kinh cầu siêu cho âm nhơn, cứu huyền thất tổ và động U Minh.

Theo truyền thống Cao Đài, bốn đạo tại các tịnh thất đều thành tâm cầu siêu cho các âm nhơn cùng cứu huyền thất tổ trong suốt tháng 7 âm lịch vì tương truyền tháng 7 là tháng xá tội vong nhân, địa ngục mở cửa cho các âm hồn trở lại thế gian hội ngộ cùng thân quyến. Chơn linh nào đồng ý nhập môn vào Đạo với sự trợ duyên của thân nhân và các đạo hữu thì xem như không phải trở lại địa ngục mà sẽ được ở lại cõi thế gian tu học, công quả, đúng như câu “Đóng địa ngục, mở tầng thiên” trong bài Kinh Giải Oan của đạo Cao Đài.

Đức Quan Âm Bồ Tát có hướng dẫn cho một đạo hữu tên Cát ở Tây Ninh thuở xưa như sau:

“Bần Nữ vì cảm thương lòng thành của thiện tín mà chỉ dẫn cho đôi điều. Từ đây, thiện tín khá luôn luôn tụng Di Lạc Chơn Kinh cho người. Phải luôn tụng Cầu Siêu và Cầu Hồn⁹ đặng rửa bớt sự nặng nề cho vong linh.”¹⁰

Tại Tòa Thánh Tây Ninh, phía trước đền Thánh có một khoảng sân rộng. Đến các thời cúng trong ngày, khoảng sân này được rào kín lại không cho ai qua lại. Đó là nơi dành cho các âm nhơn đến cúng và nghe kinh.

Ngoài ra, Ông Trên còn dạy chúng ta phải động U Minh và đọc kệ U Minh chung. U: tối tăm. Minh: mờ. Cõi U Minh là cõi tối tăm mờ mịt, khi xưa thường nói là U Minh Địa phủ, Âm phủ, Địa ngục, Phong Đô.

9. Kinh Cầu Hồn: theo chú thích trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Tòa Thánh Tây Ninh, đó là bài “Ba mươi sáu cõi Thiên Tào”. Sau đổi tên là Cầu Thăng.

10. Đức Quán Thế Âm, Thánh Ngôn Sư Tập II- Tây Ninh, số 67 - Nguyễn Văn Hồng, Thanh Trước Đàn, 30-3 Tân Mão (05-5-1951).

Kệ U Minh Chung là bài kệ ngâm lên kèm theo tiếng chuông thấu đến cõi Địa ngục để thức tỉnh các chơn hồn tội lỗi, biết ăn năn sám hối tội tình, cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng thiêng liêng cứu vớt.

Hằng năm, suốt trong 3 tháng: Tháng giêng (Thượng nguơn), tháng 7 (Trung nguơn) và tháng 10 (Hạ nguơn), nơi các Thánh thất và Điện thờ thuộc Hội Thánh Tây Ninh đều cử người thường trực luân phiên ngâm kệ và động chuông U Minh suốt ngày đêm từ ngày mùng 1 cho đến ngày 30 cuối tháng mới chấm dứt.

Ngoài tác dụng độ tử, việc động U Minh còn có tác dụng vệt tan màn hắc khí và đánh thức sinh khí thổ địa cùng côn trùng thảo mộc nơi sở tại để biến luồng sinh khí nơi này từ lạnh tẻ hoang vu hắc ám trở nên ấm áp thanh quang sống động¹¹ đồng thời cũng giúp cho nhơn sanh hồi tâm hướng thiện.

Đức Giáo Tông Đại Đạo Lý Thái Bạch dạy:

“Gióng U Minh đuổi tà quái khí,

Kệ U Minh phục vị linh thần,

Âm thanh phương tiện pháp luân,

Duy trì chuyển hóa nhân dân hồi đầu.”¹²

4. Người còn sống lập công bồi đức để hồi hướng cho cửu huyền thất tổ.

Theo giáo lý Cao Đài, một người biết tu, có công với Đạo thì cha mẹ, ông bà người đó cũng được hưởng đại ân xá Kỳ Ba, mặc dù

11. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 03-5 Bính Dần (09-6-1986).

lúc còn sống ông bà, cha mẹ người đó chưa biết tu.¹³

Đức Quan Âm Bồ Tát cũng dạy vị đạo hữu tên Cát ở Tây Ninh thuở xưa:

“Còn âm chất thì càng nhiều lại càng hay. Phương độ rồi ấy là nhờ nơi lòng hiếu nghĩa của thiện tín mà làm giảm bớt phần nghiệp chướng nơi cõi thiêng liêng cho nhũ mẫu thiện tín.

Nhưng thiện tín cũng nên biết rằng, khi đã độ rồi được vong linh kẻ tội lỗi thì âm chất của thiện tín cũng đã sang bớt cho vong linh ấy chút ít rồi. Như vậy, thiện tín cần phải lập công đức thêm đặng bù vào chỗ đã mất. Đó là chỉ nói về sự độ rồi vong linh của kẻ thân thuộc mà thôi.”¹⁴

“Phương độ rồi chắc chắn hơn hết là người sanh tiền phải luôn luôn thành tâm cầu nguyện và giữ vững đức tin, bồi bổ thêm công đức. (...) Chư thiện tín khá lưu tâm mà giữ tròn âm đức nhe.”¹⁵

Trong đạo Cao Đài, nhờ vào huyền diệu cơ bút mà chúng ta biết được những câu chuyện về cứu độ cứu huyền thất tổ, có khi là con cái cứu độ cha mẹ, có khi là cha mẹ cứu độ con cái...

– Con tu cứu độ cha mẹ

Vào giờ Ngọ ngày 28-5 Tân Mão (02-7-1951), tại Thanh tịnh Đàn (Mỹ Tho), Đức Đông Nhạc Đại Đế dẫn hồn của tiền bối Lý

13. Đức Thích Ca Như Lai, Linh Thập Quảng Ngãi, 08-4 Bính Thân (17-5-1956).

14. Đức Quán Thế Âm, Thánh Ngôn Sư Tập II- Tây Ninh, số 67 – Nguyễn Văn Hồng, Thanh Trước Đàn, 30-3 Tân Mão (05-5-1951).

15. Đức Quán Thế Âm, Thánh Ngôn Sư Tập II – Tây Ninh, số 67, Thanh Trước Đàn, 30-3 Tân Mão (05-5-1951).

Vạn Dũ¹⁶ nhập cư sau ba năm (ba mươi sáu tháng) tạ thế. Lý tiên bối tường thuật như sau:

*“Ba sáu tháng xa nhà cách trẻ
Hai tám này vui về Ngộ nay
Bấy lâu dật dựa tuyền đài
Hồn linh cam chịu ai hoài¹⁷ nấng sương.”*

Tiền bối cho biết vì sao hồn linh phải chịu khổ não nơi tuyền đài: Lúc còn tại thế, vì mãi lo tạo dựng sự nghiệp vật chất hầu bảo dưỡng thân nên vô tình gây tạo tội lỗi.

*“Phải đảo điên
Tại vì tiền
Mất tâm thiền
Mất tâm thiền tại thiên gia thất
Lo bảo toàn vất vả lao tâm
Khổ lòng đau nhức chích châm
Mấy mươi năm chịu lạt lảm không tu.
Lòng không tu
Bị lờ lu
Mất tánh nhu
Mất tánh nhu, cần cù lo liệu
Sợ thiếu dùng lịu địn trẻ thơ
Cho nên tội lỗi bất ngờ
Tiền duyên nghiệp chướng khổ cơ ngộ hàn.”¹⁸*

Nhờ các con biết lo tu hành và cầu nguyện nên tiền bối Lý Vạn

16. Là cha của đạo tử Lý Thị Mỹ (quả vị Thanh Lan Tiên Nữ).

17. Ai hoài: Buồn nhớ não nuột.

18. Cơ: Đói. Ngạ: Rất đói. Hàn: Lạnh lẽo.

Dũ được hưởng ân đại xá, thoát cảnh khổ sầu nơi địa ngục và được trở về cõi trần hàn huyền cùng con cái:

“Con tu cha đặng ngao du

Con thành cha đặng thoát cù lộn quanh.¹⁹

Nhờ con chí khí tu hành

Ra công phổ cứu cầu danh cha về.

(...) nhờ lòng tu đức của các con nên cha mới đặng linh hồn thông thả hầu nương cửa thiền ôn dưỡng tâm linh chờ ngày lãnh bằng Tiên ban. Nhờ con cùng rể giúp cha, ấy gọi đền ơn dưỡng dục đó vậy. Nay cha mới biết là con tu cứu cứu huyền thất tổ đặng tiêu diêu. Ấy cũng nhờ Kỳ Ba đại xá.

(...)

Cùng CHÁNH,²⁰ con tạm làm bài vị của cha để nơi tiền giác Thanh Tịnh này cho cha mộ triêu²¹ hầu nghe kinh mau siêu thoát, vì nơi gia bất tịnh, khó nổi cho linh hồn hoạt bát kệ kinh. Con khá hiểu mà giúp cha. Ấy là con trả hiếu cho phụ thân, là rể thảo đó vậy.”

Chơn linh tiền bối Lý Vạn Dũ về sau chẳng những lìa khỏi u đồ mà còn thoát cảnh luân hồi sanh tử nơi thế gian và đắc vị Phước Đức Chơn Thánh. Ấy nhờ con cháu biết tu và đứng vào hàng Thiên ân sứ mạng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

– Cha tu cứu độ con cái

Anh Trương Thành Thiện sinh năm 1945 trong một gia đình

19. Thoát cù lộn quanh: Thoát khỏi cảnh luân hồi chuyển kiếp.

20. Là con rể, tức đạo trưởng Trương Truyền Chánh (1907–1988), thánh danh Kiến Minh, quả vị Đắc Tâm Chơn Thánh.

21. Mộ: Buổi chiều. Triêu: Buổi sớm.

có truyền thống tu hành theo tân pháp Cao Đài. Anh Thiện²² tạ thế năm hai mươi tám tuổi (1972). Mặc dù lúc sống chưa lập được công trạng với Đạo nhưng nhờ ân phước của nội tổ cùng phụ mẫu đã dày dặn công tu và đắc quả vị nên anh không bị luân hồi chuyển kiếp mà được rước về non thần tu học. Trong thời gian tám mươi một ngày (cửu cửu), chơn linh anh Thiện còn được đưa về Huòn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân, quận 4) vào giờ Ngọ ngày 30-5 Nhâm Tý (10-7-1972) để tường thuật sự tình lúc lâm chung cùng những việc xảy ra sau đó.

Anh Thiện được đặc ân hy hữu trở về hàn huyền cùng gia đình, nhờ hưởng công quả của cha. Số là trong lúc tang gia bối rối, lại nhận được thánh sắc đi hành đạo tại đồng bằng sông Cửu Long, tiền bối Kiến Minh vẫn tuân hành thánh lệnh, cam lòng để việc hậu sự cho con trai qua một bên mà dốc tâm lo tròn việc đạo:

*“Trưởng đầu thế từ nay quanh quẽ,
Nào hay đầu dựng vẽ ngọn cơ,
Đó nhờ trong lúc ban sơ,
Phụ tình ly biệt tơ mơ giấc nồng.
Thọ lệnh sắc cõi lòng tan nát,
Nhưng vững vàng phú thác ân Thiên,
Nhờ đây ân huệ hưởng liền,
Cúi đầu lạy tạ trần miền ân cha.”*

22. Con trai tiền bối Trương Truyền Chánh (thánh danh Kiến Minh). Đạo trưởng Kiến Minh là pháp đàn bộ phận thông công (Hiệp Thiên Đài) của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất và về sau là Phó Tổng Lý Minh Đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

TẠM KẾT

Nhờ vào luật Đại Ân Xá Kỳ Ba và huyền cơ diệu bút trong Tam Kỳ Phổ Độ mà chúng ta biết được nhiều điều màu nhiệm trong cơ tận độ thời Hạ nguơn mặt kiếp của Đức Chí Tôn. Qua đó, chúng ta có thể cảm nhận được ơn phước to tát mà chúng ta được hạnh hưởng khi được làm môn đệ Đấng Cao Đài. Thế nên, người tín hữu Cao Đài chúng ta cần ý thức tích cực tiến tu như lời Đức Thánh Phan Thanh Giản đã dạy:

*“Đạo Tam Kỳ là Đại ân xá lần ba
Truyền khắp cõi ta bà mà nước ta hưởng trước;
Chư đệ ôi! Để gì ta gặp được
Được gặp rồi, tiến bước giữ gìn tu.”²³*

Do đó, lúc còn sức khỏe, còn sống trên cõi thế gian, mỗi người tín hữu Cao Đài chúng ta cần nên nỗ lực tối đa trên bước đường tu học hành đạo, lập công bồi đức, thực hành công quả, công trình, công phu, trước là để tự cứu mình thoát khỏi luân hồi sinh tử, khỏi phiền đến con cháu buổi hậu lai phải nhọc công “độ tử” cho mình, sau là để cứu độ Cửu Huyền Thất Tổ trong ân sủng kỳ Ba của Đức Thượng Đế.

Xin hãy luôn ghi nhớ lời Đức Chí Tôn dạy:

*“Công khó nhọc được tiêu tai ách
Công vô tư được sạch tiền khiên
Công con cứu được Cửu Huyền
Con tu đắc Đạo được quyền vô sanh.”²⁴*

23. Thánh thất Minh Đức, 03-3 Bính Thân (13-4-1956).

24. Trung Hưng Bửu Tòa, 23-3 Bính Thân (03-5-1956). Được quyền vô sanh: Thoát khỏi luân hồi sanh tử, không phải tái sanh nơi cõi thế gian.

TỰ THẮP SÁNG HIỆN HỮU

Thiện Chí

“Ta là ánh sáng đã đến thế gian, để bất cứ ai tin Ta, người ấy sẽ không ở trong sự tối tăm.” (GA 12,46)

Một Ki-Tô hữu đã nhắc lại câu Thánh kinh trên khi kể câu chuyện “Làm thế nào sống trong ánh sáng”:

“Một hôm, vị đạo sĩ hỏi đệ tử: làm sao có thể biết được là ngày đã đến và đêm sắp kết thúc. Mỗi đệ tử trả lời một cách khác nhau nhưng không câu nào làm ông hài lòng. Sau cùng ông nói: “Khi chúng ta nhìn vào người bên cạnh, nếu chúng ta có thể nhìn người đó như người anh em của chúng ta, thì lúc đó là ngày đã đến chúng ta, nhưng bao lâu chúng ta chưa đạt được điều này thì chúng ta sống trong đêm tối.” (Góp nhặt)

Chúng ta phải sống như con cái sự sáng, không phải vì ích lợi cho chúng ta, mà còn để cho đời này bớt tối tăm. Thánh Phaolô khuyên: “Anh em hãy chiếu sáng như những vòm sao trên bầu trời thế gian.”¹

Đối với tín hữu Cao Đài, trên đường tu học hành đạo, muốn đạt được kỳ cùng mục đích, điều kiện tiên quyết là phải “tự thắp sáng hiện hữu”.

1. Nguyễn Ngọc Xuân, bài viết “Ánh sáng” từ Fb.

Thấp sáng hiện hữu có nghĩa là tự nhận thức con người thật mà mình đang sống; tức nhìn thẳng vào giá trị con người mình ở giữa xã hội, không che đậy, không mơ hồ tự dối. Như thế gọi là “tự biết mình”. Biết cái CON lẫn cái NGƯỜI của bản thân, cái “tâm” lẫn cái “thể”, cái “văn” và cái “chất”. Biết “con” là bản năng thú tánh còn lưu lại trên đường tiến hóa; biết “người” là nhân bản, là linh căn bầm thụ từ Thượng Đế. Biết được rồi mới biết TỰ CHỦ để chế ngự cái “con” và hành sử nhân năng, tức cái “Người”.

Sách Đạo Học Chỉ Nam² viết: “Giá trị con người do con người tự tạo... Nhưng đứng về cá nhân mà xét, thật hoàn cảnh xã hội và con người hiện nay, nhận thấy có gì xứng đáng đâu? Con người là một hạt sương trên ngọn cỏ, một lượn sóng giữa trùng dương, thoát mất thoát còn, yếu ớt đến nỗi một con vi trùng, một ngọn gió phớt qua cũng đủ tiêu diệt trong một giờ hàng trăm hàng vạn người.

Một mặt khác, con người phải luôn luôn nhớ rằng: mình là “âm dương chi giao, quý thần chi hội”. Nghĩa là: Mình đứng giữa âm dương, phân nửa là thần, phân nửa là quý, có phải mà cũng có quấy, có thiện mà cũng có ác, vậy con người phải chọn con đường mà đi. Đi trúng con đường lành thì lên, bằng sai con đường lành thì xuống. Con người còn có thể tu nên Tiên, nên Phật, làm sư biểu cho muôn đời. Như thế, giá trị con người không phải là con người tự tạo cho mình sao?

Vậy vấn đề nhân bản là vấn đề hóc hiểm mà quan yếu. Nếu bản (gốc) không lập, thì Đạo không sanh. Người không gốc, thì

2. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Mục “Giá trị con người do con người tự tạo”.

người không đứng vững. Mà người là tâm, gốc của tâm là tánh. Biết vun trồng bản tánh, mới thiết chỗ căn cơ, tông tổ của người.”

Nên Đức Bảo Pháp Chơn Quân dạy:

“Muốn làm người hành giả đi trên Đại Đạo để tìm về nơi nguyên bản vĩnh cửu trường tồn, thì Bốn Huynh khuyên hãy thấp sáng hiện hữu trước khi để nhận thấy chỗ cứu cánh thật sự của đạo pháp, thì bước đường tu tiến mới vững vàng khi gặp lúc thiên ma vạn chướng ngăn ngõ đón đường, mới không bị chùn bước.”³

Thấp sáng hiện hữu không chỉ như thấp ánh đèn mà cả một quá trình chủ động trau dồi trí năng và nhân cách:

“... Học đạo rất hữu ích đó chứ hiền đệ hiền muội! Học đạo lý bên ngoài để làm sáng tỏ đạo lý bên trong, nên nói học đạo là để làm người chí nhân chí mỹ. Tu công lập quả để đắp xây âm đức. Luyện đạo là chính mình làm sáng cái đạo tự hữu hằng hữu của mình để có một đời sống thực tiễn và ý nghĩa hơn. Như vậy, dầu lớn nhỏ, khi có tâm chí thì tu luyện cũng thành công. Nay được gặp thời kỳ ân xá mở rộng pháp môn, Thiên Liêng chống con thuyền đưa người vượt qua bể ngạn, nếu ai không giác ngộ thì khó sang qua đời Thánh đức và khó vào cõi an lạc.”⁴

Như thế, thấp sáng bằng công trình đối trị thất tình lục dục; bằng công quả hy sinh giúp đời; bằng công phu quán chiếu nội tâm. Nên Thánh giáo đã dạy tiếp:

“Hiện tại (...) lòng người điên đảo, ngoài thì tình thế rối ren, vì thế mỗi vị nên tự thấp sáng chính mình, có như vậy thì giờ khắc

3. Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-5 Đinh Tỵ (17-6-1977).

4. Ibid.

công phu cũng như phương pháp thiền định mới hợp với thiên lý và nhơn tâm, thì điển lực diệu dụng mới chan hòa khắp nơi và thấp sáng được hiện hữu, thì người Thiên ân hành giả mới cùng với Thánh Hội đem đến kết quả cho nhơn sanh, vừa tự độ, độ tha.”⁵

Trách nhiệm của người tín hữu bình thường, tự tu, cầu tiến phải rất cần mẫn như thế, còn đối với người hướng đạo giáo dân vi thiện còn nghiêm nhặt hơn nữa:

“Người lãnh đạo Thiên ân phải biết thấp sáng chính mình bằng khắc kỷ phục lễ, dám nhận khuyết điểm của mình trước đại chúng để đánh tan mối hoài nghi trong phần hành sự của mọi người, đó mới thật là sám hối.

Người Thiên ân hướng đạo mà chưa có cái đại hùng đại lực ấy thì chưa thể chấp trì quyền pháp của Đức Chí Tôn.”⁶

Thiền nghĩ, bốn câu Thánh thi sau đây có thể đúc kết, làm cẩm nang sống đạo cho mọi người giác ngộ đang cố gắng tự thấp sáng hiện hữu trên đường hành đạo cứu đời:

*“Một trời, một đất, một lòng tin,
Biết đạo, trước tiên biết được mình,
Mới biết sống đời là sống đạo,
Đại thừa sứ mạng rất phân minh.”⁷*

STRASBOURG, 03.8.2018

5. Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 03-11 Kỷ Mùi (21-12-1979).

6. Ibid.

7. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Nhâm Tuất (08-02-1982).

“*Thương nhau chín bỏ làm mười*”

Diệu Thuận

Kho tàng tục ngữ Việt Nam chúng ta nói rất nhiều về tình thương giữa người và người:

“Thương nhau trái ấu cũng tròn,
Ghét nhau trái bồ hòn cũng méo.”

Hay:

“Thương nhau thương cả đường đi,
Ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng.”

Nói về Tình thương, có lẽ không bút nào mà tả hết. Nhưng nói thì dễ, mà thực hiện được điều đó không phải là chuyện dễ dàng. Cũng chính vì thiếu tình thương nên nhân loại ngày nay mới xảy ra những cuộc chiến tranh tàn khốc, sát hại lẫn nhau. Và cũng chính vì thiếu tình thương nên Đức Thượng Đế với lòng hiếu sanh vô bờ bến đã khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để kêu gọi con người biết thương yêu, sống hòa hiệp cùng nhau. Để kêu gọi các môn sanh Cao Đài thực hiện tình thương hầu thực hiện sứ mạng vi nhân, độ đời giúp chúng, Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân trong một đàn cơ tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày Rằm tháng 4 Canh Tuất (19-5-1970) đã dạy:

*“Thương nhau chín bỏ để làm mười,
Nương nứu dìu nhau để độ đời,*

*Tay có ngón dài còn ngón vắn,
Kéo ra bằng mí lóng e rơi.”*

Câu “Thương nhau chín bỏ để làm mười” thể hiện sâu đậm triết lý trí tuệ, hỷ xả, độ lượng, khoan dung mà Thiên Ưng thường dạy bảo chúng ta. Lời dạy này ngụ ý rằng con người cùng sống, sinh hoạt trong một tập thể, nơi mà trình độ tiến hóa chưa đồng đều nhau, thì không thể nào tránh khỏi những buồn vui, thương ghét dấy động. Vì thế, chúng ta cần phải bỏ qua, chôn chước cho nhau những điều lầm lỗi; chúng ta không nên quá tính toán chi li, xét nét mọi việc từng ly từng tí cho rõ ràng. Mà điều cần yếu là chúng ta cần phải biết quý mến, thương yêu nhau, bỏ qua những việc chưa đúng và vun đắp cho nhau những điều tốt đẹp. Để thực hiện việc thương nhau chín bỏ làm mười, chúng ta cần phải:

Diệt bỏ những gút mắc

Có thể nói nguyên nhân khiến chúng ta chưa thương yêu được nhau là do trong lòng mỗi người đều có những gút mắc. Những gút mắc này xuất hiện giữa ta và người từ nhiều nguyên nhân, động cơ, điều kiện hoàn cảnh khác nhau. Có những gút mắc chỉ vì ta quá nghe theo lời khuyên nhiệt tình thái quá của những người bạn, người quen rồi cảm thấy bản thân mình bị thương tổn, thiệt hại, nên không thể thương yêu, hàn gắn lại với một người nào đó. Hoặc có thể những gút mắc do ta đánh giá sai một người vì thông tin của ta sai lệch, hoặc vì người khác nói sai với ta. Điều đó sẽ dẫn đến những xung đột, bất hòa, không hợp tác với nhau khiến cho cả hai đều khổ tâm và không thấy hạnh phúc khi gần nhau.

Chính những vướng mắc về cảm xúc sẽ khiến mỗi bất hòa giữa ta và người khó có cơ hội được tháo gỡ. Cảm xúc tuy không có hình

thù, nhưng nó trói chặt ta còn hơn cả ngục tù và xiềng xích. Một người khi sống thiên nhiều về cảm xúc, thì chỉ cần một mắc mứu nhỏ nhoi giữa ta và người thôi cũng có thể trở thành nỗi ám ảnh bám đuổi theo ta vào cả trong giấc ngủ. Vì thế chúng ta cần tháo mở từng bước những nguyên nhân của gút mắc để giải quyết vấn đề một cách dứt điểm, lúc đó những gút mắc tự nhiên sẽ biến mất. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có sự kiên trì, nhẫn nại thường xuyên quán chiếu, luyện tập để dẹp bỏ những gút mắc giữa ta và người.

Ai ai cũng có những sở trường và sở đoản của riêng mình. Chúng ta đừng bao giờ có tâm lý cầu toàn. Người có tâm lý cầu toàn bao giờ cũng đặt ra quá nhiều chuẩn mực, tiêu chí cho mình và cho người. Một khi chúng ta càng thiết lập nhiều chuẩn mực thì ta càng phải đối diện với sự không hài lòng, mà cứ mãi không hài lòng thì ta sẽ rơi vào trạng thái tuyệt vọng và sẽ càng nảy sinh những mâu thuẫn, gút mắc với người. Chúng ta cần thấy rõ được tính bất toàn trong từng con người hay từng nhóm người. Hãy nên đặt mình vào vị trí của người khác, để cảm thông, bỏ qua những lỗi lầm, sai sót của người hơn là tìm lỗi của người và không thông cảm cho họ. Chúng ta nên tập nhìn ra những điểm tích cực, ưu điểm của người, chấp nhận những sở đoản, những khuyết điểm của người khác để dễ dàng cảm thông và hỗ trợ nâng đỡ nhau trong công việc hành đạo:

*"Tiến hóa thương cho chữa được đau,
Lấy tình phủ dụ với thương yêu,
Nhẹ lời khuyến nhủ nương tay cánh,
Chậm chậm bước chơn để dắt dìu."¹*

1. Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Canh Tuất (19-5-1970).

Đẹp bỏ mọi thành kiến

Thành kiến là ý kiến cố chấp không thể lay động được. Một khi ta đã có ý kiến tốt hay xấu về một người hay một vật gì thì khó lòng có thể thay đổi. “Thành kiến đã bóp méo sự thật, giống như người đeo kính xanh thì vật gì cũng xanh, đeo kính đỏ thì vật gì cũng đỏ.”² Cho nên, người có thành kiến sẽ xét người và vật theo suy nghĩ riêng chứ không dựa trên cơ sở khách quan, trung thực. Vì thế thành kiến chính là một tật xấu nằm sâu trong tâm khảm con người. Nó làm cho con người thiếu lòng chân thật trong mối quan hệ với tha nhân. “Yêu nên tốt, ghét nên xấu.” Khi yêu thì coi mọi cái đều đẹp, đều tốt; khi ghét thì thấy mọi cái đều xấu như ca dao có câu:

“Yêu ai yêu cả đường đi,
Ghét ai ghét cả tông chi họ hàng.”

Những thành kiến sẽ làm cho chúng ta xa rời chân lý, thiếu sáng suốt. Chính vì thế chúng ta cần nên chuyển hóa những thành kiến đối với một người nào đó trong quá khứ, hãy đánh giá một người ở thời điểm hiện tại, đó là cách đánh giá công bằng và chính xác nhất để từ đó rũ bỏ những định kiến về một người. Có như thế chúng ta mới thương được người.

Tóm lại

Có thương yêu nhau, thì chúng ta sẽ chôn chử những lỗi lầm cho nhau trong cuộc sống, dẹp bỏ những gút mắc trong lòng, đó là ta đã đem đạo vào đời, đem lại sự thanh trị an vui cho thế gian, dốc lòng đem việc lành truyền bá khắp thế gian để khỏi ướm phí một kiếp người trong trần thế.

2. Theo Đào Duy Anh.

Giao cảm mùa thu



Xuân Mai

Mùa Thu - sự giao thoa của đất trời cuối Hạ đầu Đông- nên mang vẻ đẹp dịu dàng của cả hai mùa. Làn gió hiu hiu làm mát dịu lòng người, cơn lửa hạ đã vơi, chỉ còn những tia nắng vàng nhẹ nhẹ. Ta cảm nhận được cái hồn của mùa Thu khi ngắm nhìn những chiếc lá vàng nhẹ bay theo gió. Mỗi chiếc lá, như mỗi cuộc đời của con người, theo từng cơn gió heo may, lá rụng về cội!

Ý NGHĨA TẾT TRUNG THU

Tết Trung Thu ngày Rằm tháng 8 âm lịch hằng năm còn gọi là ngày Tết của trẻ em. Trung Thu có nghĩa là giữa mùa Thu, trẻ em rất mong đợi được đón Tết này vì được người lớn mua cho đồ chơi, lồng đèn, thường là đèn ông sao, đèn kéo quân, đèn con cá... và được ăn bánh. Ngày xưa, vào dịp Tết này, người ta tổ

chức rước đèn và ngắm trăng. Thời điểm trăng lên cao, người lớn uống trà thưởng nguyệt, trẻ em vừa múa hát, chơi đèn vừa ăn bánh.

Trung Thu không chỉ là cái Tết để trẻ con vui tươi hạnh phúc đón nhận sự quan tâm chăm sóc của người lớn mà còn là cơ hội để mọi người bày tỏ tình cảm, lòng biết ơn trong cuộc sống; ở gia đình, con cái trưởng thành mua quà bánh, trà rượu biếu cha mẹ, cúng kính tổ tiên ông bà; ngoài xã hội, việc tặng bánh trung thu cũng là tục lệ làm gia tăng sự gắn bó trong những mối quan hệ thầy cô, bạn bè, họ hàng và các ân nhân khác.

THƯỜNG TRĂNG

Thường trăng vốn bắt nguồn từ việc cúng trăng. Đời Đường, thú ngắm trăng dịp Trung thu trở nên thịnh hành, thể hiện nhiều trong thi ca thời này. Nhưng đến đời Tống, lễ hội ngắm trăng mới chính thức trở thành Tết Trung thu, tục lệ ăn bánh nướng, bánh dẻo hình mặt trăng cũng bắt đầu từ đây.

Trăng thu soi mát lòng người để người cảm tác vô vàn những vần thơ tuyệt hảo. Bởi trăng bao giờ cũng là nguồn cảm hứng vô tận đối với tâm hồn nghệ sĩ, tạo nên sự sinh động trong thế giới nghệ thuật. Ngay cả một dũng tướng chỉ quen chuyện binh đao như Đức Trần Hưng Đạo cũng không dằn nổi cảm xúc trước một “bến trăng thanh” để rồi cảm khái:

“Đêm nghỉ bến trăng thanh

Bỗng hay đầy thú lạ

Thơ theo bút tuôn dòng”

Nhưng sự cảm thụ nào cũng chịu sự chi phối bởi những giới

hạn cảm xúc của con người. Cũng ánh trăng đó, nhưng khi đi vào tâm hồn người trần thế, có khi nó làm cho người ta cảm thấy hiu quạnh đến ngút ngàn, có khi lại gợi buồn khúc chiết miên man, có khi lại tạo ra sự băng khuâng cảm khái sâu xa, có khi lại là cảm nhận thanh thoát, nhàn nhã... Như vậy, nghệ thuật có ảnh hưởng gây cảm xúc và đưa cảm xúc đi xa, gợi lên một cảm ứng hòa điệu, mặc dù đôi khi cũng có khuynh hướng khơi dậy sự phấn khích các mối dục vọng đam mê. Cho nên Đức Phật không phủ nhận một cách tuyệt đối nghệ thuật, mà hướng nghệ thuật theo chiều hướng tích cực với khả năng làm lắng dịu dục vọng. Kinh Trường Bộ có ghi lại rằng: Sau khi nghe một khúc nhạc do nhạc thần Càn Thát Bà tên Ngũ Kế- người nhạc sĩ trưởng phụ trách ban vũ nhạc kịch của thiên đình biểu diễn một khúc nhạc như âm thanh tự nhiên giữa đất trời: Đây là tiếng lá reo qua cành trúc, là tiếng suối chảy giữa khe sâu, là tiếng muôn chim hợp tấu giữa rừng xuân, Ngài khen ngợi chàng nhạc sĩ ấy về sự hòa điệu giữa giọng ca và âm ba trình tấu qua dây đàn bằng gỗ vàng Beluva với bài hát xiển dương chánh pháp.

Cái đẹp của ánh trăng nói riêng và cái đẹp trong nghệ thuật nói chung luôn là một phần tất yếu của cuộc sống. Song nó ảnh hưởng đến đời sống như thế nào đều là do thái độ và cách cảm thụ của mỗi người. Cũng ánh trăng đó nhưng nó sáng sủa hay tịch liêu, lạc lõng hay nồng nàn, buồn hay vui, động hay tịnh... là tùy theo tâm trạng mỗi người.

*"(...) Mưa Thu rưới cho vui lửa hạ,
Trăng Thu soi mát cả lòng người,
Hương Thu nhụy thấm hoa tươi,*

*Lòng Thu Thu vẫn vì đời thiết tha.*¹

Người giác ngộ tu hành ngắm trăng không phải để đưa hồn mình vào sự mê mẩn của những thứ sắc màu hấp dẫn đê mê, mà là để nhận ra những cái hảo huyền hư ảo, rồi tìm về với cái chân thật của thế giới tự tại ung dung giải thoát.

*(...) Muốn tạo cảnh thiên đàng cực lạc,
Phải dọn lòng giải thoát cho xong,
Trong con vốn một tình không,
Lo chi chẳng được đại đồng đệ huỳnh.”²*

MÙA THU LÀ MÙA YÊU THƯƠNG

Mùa Thu không phải là mùa buồn theo gió heo may. Không phải để đau xót khi thấy lá đổi màu vàng, buông thả mình theo gió và rồi thảng thốt băng khuâng “nước mắt mùa Thu... để khóc cho phận người...” như có ai đó đã ngập ngừng, tê tái, cất lên tiếng hát day dứt, não nuột để khóc cho “mùa Thu đã chết, đã chết rồi...”. Mà mùa Thu là mùa yêu thương, yêu thương bằng tâm hồn, mùa của những tâm hồn yêu nhau bằng chân lý mà trời đất như thu gọn lại một mùa Thu của lòng người.

Mỗi năm chỉ có một lần thu đến. Con người không có hai lần sống để mà phung phí, lựa chọn, thí nghiệm hay buông thả, cho nên phải biết tận dụng mùa Thu của đời người để thu liễm cho mình tình thương bao la trong đức háo sanh của Tạo Hóa dành cho muôn loài. Hãy cầu mong cho nhân loại ngày càng có

1. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

2. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Đinh Tỵ (26-9-1977).

những tấm lòng rộng mở như không gian vô tận, chứa đựng tất cả những gì là chân thiện mỹ. Cầu mong mỗi mỗi con người sẽ là một ngọn lửa bừng tỏa hừng hực sưởi ấm cuộc đời, những ánh lửa chẳng hề tắt, dịu dàng tỏa sáng như vầng trăng tròn tháng tám, để những kẻ nghèo cùng khốn khổ, vì phải lo đói no, ấm lạnh, vật lộn với cuộc sống, không có thời gian nghĩ đến xuân, hạ, thu, đông, sẽ cảm nhận được sự đến và đi của mùa Thu bằng tình thương sẻ chia của đồng loại.

“(...) Mẹ đến với các con không phải chỉ để vui hưởng những lễ vật trang trọng mà các con ưu tư dành dụm để sắm sanh, cũng không phải để cùng các con hứng cảnh xem mây trong gió mát trăng thanh với linh đình lễ vật, cũng không phải đến với các con trong bữa tiệc nguy nga sơn son phết vàng, đèn hương sáng lòa nghi ngút, trong lúc mà đồng bào các con có nhiều đũa còn điều linh khổ sở, có nhiều đũa còn quên đạo quên nguồn gốc, đang chạy theo những thị dục sở tế, tranh giành với nhau vì miếng ăn đất ở, vì chỗ đứng nơi ngồi, vì tiếng hơn lời thiệt, vì cách đối xử chẳng ngó được ngay.”³

MÙA THU LÀ MÙA THU HOẠCH

Mùa Thu, dương khí thu lại, âm khí tăng lên, chuyển từ trạng thái tăng trưởng sang trạng thái thu hoạch, là mùa quả chín, mùa gặt hái, thể hiện đặc tính thâm liễm của thời tiết. Con người theo đó mà ôn dưỡng thần khí, giữ vững ý chí, ổn định tinh thần, duy trì hòa khí trong châu thân để chuẩn bị trải qua những ngày Đông băng giá lạnh lẽo.

3. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh Thất Tân Định, 15-8 Canh Tuất (15-9-1970).

*“Lá vàng dù phải tiêu hao,
Cội tươi rể chắc làm sao oại oản.
Mùa gặt hái con ăn no dạ,
Để tới hồi tàn tạ lạnh lùng,
Hột này dành lại sang xuân,
Cuộc giồng gieo xuống hạ nhuần móc mưa.”⁴*

MÙA THU YÊN BÌNH

Đêm mùa Thu, nếu ai đã từng một lần thả hồn mình trong gió để tận hưởng mùi hương hoa sữa nồng nàn mới cảm nhận được cái hồn của thiên nhiên có sức quyến rũ như thế nào. Mùi hương hoa sữa⁵ thanh tao ấy lan tỏa trong không gian, len nhẹ trong tâm hồn như một bản hòa tấu ngọt ngào làm vơi đi bao lo toan, phiền muộn của cuộc sống ngày thường, và cũng thấy mình như trở lại khi lạc vào đám rước đèn lồng của bày trẻ thơ trong đêm hội Trung thu.

Cảnh vật đồng quê mùa Thu thật yên bình đến lạ. Hương hoa sữa thoang thoảng càng khiến tâm hồn người thư thái và cảm thấy mùa Thu sao mà quá đổi yên bình. Lòng người từ đây cũng cảm thấy lạc quan, hy vọng và vươn lên để làm đầy ý nghĩa cho

4. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh Thất Bình Hòa, 15 rặng 16-8 Canh Tuất (15-9-1970).

5. Cây thân gỗ, tán lá xanh um, có những bông hoa trắng li ti kết lại thành từng chùm, bông hoa bé xíu nhưng mùi hương của nó lan tỏa khắp nơi. Những chùm hoa trắng li ti đan xen vào những tán lá xanh tạo nên một sự kết hợp hài hòa. Hoa sữa có mặt ở Hà Nội, Cần Thơ, Long An và một số góc đường TP.HCM.

cuộc sống. Muốn được như vậy, con người phải quét sạch khỏi tâm hồn mình những bợn nhơ trần cấu, cho Đức Thượng Đế giáng ngự, con người sẽ tiếp nhận được tình thương và trí tuệ trong ý nghĩa sâu sắc của mùa Thu.

GAO CẨM

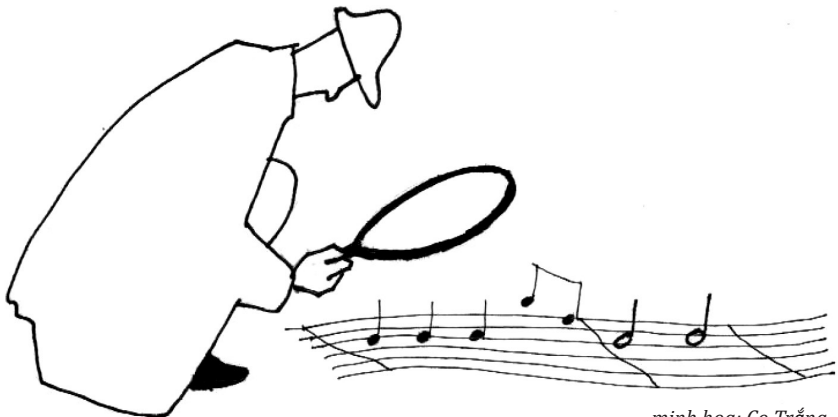
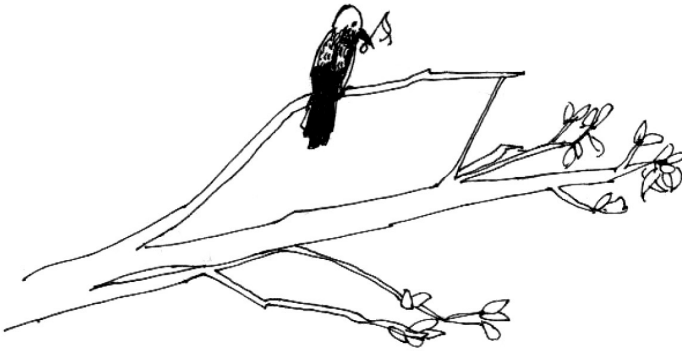
Dòng đời vẫn xuôi chảy dù ta có mặt hay không. Vẫn biết rằng cuộc trăm năm trong kiếp nhân sinh là hiếm. Mùa Thu lá vàng đang về với mỗi người chúng ta. Hãy thả hồn mình để cùng được mơ màng với mùa Thu đầy yêu thương trong ý nghĩa cuộc đời là hiến dâng, là phụng sự, để rồi mỗi chúng ta cùng cúi đầu cảm tạ Đức Chí Tôn Thượng Phụ đầy quyền năng với đức háo sanh vô tận, Ngài đã cho chúng ta mùa Thu thật hoàn mỹ.

Xin những ai muốn chia cách, thù hận... hãy nhớ đến những khi từng ước mơ sum hiệp, nhớ lời nguyện độ sanh, nhớ đến bao nguyện ước của mình vì sự khổ đau của con người, mà đến lại với nhau, để yêu thương nhau, để hiểu tất cả vật chất hữu hình nơi thế gian đều vô thường, chỉ có Tánh Phật hay sự chứng ngộ mới là lý tưởng đi tới.

Xin được cầu chúc vàng trắng thu nơi chính mỗi người ngày càng tỏ rạng hơn, hằng sáng mãi, không để mây mưa che mờ khiến mình làm đường lạc lối.

50 năm theo đuổi một tiếng chim

Bù Tọt Núi



minh họa: Cọ Trắng

Từ một trang sách, 1965.

Tháng tư – 65. Tôi mua quyển “Sống đẹp” của Lâm Ngữ Đường, do Nguyễn Hiến Lê dịch. Ở chương bàn về Hưởng thụ ở Đồi, họ Lâm có kể về tiếng hót một loài chim ở phương Nam Trung Hoa mà ông cho rằng “Tôi còn nhớ cái vui lớn nhất của tôi suốt mùa xuân năm nọ là được nghe tiếng hót của một loài chim mà có lẽ là loài giá cô (perdix). Khúc giao duyên của nó có bốn âm giai (do, mi, ré – : – ti), âm ré kéo dài ra hai ba phách, ở giữa phách thứ ba bỗng ngưng bật lại, một chút xiu, tiếp theo là âm ti bực thấp hơn. Tiếng chim hót đó, tôi thường được nghe ở miền núi phương Nam; nó đặc biệt, khác hẳn tiếng chim khác.”

Ông Nguyễn chú thích dưới đó rằng: “... Chúng tôi không rõ loài chim giá cô này, tiếng Việt gọi là gì. Nhưng ở Bắc Việt, chúng tôi được nghe một loài chim mà chúng tôi không được biết tên: tiếng hót giống như tác giả đã tả. Theo tai chúng tôi, thì nó hót: chè, xôi, chuối – thịt; tiếng thịt đổ xuống thật mau. Trong Nam này hình như vào mùa xuân, ở đồng quê và ngay giữa Sài Gòn, có một loài chim hót nghe cũng rất thích. Hối ra cũng không ai biết tên, có người gọi nó là chim mỡ côi vì tiếng hót nghe y như: “Père, frère, mère, tout est perdu.” (Cha, anh, mẹ, mất cả rồi). Sau mỗi tiếng Père, frère, mère, ngừng lại một chút, rồi “tout est perdu” dồn một hơi rất gấp.

Thị xã Tây Ninh, 1977.

Năm 77, tôi nhận nhiệm sở ở Tây Ninh. Rồi tôi được nghe một con chim nào đó hót y như hai học giả trên tả. Tiếng hót rất mạnh

mẽ, rõ ràng, vang lên trong buổi trưa mấy tháng hè. Cũng như hai học giả kể, tôi hỏi nhiều người địa phương nhưng không ai biết về loài chim này. Và dù đã cố đưa mắt dò tìm tôi cũng không một lần thấy được hình dạng chúng ra sao. Cứ khoảng tháng Ba tháng Tư, là hai tháng nóng nhất trong năm, trong căn nhà nhỏ, thấp, nóng hừng hực của mình, năm nào tôi cũng được nghe tiếng hót mạnh mẽ mà cô đơn của chúng vang vọng trong trưa hè yên tĩnh.

Komponcham, Kampuchia, 1980.

Khoảng năm 79-80, sau khi quân Việt Nam sang Campuchia đánh Pôn-pốt, tôi theo đoàn y tế sang công tác ở tỉnh Kampong Cham gần Tây Ninh. Khi đó Kampong Cham còn vắng bóng người vì dân chúng đã bị bọn Pôn-pốt đuổi khỏi tỉnh còn chưa kịp quay trở về. Khi tôi tới, vào một kho lúa vừa bị đốt cháy đen, giẫm trên lớp thóc dày còn nghe hơi nóng, và kho đạn gần bên mới bị nổ trước đó, vỏ đạn và đạn chưa nổ còn vung vãi trên đường vắng. Sống ở đây hơn một tháng trong cái vắng lặng hoang vu và nóng nực của mùa hè năm đó, tôi lại được nghe tiếng hót cô đơn mà đống dạc của giống chim nọ vang vọng trong những trưa vắng. Và... tôi vẫn không thấy được hình bóng của “ca sĩ” bí ẩn này... Rồi tôi tìm được một website về các loài chim, một website rất tuyệt vì quay được cảnh sinh hoạt của các loài chim, còn thu được cả tiếng kêu tiếng hót của chúng nữa. Chắc hẳn vì phen này chắc tìm được tung tích bí ẩn của danh ca này. Nhưng tìm một loài chim qua “giọng hót” thì “từ khóa” là “chữ” gì? Thất bại thảm hại! Không thể nào tìm được tung tích đương sự.

“Chim Việt Nam”, 1980.

Năm 82-83 gì đó, tôi lại mua được một cuốn sách về chim: “Chim Việt Nam” của Võ Quý. Sách viết rất hàn lâm theo kiểu bài giảng của bộ môn động vật trường đại học. Nhưng những bài mô tả chi tiết với hình vẽ các loài chim không giúp được gì, và đây lại chỉ là tập 2 của sách. Mình chưa hề thấy con chim, chỉ nghe tiếng hót thôi thì sao “điều tra” ra nổi!!

Đồng tâm tương ứng, 80

Mấy năm sau đó, đọc một bài của Khương Trọng Sửu thấy bạn cũng quan tâm tới “ca sĩ” này, vì giọng hót lạ lùng, không giống ai của ca sĩ. Bạn còn chụp được hình của “nghị phạm” đứng giữa mấy sợi dây điện trên cột đèn! Gọi là “nghị phạm” vì Khương huynh vẫn chưa dám chắc đó có đúng là ca sĩ mình đang tìm kiếm không?? Thỉnh thoảng có dịp cùng được nghe với ai đó tiếng con chim này hót tôi đều hỏi xem đó là chim gì... nhưng chỉ được đáp lại bằng những cái lắc đầu. Chẳng ai biết cả!! Thời đó chưa có những website chuyên về chim cảnh như sau này, nên tôi chẳng còn biết hỏi ai nữa...

Đột phá 2017?

Gần đây, trên Facebook, bạn Sửu có đặt lại vấn đề này, và được góp ý của nhiều bạn miền Tây. Tôi rất vui khi cuộc trao đổi diễn ra khá rôm rả. Rồi có kết luận từ một bạn FB, đó là con chim Coot. Tôi mừng quá vì câu hỏi bao nhiêu năm đã có đáp án!! Nhưng chỉ là... mừng hụt!! Vì sau đó vào Youtube và Google để kiểm chứng thì chú chim Coot này chỉ biết kêu mỗi tiếng “coot” và lặp lại từng hồi dài những tiếng “coot” đơn điệu!!!

Nó đây rồi! 2018

Mới đây, nhà có việc, thằng em họ bên vợ lên chơi giúp sửa nhà. Hôm đứng bên hiên nhà, phía sân sau, đột nhiên có tiếng con chim “cổ nhân” cất lên lanh lảnh. Tôi liền hỏi nó chim gì. Nó trả lời liền: “Chim chích choè.” Thằng này ở dưới quê, nó tưởng nó rành về chim chóc, ai ngờ gặp tôi từng “nghiên cứu” về con chim này quá nhiều. Tôi trả lời liền: “Không phải đâu!” Rồi tôi vô Youtube, cho nó coi chích chòe đen, chích chòe lửa, quành quạch, tu hú, v.v. cả chục thứ chim nó hót ra sao. Lúc đó chiều tối, thằng em đi chơi đâu đó. Lúc rày thiên hạ xài smart phone cả đống, tôi không có smart phone, nhưng thằng này ngon, nó cũng “chơi” smart phone 3G. Tối đó nó về chìa cho tôi coi: “Anh coi phải con này hông?”. Trời ơi, trên màn hình con chim nó hót y chang con chim mà tôi bao năm nay “tương tư bất tương kiến”. Mời các bạn xem video và nghe tiếng hót lạnh lốt lạnh lũng đống dặc không giống ai của nó... https://youtu.be/9L_IhpsoSr8. Chiều chiều chim vịt kêu chiều/ Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau. Người ta bảo buổi chiều nghe chim này hót rất buồn, nên người xa quê nghe chim hót rất dễ nhớ nhà, nhớ mẹ. Nhưng có người nói rằng chim vịt này cũng giống như chim tu hú, nghĩa là đẻ nhờ vào tổ chim khác, thường là chim sâu, sau đó chim mẹ bay mất chẳng bao giờ quay lại. Nên chim vịt là chim mồ cô. Chim mồ cô nên còn buồn nhớ mẹ gấp đôi vì chẳng biết mẹ là ai, có cha mẹ nhưng là cha mẹ nuôi mà thôi...

TRANG THƠ

Ơn Thầy Mẹ

Minh Nguyệt

Nhân sanh mừng đón đạo Trời Cha,
Cứu vớt sanh linh buổi xế tà,
Đón trẻ quày chân, Thầy cứu độ,
Đưa người thoát tục, Mẹ thứ tha.

Truyền kinh diu dặt quày chơn ngã,
Giáng điển lời vàng rưới Ma-ha,
Cao Đài Tân pháp dành ban tặng,
Khơi nguồn Đạo mạch giữa Kỳ Ba.



minh họa: Cọ Trắng

Vu Lan

Nhớ Mẹ

Đặng Kim Thuận

Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc

Đêm qua mơ thấy mẹ về.
Vu Lan, nhớ mẹ nào nề mẹ ơi!
Con buồn nước mắt tuôn rơi,
Bên khung cửa vắng con ngồi buồn hiu;
Vu Lan tháng bảy mưa nhiều,
Một trời nhung nhớ mẹ yêu thuở nào;
Vòng tay ấm áp còn đâu,
Một mình con với nỗi sầu vô biên;
Mẹ nằm sương lạnh triền miên,
Vai kề tựa đất hồn thiêng cõi nào;
Vu Lan rá rích mưa ngâu
Lòng đau nhớ mẹ một bầu mẹ ơi!
Ước gì mẹ vẫn bên đời
Để con được nói những lời thương yêu
Yêu mẹ, con yêu rất nhiều
Giờ nay mẹ vắng trăm điều khúc nôi
Gió ơi ta gửi ngàn lời
Niềm thương kính mẹ nơi miền xa xôi
Nếu ai còn mẹ trên đời
Hết lòng phụng dưỡng cho đời an vui.

BẢN THỂ LUẬN VÀ HIỆN TƯỢNG LUẬN

Nhân tử Nguyễn Văn Thọ

Tôi rất là khổ tâm khi phải dùng đến những danh từ đao to, búa lớn; những danh từ hàn lâm, trường ốc, xa vời dân gian, quần chúng, như Bản thể luận và Hiện tượng luận. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải làm quen với ít nhiều danh từ “nghênh ngang” như vậy, vì thế giới đã chấp nhận chúng. Tôi cũng sẽ không đưa ra ngay một định nghĩa nào đó về Bản thể và Hiện tượng, vì tôi không muốn trói chặt tôi vào trong những thùng chảo của giới hạn. Tôi sẽ cứ bàn về vấn đề, rồi từ từ các bạn sẽ nhìn thấy nó rõ ràng.

Nôm na mà nói, thì Bản thể là căn cơ sinh xuất ra vũ trụ quần sinh này. Còn Hiện tượng bao gồm tất cả vũ trụ, quần sinh, tất cả những gì chúng ta nhìn được, nghe được, sờ được, nếm được, ngửi được; tất cả những gì mà tâm tình, trí lự ta cảm được, suy được, tưởng tượng được. Á Châu gọi hiện tượng là “Hình, Danh, Sắc, Tướng” nếu là ở ngoại giới; là “Pháp” nếu là ở nội giới tâm linh.

Như vậy, ta đã thấy ngay tầm quan trọng vô biên của Bản thể. Đa số triết gia Âu Châu chủ trương rằng mỗi vật lại có một bản thể riêng biệt: Thượng Đế có bản thể của Thượng Đế; vạn hữu có bản thể của vạn hữu; người, vật, cỏ cây, nhất nhất đều có bản

thể riêng tư. Nhưng các bậc đại thánh, đại hiền Đông cũng như Tây đều chủ trương ngược lại rằng: Bản thể có một; chỉ Hiện tượng mới là ngàn muôn, sai biệt. Chính vì vậy mà Á Đông đã tạo ra được một khẩu hiệu hết sức là đẹp đẽ: THỂ DUY NHẤT, DỤNG VẠN THÙ 體唯一用萬殊.

Và lạ lùng thay, bất kỳ là Bà La Môn, hay Phật giáo, hay Lão giáo, Khổng giáo, tất cả các đạo giáo lớn Á Đông đều nhất luận chia sẻ quan niệm then chốt nói trên. Những khẩu quyết như: THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ 天地萬物同一體 hay NHẤT TÁN VẠN, VẠN QUY NHẤT 一散萬萬歸一 đã trở thành sáo ngữ ở cửa miệng dân gian. Phật giáo có khẩu quyết: NHẤT THIẾT CHÚNG SINH GIAI HỮU PHẬT TÍNH 一切眾生皆有佛性. Tất cả đều nói lên cái Bản Thể duy nhất của đất trời.

Nếu Bản thể là Duy Nhất, thì nó sẽ là MỘT. Đã là MỘT thì không có đối đãi, như vậy nó sẽ là TUYỆT ĐỐI, hay VÔ ĐỐI. Nếu ta tô điểm cho từ ngữ thêm trang trọng, ta sẽ nói Bản thể CHÍ TÔN VÔ ĐỐI. Đã là MỘT sẽ không biến thiên, tức là không có SINH, LÃO, BỆNH, TỬ. Ta cũng có thể nói Bản thể thời vĩnh cửu trường tồn, trường sinh bất lão. Nó sinh ra muôn vàn biến thiên, muôn ngàn hiện tượng. Như vậy ta sẽ sánh nó như một vùng dương ở trung tâm vũ trụ, tung tỏa ra muôn ngàn hiện tượng, như muôn ánh dương quang. Vì thế mà Á Đông còn gọi Bản thể là TRUNG. Nếu Bản thể là TRUNG, là TÂM ĐIỂM sinh vạn tượng, thì ta cũng gọi được đó là TÂM, chữ TÂM viết hoa, chữ TÂM nguồn sinh vạn vật, chứ không phải cái tâm hồn rạo rực muôn ngàn tình cảm riêng tư của con người, hay cái con tim thịt, bóp bóp, đập đập, để đưa máu đi cùng khắp cơ thể. Nếu Bản thể là TRUNG, là TÂM, là CHÂN TÂM, thì Hiện tượng,

thì Vạn Hữu bên ngoài sẽ được tượng trưng bằng hình tròn bên ngoài. Cho nên vòng tròn bên ngoài được coi là vòng Dịch, vòng Biến Thiên hay vòng Luân Hồi. Nếu bây giờ, ta cầm được cái TÂM mà kéo nó lên, nó sẽ thành cái đỉnh, cái chóp; vòng tròn bên ngoài sẽ thành cái đáy. Vì cái đỉnh, cái chóp là cao nhất, nên ta gọi được TRUNG, là THÁI CỰC. Thế là ta đã chứng minh được rằng Bản Thể, hay Chân Tâm, hay Tâm, hay Trung, hay Thái Cực, hay Nguồn Gốc hay Căn Nguyên đều là những danh hiệu tương đương với nhau.

Bản thể khi đã sinh ra vạn hữu, thì gọi là HỮU; khi chưa sinh ra vạn hữu, thì gọi là Vô. Hữu là hiện, Vô là ẩn.

Ẩn hiện chỉ là hai phương diện của một Bản thể. Lại nữa, Bản thể dù khi chưa sinh ra vạn hữu, dù khi đã sinh ra vạn hữu, lúc nào cũng vẫn thuần nhất bất khả phân: Mặt trời kia khi phóng ra muôn ánh hào quang, nào đâu có vì thế mà nát tan, rạn vỡ? Vì thế Bản thể cũng còn được mô tả bằng những danh từ như HỒNG MÔNG, HỔN ĐỘN. Hổn Độn, Hồng Mông, vì bao giờ cũng vô sai biệt, vô gián cách. Bản thể vì sinh ra vạn hữu, sinh ra mọi hiện tượng, nên người xưa cũng còn sánh nó với NGUỒN, với GỐC, hay gọi nó là CĂN NGUYÊN. Hơn nữa chữ Bản trong chữ Bản thể cũng đã có nghĩa là gốc rồi.

Bước sang Hiện tượng, ta thấy ngay nó chỉ là cái gì hình hiện lên bên ngoài, nó chỉ là ảnh tượng của một cái gì ẩn khuất bên trong. Hiện tượng thời ngàn muôn, nên người xưa gọi nó là Vạn. Vì nó chỉ là ảnh tượng nhắc nhớ tới Bản thể, nên nó không có bản ngã riêng biệt, nên nó không có thực. Người xưa gọi đó là VỌNG. Vọng tâm, vọng ngã như vậy đều nằm trong vòng hiện tượng. Hiện tượng vì chỉ là những biến thái, biến dạng, những

hình thức, những ứng dụng của Bản thể, nên nay còn, mai mất, chất chường như trứng để đầu đẳng; mau qua như bóng câu qua cửa sổ; chóng tàn phai như thân phận một đóa hoa. Nói cho trang trọng hơn, nói cho có vẻ triết học hơn, ta sẽ cho rằng hiện tượng nằm trong vòng SINH, LÃO, BỆNH, TỬ, trong vòng SINH DIỆT, LUÂN HỒI, trong vòng BIẾN THIÊN, SINH HÓA. Cái gì nay còn mai mất sẽ tạo cho con người khổ đau, vì thế mà Vạn Tượng hay Vạn Hữu gọi lên sự âu sầu, khổ não. Ngược lại, Bản thể sẽ gọi lên ý niệm hạnh phúc vô biên.

Cung Oán Ngâm Khúc đã mô tả cảnh phù du, hư ảo của hiện tượng bằng những vần thơ lâm ly, thống thiết nhưng thật tuyệt vời:

“Kìa thế sự như in giấc mộng,
Mấy huyền vi mở đóng khôn lường,
Vẻ chi ăn uống sự thường,
Cũng còn tiền định khá thương lộ là.
Đòi những kẻ thiên ma, bách triết,
Hình thì còn, bụng chết đòi nau!
Thảo nào khi mới chôn nhau,
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra.
Khóc vì nỗi xót xa sự thế,
Ai bày trò bãi bể nương dâu,
Trắng răng đến thuở bạc đầu,
Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần.
Cuộc thành bại hầu căn mái tóc,
Lớp cùng thông như róc buồng gan,
Bệnh trần đòi đoạn tâm can
Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da.

Gót danh lợi bùn pha sắc xám,
Mặt phong trần, nắng r ám mùi dâu,
Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê...”

Ngụp lặn trong vòng hiện tượng, là đắm đuối trong vòng sinh tử luân hồi, là chơi vơi trong bến mê bể khổ. Từ hiện tượng biến thiên, nếu biết vươn vượt lên cho tới Bản Thể trường tồn, sẽ được giải thoát; đó chính là thoát luân hồi. Muốn được vậy, phải vận dụng được tuệ giác của mình.

“Buông thuyền Bát Nhã tểch bờ mê,
Bến giác trông ra thoát đã kè,
Tịch Diệt Niết Bàn đây há phải?
Tự tại căn nguyên chứng Bồ Đề!”

Nói rằng Bản Thể là vĩnh cửu, trường tồn; hiện tượng là phù du hư ảo, ai cũng có thể dễ dàng chấp nhận. Nhưng có cái lạ là người ta thường tách rời cái bản thể ra khỏi hiện tượng; tách rời vĩnh cửu ra khỏi ảo ảnh, phù du. Riêng tôi sau nhiều năm thảng suy tư, tôi đã đi đến một niềm tin sắt đá rằng Bản thể không bao giờ rời xa được hiện tượng. Nếu Bản thể là hình, Hiện tượng sẽ là bóng; nếu Bản thể là trùng dương, Hiện tượng sẽ là những đợt sóng nhấp nhô trên mặt; nếu Bản thể là gốc gác, Hiện tượng sẽ là hoa, lá, cành xum xuê, tươi tốt bên trên.

Thiền sư Trí Khải (viên tịch năm 597), người sáng lập ra Thiên Thai Tông, và sau đó thiền sư Đỗ Thuận (viên tịch năm 640) cũng đã giảng dạy quan niệm này. Theo các Ngài, Bản Thể với Hiện Tượng như nước với sóng. Sóng do nước hình hiện lên. Sóng được hình hiện lên là cái tôi, là vạn pháp, vạn tượng. Nước

ở phía dưới là Bản Thể, là Chân Như, là Phật. Kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm cũng quảng diễn hai tư tưởng lớn đó.¹

Tô Đông Pha đã làm bài Xích Bích phú để trình bày quan điểm trên:

“Tô tử đáp: Kìa trăng, nọ nước,
Nước kia trôi sau trước vẫn nguyên.
Trăng kia tròn khuyết ngày đêm,
Mà nào có giảm, có thuyền bao giờ.
Trong biển chuyển nhìn ra trời đất,
Thì đất trời phút chốc đã qua,
Từ trong vĩnh cửu nhìn ra,
Muôn loài, muôn vật như ta vô cùng...”

Trang Tử, trong thiên Thu thủy, Nam Hoa Kinh cũng có nhận định tương tự:

“Nhìn vạn vật từ trong phân biệt,
Thời mật gan, Sở Việt khác xa.
Từ trong đồng nhất nhìn ra,
Muôn loài, muôn vật đều là một thôi.”

Đối với Dịch Kinh, Bản Thể chính là Thái Cực; vũ trụ, quần sinh là bát quái; các hiện tượng đa tạp, các hoàn cảnh chi li bên ngoài là 64 quẻ. Thái Cực là Thể; Vạn hữu là Dụng. Tuy nhiên:

“Thể Dụng nhất nguyên;
Hiển vi vô gián.”
Thể với Dụng đều cùng nguồn mạch,

1. P. Leon Wieger S.J. Histoire des croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine depuis l'origine jusqu'à nos jours, Hien- hien, Chine, 1917, pp.541- 559.

Hiển cùng Vi phân cách sao đang!

Thể là về phương diện Triết học, chúng ta đã mặc nhiên cùng nhau lên tới tuyệt đỉnh của thần trí, phóng mắt nhìn ra muôn phương, muôn ngả; bao quát vũ trụ, và đã không cho một thứ gì trong hoàn vũ lọt khỏi tầm nhìn, lối nghĩ, lọt khỏi vòng tay của chúng ta. Thật vậy, muôn loài đều nằm gọn trong hai chữ BẢN THỂ và HIỆN TƯỢNG, mà Bản Thể và Hiện tượng lại nằm gọn trong chữ MỘT viên dung, toàn mãn.

Từ quan niệm triết học về Bản thể và Hiện tượng nói trên, chúng ta có thể tiến thêm một bước nữa, để đi vào lãnh vực đạo giáo. Lúc này Bản thể vì là Nguồn Sinh muôn vật, nên sẽ được gọi bằng Thượng Đế, bằng Allah, bằng Đạo, bằng Thái Cực, bằng Chân Như. Hiện tượng sẽ là vũ trụ, quần sinh; sẽ là sinh linh vạn hữu; sẽ là vọng tâm, vọng ngã.

Trong phần trên, chúng ta đã chứng minh Bản thể không thể nào rời xa hiện tượng: đâu có Bản thể, đấy có Hiện tượng. Như vậy, bây giờ, chúng ta bắt buộc phải đi đến kết luận: Thượng Đế không bao giờ, và không thể nào rời khỏi được vũ trụ quần sinh. Tưởng mình sống rời xa Thượng Đế, xa Thái Cực, Chân Như, dù là một phút giây, cũng là điều lầm lỗi lớn của nhân quần từ trước tới nay.

Tính Mệnh Khuê Chỉ, một quyển sách đạo Lão có thơ:

“Yếu yếu, minh minh khai chúng diệu,
Hoảng hoảng, hốt hốt bảo châu khiếu,
Liễm chi, tiềm tàng nhất lập trung,
Phóng chi, di mạn hợp lục biểu.”²

2. Tính Mệnh Khuê Chỉ, quyển Hạnh, tr. 11a.

Phỏng dịch:

Yếu yếu, minh minh chúng diệu khai,

Phảng phất, hư vô vẫn một Trời.

Tiềm tàng, nằm gọn trong trần cấu,

Phóng phát, bao trùm khắp chốn nơi!

Lại có thơ:

“Tá vấn chân nhân hà xứ lai?

Tòng tiền nguyên chỉ tại linh đài!

Tích niên vân vụ thâm già tế,

Kim nhật tương phùng đạo nhỡn khai!”

Phỏng dịch:

Chân nhân ướm hỏi tới từ đâu?

Tâm khảm tiềm tàng sẵn đáy sâu,

Thủa trước linh đài vân vụ phủ,

Ngày nay chợt tỉnh, thấy bên nhau!³

Thánh Giáo Sư Tập 1968– 1969 của Cao Đài giáo có bài thi:

“Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sinh,

Chúng sinh giác ngộ biết tu hành,

Thương yêu, mựa tách người khôn đại,

Điều độ, đừng chia kẻ dữ lành.”⁴

Trong một đàn cơ khác có thơ:

“Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,

Chẳng màng hạ giới dựng cao ngôi,

Sang hèn trối kệ, tâm là quý,

3. Ib. tr. 11a.

4. Thánh Giáo Sư Tập 1968– 1969, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo 2011, tr. 106.

Tâm ấy, tòa sen của Lão ngồi.”

Vô Cấu Tử có kệ rằng:

“Ngũ uẩn sơn đầu nhất đoạn không,
Đồng môn xuất nhập bất tương phùng,
Vô lượng kiếp lai nhắm ốc trú,
Đáo đầu bất thức chủ nhân ông!”⁵

Phỏng dịch:

Đầu non ngũ uẩn một vầng không,
Vào, ra, cùng cửa chẳng tương phùng,
Từ bao nhiêu kiếp thuê nhà ở,
Tới nay nào biết chủ nhân ông.

Sự khảo sát về Bản thể và Hiện tượng cho chúng ta một cái nhìn khái quát rằng từ trước tới nay nhân loại chỉ có hai con đường:

– Một con đường mênh mông, sông Ngô, bể Sở, mà quần chúng ủa nhau đi vào. Họ tin rằng Bản thể dĩ nhiên phải lìa xa Hiện tượng; Trường sinh phải rời xa kiếp phù sinh. Họ ngụp lặn trong bể khổ trần gian, mà không bao giờ chịu tìm ra những phương pháp khoa học hữu hiệu để diệt khổ. Họ chuyên nịnh hót thần thánh, hối lộ thần thánh; đưa thần thánh vào con đường hủ hóa, tham những của trần gian; bắt thần thánh nhận tiền tài, lễ vật, để thiên vị, để bao che. Họ không cần sống thanh cao, không cần chuyển hóa nội tâm, mà phó mặc chuyện đó cho thần thánh. Thần thánh sẽ tẩy rửa, sẽ tế độ họ. Họ đặt tất cả tham vọng vào một lai sinh và đạo giáo đối với họ chẳng qua là một cuộc đầu tư, buôn bán vĩ đại...

5. Tính Mệnh Khuê Chỉ, quyển Hạnh, tr. 11a.

- Con đường thứ hai là con đường hết sức chật hẹp, mà rất ít người tìm ra được, mà rất ít người dám đi vào. Đó là con đường nội tâm. Đó là con đường của Như Lai, của Lão, của Trang, của Khổng, của Mạnh, của Hán Chung Ly, của Lữ Đồng Tân, của Vương Trùng Dương, của Eckhart, của John of the Cross, của Ramakrishna, của Vivekananda, của Al Hallaj. Họ đi vào con đường này vì xác tín rằng Trời không bao giờ có thể lìa xa vạn vật, lìa xa con người; y thức như bóng với hình, như nước với sóng, không có bao giờ lìa xa nhau. Thế tức là Bản thể không lìa xa Hiện tượng; hằng cửu không rời khỏi biến thiên. Con đường này hết sức là giản dị, hết sức là gần gũi; chẳng cần đi mà đã tới liền. Thế là “Bất hành nhi chí” 不行而至 vậy. Đi vào con đường này, họ chứng nghiệm được từng bước tiến, từng những thành quả thâm lượm được. Họ đứng là những người khát mà được uống nước thật sự, ăn trái mai thật sự; chứ không như ai chỉ mơ uống nước, chỉ tưởng thấy rùng mai...

Chẳng hạn như ở bên Hồi giáo, có môn phái Bạch Y (Sufism). Sở dĩ có môn phái này là vì họ dựa vào một lời Thánh kinh Coran (Quran): “Ta đã tạo nên con người; và ta biết tâm hồn nó thờ than gì; và ta gần gũi nó hơn tấc mạch cổ của nó.” (Quran 50:16). Các đại Thánh thuộc môn phái này cho rằng vũ trụ hữu hình chẳng qua là những bức màn che dấu Thượng Đế, và người thấu thị lúc nào cũng thấy Ngài, xuyên thấu qua bức màn hình danh, sắc tướng.

Baba Kuhl ở Shira (chết 1050) có bài thơ mà tôi phỏng dịch như sau:

“Ở ngoài chợ, ở trong dòng,

Ở đâu cũng thấy thuần ròng Chúa thôi.
Xuống khe, lên núi, lên đồi,
Ở đâu cũng thấy Chúa tôi tràn đầy.
Giàu sang, nghèo khó tuy thay,
Bao giờ cũng thấy Chúa ngay bên mình.
Dù khi tĩnh tọa, cầu kinh,
Ăn chay, giữ giới, thấy mình Chúa thôi.
Bất kỳ hay dở trên đời,
Truy nguyên vẫn thấy Chúa tôi rành rành.
Mở to đôi mắt nhìn quanh,
Trông gì cũng thấy hóa thành Chúa thôi!
Nến tôi thắp cháy lửa Ngài,
Hào quang vừa tỏa, Chúa tôi hiện hình.
Mượn đôi mắt Chúa nhìn quanh,
Bỏ đôi mắt tục, vẫn rành Chúa thôi.
Giã từ hiện tượng hình hài,
Lạ sao vẫn thấy Chúa tôi như thường.
Tưởng mình tan biến, hư vương,
Nào hay mình vẫn miên trường, vô biên.”⁶

Rumi, một thánh nhân Hồi giáo khác, cũng dứt khoát cho rằng chỉ có thể tìm thấy Chúa trong tâm hồn con người mà thôi.

Ông có thơ sau:

“Tôi lục lạo khắp cùng Thiên Chúa Giáo,
Thánh giá nhìn lên, tôi thấy nó trống không!
Tăm tích Ngài, sao tôi thấy vẫn mịt mù!”

6. Prof. L.F. Rasbrook Williams Ed; Sufi Studies, East & West; E.P. Dutton Co, Inc., New York, 1973, p. 57.

Tôi lang thang trong chùa chiền, miếu mạo,
Ngài ở đâu, sao chẳng thấy hình dung?
Đá Kaaba, tôi quanh quất, ruối rong,
Đô hội ấy, mà sao Ngài vắng bóng!
Tâm hồn tôi, tôi nhìn tận bên trong,
Ôi lạ thay, kìa sao Ngài ở đó!
Thần trí tôi bỗng mãnh liệt động rung,
Rũ sạch hết bụi trần gậy chia rẽ...⁷
Al Hallaj, một vị đại thánh Hồi giáo khác tuyên xưng:
Ta cùng với Đấng ta yêu,
Hai đàng là một, khôn chiều qua phân.
Một thân mà có hai thần,
Thấy ta, thấy Chúa, cũng ngần ấy thôi.”⁸

Các vị Thánh hiền này có một điểm tương đồng là khinh thị những lễ nghi hình thức bên ngoài, mà các Ngài cho là rườm rà, phù hoa, không cần thiết; hơn nữa, các Ngài không chịu gò mình vào trong vòng cương tỏa, triền phược của các tôn giáo có tổ chức bên ngoài, nên thường bị các giáo quyền ra tay bách hại. Các giáo quyền cho rằng đó là những phần tử phá rối trật tự, đầu độc quần chúng, có ý đồ làm khuynh đảo giáo quyền, vì thế cần phải trừ khử. Chính vì vậy mà Al Hallaj chẳng hạn, đã bị cầm tù chín năm; sau đó còn bị chặt chân tay, bị treo trên thập giá 3 ngày rồi đem xuống chém đầu cho chết, với tội trạng là làm lẫn lộn Trời, người (cho

7. Ib. p. 70.

8. Nasrollah S. Fatemi & al., *Sufism, Message of Brotherhood, Harmony, & Hope*, A. S. Barnes & Co, S. Brunswick & New York, 1976, p. 48.

Trời là mình, mình là Trời). Bàn tay công thẳng, sấm sét của Chúa cần phải trừng phạt những kẻ dám đứng ra chỉ trích, mặc dầu là chỉ trích những hủ hóa, những sai lầm; và cửa hỏa ngục cần mở ra để chờ đón những kẻ dám nghĩ rằng mình mến yêu Thiên Chúa, đến độ kết hợp với Ngài như một. Chắc là có nhiều Thánh Hiền trong quá vãng đã phải kinh qua dàn hỏa thiêu sinh của đám người thô bạo, cuồng tín, để mà siêu thăng miền cực lạc.

Còn quần chúng thì nghi kỵ, dè bủ, cười chê các Ngài, cho là bọn lập dị, bọn điên khùng; tại sao có người chẵn, người dất mình, mà lại không chịu ép mình vào vòng cương tỏa; lại dám sống khinh phiêu, hào sảng bên ngoài mọi ràng buộc, trói trằng. Tại sao không quỳ gối, cúi đầu, đấm ngực thú nhận mình là phạm phạm hèn, tội lệ; mà lại dám đứng thẳng người, ngửng mặt lên, như muốn khoe khí phách, hiên ngang, hào hùng cùng vũ trụ? Cần chi mà trèo cao, cần chi mà rắc rối! Sao chẳng bắt chước chúng ta, thấy người đàn địch, ta liền múa nhảy; thấy người sầu than, ta liền khóc lóc. Người bảo đi, thì ta đi; người bảo đứng, thì ta đứng; người bảo sao, ta nghe vậy; nói xuôi ta ừ xuôi; nói ngược ta ừ ngược; suy làm chi cho thêm mệt; nghĩ làm chi cho thêm phiền; có như thế, mới thật là đạo đức, khiêm cung; ở với Bụt, thì mặc áo cà sa; ở với ma, thì mặc áo giấy; sống ừ ừ, cạc cạc, cho đoạn tháng qua ngày; chính ngu si lại hưởng thái bình; cầu an thân, cầu lợi lộc cho mình có hơn không, cần gì mà phải phiêu lưu, lập dị!

Nhưng Thánh hiền xưa nay không nghĩ như vậy. Các Ngài mong muốn sống một đời sống huyền hóa với đất trời, mặc cho

trần thế dèm pha, chỉ trích. Trang Tử viết đại khái trong thiên
Tiêu Diêu Du, Nam Hoa Kinh như sau:

“Hồn ta hỡi, hãy tiêu diêu,
Tung đôi cánh rộng, khinh phiêu chín tầng...
Hãy tung cánh chim bằng muôn dặm,
Cưỡi gió mây, bay thẳng về Nam,
Bay về quê cũ giang san,
Hồ trời vùng vẫy, miên man thỏa tình.
Mặc nhân thế rẻ khinh đàm tiếu,
Óc phàm phu sao hiểu Chí Nhân...
Vùi thân trong chốn hồng trần,
Họ như ve sẻ, qua lần tháng năm.
Tầm mắt hẹp, mà thân ti tiếu,
Kiếp phù du, nào hiểu chi đâu,
Thân lươn bao quản lấm đầu,
Cốt sao cho khỏi cơ cầu thì thôi.
Phận sâu bọ, đành rồi sâu bọ,
Thân nắm rêu, nào rõ tuần trăng,
Ve sầu nào biết thu xuân,
Minh linh ngoài mấy vạn năm hay gì?...
Như Bành tổ, có chi là thọ,
Mà chúng nhân quá cỡ tán dương,
Người vui tước phận lý hương,
Người vui mũ áo, xênh xang trị vì.
Kìa Liệt Tử, thích đi mây gió,
Cưỡi gió mây, đây đó thỏa lòng,
Còn ta khinh khoát vô cùng,
Sánh vai nhật nguyệt, vẫy vùng khinh phiêu.

Quên mình, quên hết mọi điều,
Quên tên, quên hết bao nhiêu công trình.
Sống đời sống thần linh sáng khoái,
Như Hứa Do, chẳng đoái công hầu,
Uống ăn nào có chi đâu,
Mà lo vớ lẳng, cho rầu lòng ai.
Ta chẳng nói những bài phách lối,
Lời của ta, đâu nổi hoang đường,
Lời ta minh chính, đàng hoàng,
Vì người không hiểu, trách quàng, trách xiên.
Kẻ mù tối, sao xem màu sắc,
Người điếc tai, sao bắt âm thanh,
Cho nên những kẻ vô minh,
Tối tăm, ù cạc, ngọn ngành hiểu chi.
Sao biết được uy nghi, sang cả,
Của những người huyền hóa, siêu linh,
Đất trời gồm tóm trong mình,
Lồng vào muôn vật, sự tình nào hai.
Dầu sóng cả ngắt trời không đấm,
Dầu nóng nung, cũng chẳng làm sao,
Trời mây mặc sức tiêu dao,
Cho dù Nghiêu, Thuấn dễ nào sánh vai...”

Tóm lại Thánh hiền, vì tin mình có Thiên tính, có Phật tính, nên khi đi vào tâm là để tìm Đạo, tìm Trời; khi đi ra ngoài xã hội, nhân quần, là đem nhân ái chan hòa, nhuần đượm khắp chúng sinh, vạn hữu. Cái điều mà các Ngài muốn rao truyền, chính là con người có Bản thể Thượng Đế; con người không bao giờ có thể sống xa rời Thượng Đế. Nếu sống phối hợp với

Thượng Đế, chúng ta sẽ được khinh phiêu, hạnh phúc. Nếu sống xa rời Thượng Đế, chắc chắn rằng chúng ta sẽ sống trong lo âu, khắc khoải.

Đạo Lão có câu:

“Tâm dữ Đạo hợp,
Tắc tạo Bồng Lai, Tam Đảo.
Tâm dữ Đạo ly,
Tắc tạo lục đạo, tam đồ.”⁹

Tạm dịch:

Lòng người mà hợp lòng Trời,
Ấy là Tam Đảo, Bồng Lai hẳn rồi.
Lòng người mà tách lòng Trời,
Tam đồ, lục đạo, lôi thôi, khổn nàn.

Chắc chắn rằng trong những thế kỷ sau 2000, nhân loại sẽ nhận chân được chân lý siêu việt này. Các phần tử tiền tiến Âu Mỹ, đều đã chấp nhận chủ trương: Trời tiềm ẩn trong lòng sâu vạn hữu, và hoạt động âm thầm trong tâm khảm mọi người.

Hội nghị quốc tế Thông Thiên Học tại Salzburg nước Áo, năm 1966, đã có những lời tuyên ngôn hết sức nảy lửa, ví dụ như:

Trong ta có một Vô Cùng... Giác ngộ tâm linh sẽ mạc khải cho thấy yếu tố thần linh duy nhất trong tâm thần mọi người... Thời buổi này, cần phải nhận chân rằng trong mọi con người, có một tàn lửa Thiên Chân, và những khả năng vô biên, vô tận... Tôn giáo xưa cho rằng: Trời và người xa cách nhau. Thông

9. Thái Thượng Bảo Phiệt.

Thiên ngày nay dạy rằng: Trời, người là một... Người ta thấy Thượng Đế trong tạo vật Ngài... Ngay trong lòng mình, con người có thể tìm thấy Thượng Đế. Về phương diện đạo giáo, sự khám phá này vĩ đại như sự khám phá ra nguyên tử năng. Nó cho con người một quyền lực tinh thần không bờ bến, cũng như nguyên tử năng đã cho con người một sức mạnh vật chất kỳ diệu...¹⁰

Để kết thúc, và cũng là để cho bài luận đàm này đượm một chút mùi hương dân tộc, tôi mượn bài thơ trong Thánh Giáo Sưu Tập, Cao Đài, 1970–1971, như sau:

“Đạo tại tâm hề, Phật tại tâm,
Vọng cầu bên ngoại, thị hôn trầm,
Nhơn nhơn tự hữu Như Lai tánh,
Tánh đắc Như Lai, pháp diệu thâm.”¹¹

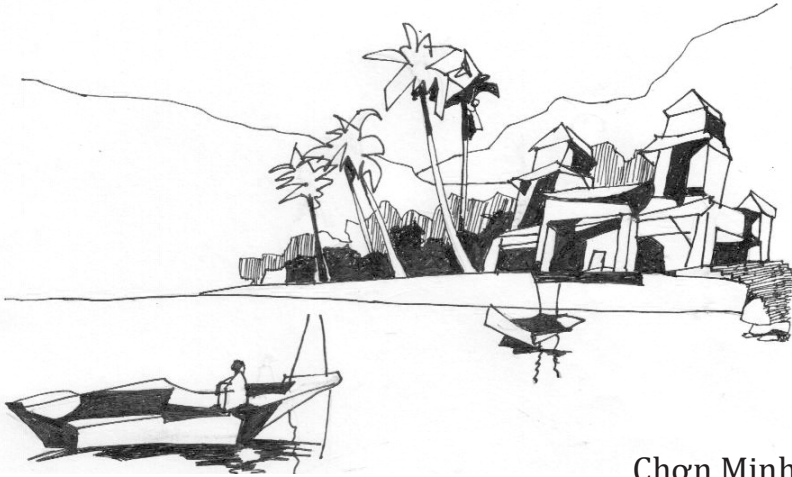
Tạm dịch:

Đạo tại tâm hề, Phật tại tâm,
Lầm tìm ngoại cảnh, ấy mê lầm,
Người người vốn sẵn Như Lai tánh,
Đạt tánh Như Lai, đạo mới thâm.

10. Lotus Bleu, 72e Année, No 4, Avril, 1967, p.15 & Lotus Bleu 72e Année, No 12, Dec. 1967, p.327.

11. Thánh Giáo Sưu Tập 1970– 1971, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo, 2011, tr.61.

Công thành thân thoái



Chơn Minh

Đứng trước cửa Đền Thánh Tây Ninh nhìn vào cung bao lớn phía trước lầu một, chúng ta nhìn thấy 8 khuôn hình từ trái đếm qua được sắp xếp theo thứ tự: Nông-Canh-Công-Thương-Ngư-Tiêu-Mục-Sĩ.

Khuôn hình số 4, có một nam một nữ đang giữ tay chèo xuôi thuyền êm ả theo dòng nước. Đó chính là Phạm Lãi và Tây Thi chèo thuyền đi buôn, tượng trưng cho nghề buôn bán, thương mại (Thương).

Theo lịch sử Trung Hoa thời cổ, chỉ có hai người biết áp dụng câu “Công thành thân thoái”. Đó là:

1. Trương Lương - thời Hán Sở tranh hùng.
2. Phạm Lãi - thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Trương Lương thì thân thoái để lo việc tu hành, an dưỡng thân tâm, rời bỏ thế sự để xuất thế, tìm đường siêu thoát, tức là con đường hướng nội.

Còn Phạm Lãi với tấm lòng đầy nhiệt huyết, yêu cuộc đời, sau khi từ bỏ chính trường thì dẫn thân để phụng sự cho dân sinh bằng cách này hay cách khác, nhập thế để giúp kiến tạo xã hội văn minh tiến bộ.

Nói đến Phạm Lãi là phải nhắc đến Tây Thi, là người phụ nữ điểm xuyết cho tên tuổi lẫy lừng của vị anh hùng đầy bi tráng thêm thi vị và lãng mạn.

“Phạm Lãi là vị tướng tài ba giúp vua nước Việt là Việt Câu Tiễn đánh thắng và hại chết vua Ngô Phù Sai, trả được cái nhục mất nước vào thời Xuân Thu chiến quốc bên Tàu (Trung Hoa). Còn Tây Thi là người con gái rất đẹp của nước Việt, giặt lụa ở Trữ La Thôn.

Sau khi thành công, Phạm Lãi bí mật rút lui khỏi quan trường (công thành thân thoái), cùng với người đẹp Tây Thi lên thuyền đi vào Ngũ Hồ, sống cuộc đời phóng khoáng tự do. Sau đó, Phạm Lãi thay đổi tên họ, trở thành Đào Châu Công, chỉ huy một đoàn thương thuyền và một đoàn thương xa, chuyên đi buôn bán, mua hàng hóa từ nơi dư thừa, chở đến bán ở các nơi thiếu thốn, rất được các nước chư hầu hoan nghinh. Đào Châu Công có một hệ thống xe, thuyền vận tải hàng hóa đi khắp các thị trấn lớn của nước Trung Hoa thời bấy giờ. Việc thương mại của Đào Châu Công thật là phát đạt.”¹

Vua Việt Câu Tiễn là một nhân vật hiếu chiến muốn đem quân sang đánh nước Ngô láng giềng để mở rộng bờ cõi. Phạm Lãi

1. Theo Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, Cao Đài Từ Điển, mục “Phạm Lãi-Tây Thi”.

can rằng bất đắc dĩ mới phải dụng binh. Ra quân phải có chánh nghĩa. Không nên gây hấn chiến tranh, đó là điều thất đức vì gây thảm họa cho sanh linh, tranh nhau bằng quân sự là hạ sách. Điều đó trái với tình thương của Thượng Đế. Nếu làm sẽ bất lợi.

Việt Vương Câu Tiễn không nghe, dẫn quân đi đánh nước Ngô, bị vua Ngô Phù Sai và Tướng quốc Ngũ Tử Tư đánh đại bại và bị bắt làm tù binh.

Ngũ Tử Tư yêu cầu vua Ngô giết ngay Việt Vương để trừ hậu hoạn, vì biết Câu Tiễn là người có chí khí và được hai trung thần rất giỏi là Văn Chủng và Phạm Lãi phò tá.

Trong khi đó Văn Chủng đã dùng tiền bạc đút lót cho quan đại thần nhà Ngô là Thái Tể Phỉ để vị này tâu lên Vua Ngô chỉ nên giam cầm, đày đọa Câu Tiễn một thời gian rồi thả về nước.

Được tha về nước, để tỏ lòng trung thành và phục tòng nhà Ngô, Việt Vương luôn triều cống và dâng tặng món ngon vật lạ cho vua Ngô. Bộ ba Câu Tiễn-Phạm Lãi-Văn Chủng bí mật chính đốn chính trị, kinh tế, xã hội và phát triển quân binh hùng mạnh và lo tích thảo đồn lương.

Họ huấn luyện và tuyển lựa đoàn mỹ nữ ca kỹ để dâng tặng vua Ngô Phù Sai. Trớ trêu thay, dẫn đầu đoàn mỹ nữ Việt lại là Tây Thi, người yêu của Phạm Lãi ở Trữ La Thôn. Vì đại nghĩa mà cặp tình nhân này đành gạt lệ chia xa, hy sinh hạnh phúc cá nhân để phụng sự cho đại cuộc và hẹn ngày tái ngộ trong vinh quang.

Câu chuyện này là một thiên tình sử mà nhiều thi nhân đã ca tụng:

“Ta buồn lắm Tây Thi ơi ly biệt!

Lệ ngàn năm ấp ủ vết thương tâm...”

Vua Ngô Phù Sai rất bằng lòng đoàn mỹ nữ này và rất sủng

ái Tây Thi, mặc kệ Ngũ Tử Tư đã nhiều lần can gián và còn tỏ ra bực bội Ngũ Tiên Sinh.

Bảy năm trôi qua, quân lực Việt khá hùng mạnh. Trong khi đó Tướng quốc Ngũ Tử Tư bị bức tử do lời gièm pha của Thái Tể Phỉ, vị này ăn của đút lót của nước Việt. Trước khi chết, trung thần Ngũ Tử Tư còn khăng khái rằng: “Hãy móc mắt ta treo ở cửa thành phía Đông để xem quân Việt tiến vào.” Hai yếu tố trên khiến Việt Câu Tiễn nôn nóng muốn khởi binh đánh Ngô để rửa mối nhục trước kia. Nhưng Phạm Lãi can rằng chưa phải lúc, tức là thời chưa đến vì quân binh nước Ngô hãy còn mạnh và chưa có một sai sót nào.

Mùa Xuân năm sau, vua Ngô Phù Sai đem đại quân lên phía Bắc dẹp phiến loạn đồng thời biểu dương lực lượng với các chư hầu. Đúng lúc này, Phạm Lãi tâu với vua Việt: “Đây là thời cơ để cho Đại vương tấn công Ngô Quốc và chắc chắn sẽ đại thành công.”

Việt Vương Câu Tiễn nghe theo và bất ngờ tấn công kinh thành nhà Ngô. Quả nhiên một số ít lính Ngô già yếu giữ thành bỏ tháo chạy. Ngô Phù Sai được tin dẫn quân trở về bị chặn đánh dọc đường tan tác, nhà vua rút gươm tự sát trong nỗi đau ân hận xưa kia không nghe theo lời của trung thần Ngũ Tử Tư.

Thế là Việt Vương Câu Tiễn rửa được cái quốc hận năm xưa.

Trước khi tiến quân vào đất Ngô, Phạm Lãi tin chắc rằng sẽ thắng trận nên đã chuẩn bị chu đáo kế hoạch thoái thân của riêng mình. Trong khói lửa hoang tàn đổ nát, Ngài chạy thẳng lên Cô Tô Đài vào ngay cung cấm tìm Tây Thi, người yêu cũ mười mấy năm về trước. Ông đưa nàng đến bờ sông có một đoàn thuyền đang chờ sẵn.

Trước khi rời bến, ông gởi cho Văn Chung một bức thơ có nội dung như sau:

“Việt Vương có nói: Chim đã hết thì cung tốt phải cất. Thỏ khôn đã

chết thì chó săn bị làm thịt. Vua Việt là người cổ dài, miệng điều hâu, có thể cùng chung lo lúc hoạn nạn, nhưng không thể cùng chung hưởng với ông ta khi thành công. Sao bạn không bỏ đi. Nếu hiền huynh còn tham mển công danh ắt ngày sau không khỏi bị tai họa.”

Đoàn thuyền tách bến để lại sau lưng cảnh trạnh điêu tàn với bao thăng trầm thế sự. Ngày đi đêm nghỉ, lướt qua vùng Ngũ Hồ rồi sau cùng chọn được đất Đào để định cư. Nơi đây là một vùng nhỏ bé nằm ở phía Nam nước Tề, dân cư thưa thớt còn nhiều hoang vắng. Nhưng về giao thông thì đây là nơi giao điểm của nhiều nước chư hầu về đường thủy cũng như đường bộ, thuận lợi cho việc giao tiếp các nơi.

Ông mua 1000 mẫu đất và sắp đặt kế hoạch định cư lâu dài với sự giúp sức của các con ông cùng mười đôi nam nữ mà ông đã mang theo và tác hợp cho họ. Ông cũng cho mang theo lương thực và nông cụ để canh tác.

Từ đây Phạm Lãi đổi tên là Đào Châu Công. Ông nghiệm rằng ngoài con đường quan lại để vinh thân, còn một con đường khác là thương mại sẽ đem lại sung túc không kém gì nơi quan trường mà ông đã từng trải nghiệm và chán ngán.

Ông bắt đầu nghiên cứu để đem hàng hóa dư thừa ở xứ này sang xứ khác đang cần và ngược lại. Chẳng bao lâu, người ta thấy các đoàn xe và thương thuyền mang nhãn hiệu Đào Châu đi đi lại lại ngược xuôi giữa các nước chư hầu.

Lúc bấy giờ, nước Trung Hoa bước vào thời kỳ chiến quốc, các nước chỉ lo đánh nhau, loạn lạc khắp nơi. Hàng hóa bị ứ đọng nơi thừa và khan hiếm ở nơi thiếu, giúp cho Đào Châu Công mau chóng giàu có nổi tiếng khắp nơi. Có lẽ câu “Phi thương bất phú” xuất hiện vào thời kỳ này.

Từ xưa tới nay biết bao người đã không hiểu chữ “Thời” nên đã lâm vào cảnh “Thắng trong chiến tranh mà bại trong hòa bình” là do không biết áp dụng câu “Công thành thân thoái.” Vì vật chất là một nô bộc tốt nhưng là một ông chủ rất xấu. Đây là một triết lý nhân sinh cần ghi nhớ.

Trở lại với chiến thắng của Việt Vương Câu Tiễn, công bằng mà nói, ngoài hai đại công thần nổi bật là Văn Chủng và Phạm Lãi, còn phải kể đến sự đóng góp to lớn của người đẹp Tây Thi nữa. Nhưng vì ở xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ nên hình ảnh của người nữ phản gián này đã nhạt nhòa bên cạnh sự sáng chói của các tướng quân.

Theo lệnh của Phạm Lãi, Tây Thi đã làm suy nhược guồng máy thượng tầng của nước Ngô. Lịch sử ghi rằng Ngô Phù Sai rất sủng ái Tây Thi và lúc nào hai người cũng quấn quýt bên nhau. Biết đâu cái chết của Trung thần Ngũ Tử Tư không có bàn tay của Tây Thi nhúng vào (???). Dù muốn dù không, vì lợi ích của đất nước và của riêng mình, Tây Thi cũng có những động thái phản gián thứ thiệt. Phục vụ cho dân tộc thì bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào cũng làm được.

“Cũng vì hạnh phúc của muôn dân
Vì nước vì nhà xá quản thân
Lá ngọc cành vàng coi nhẹ bống
Hiếu, trung cho trọn đủ mười phân.”²

Tuy nhiên, khi nói đến Tây Thi, người ta chỉ ca tụng sắc đẹp tuyệt trần của cô gái giặt lụa bên bờ sông ở Trữ La Thôn với vị tướng đào hoa tài đức song toàn.

2. Á Nam Trần Tuấn Khải.

Cặp tình nhân ngang trái này đều có ý chí sắt đá phục thù để sớm được đoàn tụ.

Việt Nam ta vào đầu thế kỷ 17 thời Trịnh Nguyễn phân tranh có hai quận chúa Ngọc Vạn và Ngọc Khoa về làm Hoàng hậu hai nước lân bang và đã giúp Chúa Nguyễn Nam tiến để mở rộng bờ cõi đến ngày nay nhưng ít người biết đến. Những công lao vĩ đại nhưng âm thầm này, ngày nay cần được khơi dậy và thắp sáng, trả lại sự công bằng cho đúng với giá trị thật sự của những đóng góp như là các vị khai quốc công thần.

Thà thấp lên một ngọn đèn leo lét còn hơn để lu mờ theo dòng chảy thời gian.

Trong lĩnh vực tôn giáo, Cao Đài đã đi tiên phong trong việc xây dựng vị trí xứng đáng cho nữ giới khi họ có chỗ đứng đúng với tâm hạnh đức tài ngay khi Đại Đạo khai minh. Có nữ chức sắc cũng quyền hành ngang bằng nam chức sắc. Đây là một cuộc cách mạng vĩ đại về bình đẳng giới. Vĩ đại là vì gần phân nửa nữ giới toàn cầu đang bị kềm kẹp, sống lặng lẽ trong bóng tối hàng nghìn năm nay chưa được đứng thẳng để ngược nhìn bầu trời bao la, chưa được khai sáng tâm linh.

■

Một ngày nọ, vào tuổi xế chiều, trong một lần về thăm cố quốc, Phạm Lãi cùng Tây Thi đi đến Hội Kê, kinh thành nước Việt xưa, nhìn bức tượng đồng của chính mình do vua Việt đã cho đúc để tưởng nhớ công lao to lớn của ông, Phạm Lãi đã bồi hồi xúc động: “Sự mai danh ẩn tích của ta là đúng và tình yêu của hai ta đã hòa quyện trong tình yêu non nước dân tộc và chúng ta đã làm tròn bổn phận đối với cuộc đời.”

MÙA SAO SÁNG MẬU TUẤT 2018

Thư gửi bạn

Đại Thâm Pháp

Minh Lý Thánh Hội

Hiền Huynh Huệ Ý thân mến,

Ngày 24-4-2018 (mùng 9-3 Mậu Tuất), khi hay tin huynh đã về cùng Thầy Mẹ, lòng tôi cảm thấy hụt hẫng, bồi hồi, không muốn tin là sự thật. Bởi trước đó, ngày 30-3-2018 (nhằm 14-02 Mậu Tuất), khi tham dự lễ Khánh đản Đức Thái Thượng Đạo Tổ tại Cơ Quan, tôi đã gặp huynh tay bắt mặt mừng, ân cần chào hỏi, thể mà chỉ khoảng tháng sau! Có ai thấu được chữ “Ngờ”!

Biết huynh từ năm 2008, cách nay mười năm, khi tham dự lớp Dịch Kinh căn bản (2008 – 2010) gồm ba đơn vị: Minh Lý, Cơ Quan, Truyền Giáo tổ chức tại Thánh sở Tam Tông Miếu và sau đó là các buổi học chung Dịch lý, các buổi liên giao hành đạo, các kỳ Minh Lý đạo khai hay các buổi lễ tưởng niệm,... Chừng ấy thời gian, tuy ngắn ngủi nhưng cũng đủ để nhận ra ở huynh các phẩm chất tốt đẹp, đó là tính Hòa Hợp, bởi chẳng bao giờ thấy huynh than phiền, trách cứ, tranh luận, hơn thua,... mà luôn nhún nhường, hòa đồng với tất cả mọi người. Nói theo Kinh Dịch, quẻ Đồng Nhân, thì đó là tinh thần “Đồng môn vu dã”, nghĩa là hòa cùng mọi người ở cánh đồng rộng lớn, chứ không “đồng nhân vu môn”, “vu tông” hay “vu giao” nhỏ bé. Thứ đến là lòng Đôn Hậu, thể hiện qua cách cư xử, giao tiếp rất chơn thành,

niềm nở, cởi mở, khiêm cung, ẩn chứa sự bao dung, khoan từ. Nói theo nhà Phật thì đó là lòng “Nhân ái vị tha”. Kế tiếp là sự An Lạc, đó là sự an nhiên, tự tại, biểu hiện qua thần thái tươi vui với nụ cười luôn thường trực trên môi và có sức lan tỏa với người tiếp xúc, bởi sự hoan hỉ đó xuất phát từ nội lực bên trong. Nói theo Đạo học thì đó là “Lạc tại kỳ trung”.

Nay huynh đã trở về với Thầy Mẹ cùng các bậc tiền khai, tiền bối của Đại Đạo, xin được bày tỏ niềm cảm mến huynh như một hiền hữu, lòng kính trọng như một đạo huynh và sự ngưỡng mộ như một bậc Thiện tri thức. Chỉ tiếc rằng những dự định, kế hoạch còn đang ấp ủ, những công trình còn đang dở dang, chưa kịp hoàn thành, nhưng dẫu sao với huynh, dưới cái nhìn riêng của bản thân tôi, tuy là việc chưa thành nhưng chí đã tương thành.

Ngôn bất tận cùng, xin gửi đến huynh đôi dòng tâm tư, như mái chèo đưa huynh trở về nguồn:

Tiểu khách trần, lục thập bát niên,

Biệt ly sanh tử, lẽ vô thường.

Huynh đệ chung đồng, nhà Đại Đạo,

Đoàn viên phận nhiệm: Tổng Cơ Quan.¹

Thiền tinh, Đạo tấn, vốn căn lành,

Tâm chí hiệp Thầy, đặng Ngã – Nhân.

Giáo hóa phối Thiên, truyền Chánh pháp,

Sĩ, danh, tài, lợi, chẳng đua chen.

Huệ tỏ anh minh, lòng như nhứt,

Ý, Trí, Tình, thiện xảo dung thông.

1. Tổng Thư Ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

CHẾ ĐỘ ĂN UỐNG LÀNH MẠNH Ở NGƯỜI LỚN



Phương Trúc

Chế độ dinh dưỡng lành mạnh giúp chống lại suy dinh dưỡng cũng như các bệnh không lây nhiễm gồm tiểu đường, tim mạch, đột quỵ và ung thư.

Thế nào là ăn uống lành mạnh giúp sống khỏe và ngăn ngừa bệnh tật? Dựa trên nhiều nghiên cứu và báo cáo về ảnh hưởng của dinh dưỡng đối với sức khỏe con người, Tổ chức Y tế thế giới đưa ra hướng dẫn chế độ ăn lành mạnh bao gồm:

- Trái cây, rau củ quả, các loại đậu, các loại hạt có dầu (*hạt bí, hạt điều, hạt dẻ cười, hạt đậu phộng, hạt óc chó, hạt hạnh nhân, hạt hướng dương,...*) và ngũ cốc nguyên hạt (*gồm gạo lứt, lúa mì, yến mạch, kê, bắp*).

Dùng nhiều trái cây và rau quả: ít nhất 400g (5 phần) trái cây và rau quả mỗi ngày. Khoai lang, khoai tây, khoai mì không được tính vào lượng trái cây và rau quả này, vì đó là củ.

- Dùng ít đường tự do: dưới 10% tổng năng lượng thu nhận từ đường tự do (tương đương 50g), lý tưởng là dưới 5% tổng năng lượng thu nhận từ đường tự do vì những lợi ích sức khỏe khác. Hầu hết đường tự do được nhà sản xuất cho vào thức ăn và thức uống công nghiệp, bánh kẹo, và đường tự do cũng có trong một số loại đường tự nhiên như mật ong, sirô, nước ép trái cây.

Đường phức trong ngũ cốc nguyên hạt và rau củ đậu, trái cây nguyên quả không phải là đường tự do. Về đường và tinh bột sẽ được đề cập thêm ở một bài viết khác.

- Dùng dưới 30% tổng năng lượng thu nhận từ chất béo. Trong đó: chất béo không bão hòa (chất béo tự nhiên trong các loại hạt có dầu, trái bơ) tốt hơn chất béo bão hòa (có trong thịt béo, bơ sữa, fromage, dầu dừa, mỡ heo). Chất béo đồng phân trans (trans fat) có trong thực phẩm công nghiệp (thực phẩm chế biến sẵn đóng hộp, thức ăn nhanh, thức ăn chiên rán, bánh kẹo, snack, pizza, margarine, bơ phết...) là không tốt cho sức khỏe.

- Dùng ít hơn 5g muối (1 muỗng café muối) mỗi ngày và nên dùng muối iod.

(<http://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/healthy-diet> chữ in nghiêng trong bài viết này do tác giả diễn giải thêm vào)

Sự Khác Biệt Giữa

Vi-rút (Virus) & Vi Khuẩn (Bacteria)

SỰ LÂY LAN VÀ CÁCH PHÒNG NGỪA

V.T tổng hợp

Vi khuẩn, virus – thường được gọi chung là vi trùng, chúng ở khắp nơi, có thể tìm thấy trong không khí, thực phẩm, thực vật và động vật, trong đất và nước, trên mọi thứ bề mặt khác, kể cả cơ thể chúng ta.

Chúng ta nên biết rõ sự khác nhau giữa virus và vi khuẩn để có cách phòng và điều trị bệnh hợp lý khi bị bệnh do vi khuẩn hoặc virus gây ra.

1. VIRUS LÀ GÌ?

Virus nhỏ hơn tế bào. Trên thực tế, virus về cơ bản chỉ là những “viên nang” có chứa chất liệu di truyền là ADN hoặc ARN. Để sinh sản, virus xâm nhập vào các tế bào trong cơ thể, xâm chiếm các tổ chức làm cho tế bào hoạt động.

Virus có khả năng gây bệnh ở người lẫn động vật, thậm chí có thể “nhảy” từ một chủ thể này sang chủ thể kia. Khả năng lây lan nhanh chóng và tái tạo làm cho một số virus đáng sợ hơn, trong chừng mực nào đó virus còn được xem như vũ khí hủy diệt hàng

loạt. Một số loài như virus cảm lạnh có thể làm cho người này bị bệnh, không gây tổn hại lâu dài nhưng lại nguy hiểm đối với những người khác.

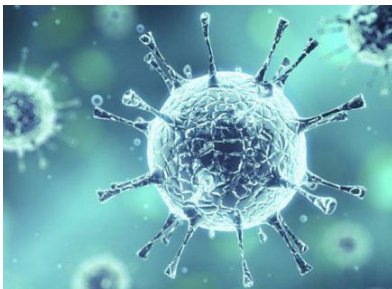
Virus có kích thước nhỏ hơn vi khuẩn. Trung bình một con virus có kích thước bằng 1/100 của một con vi khuẩn.

2. VI KHUẨN LÀ GÌ

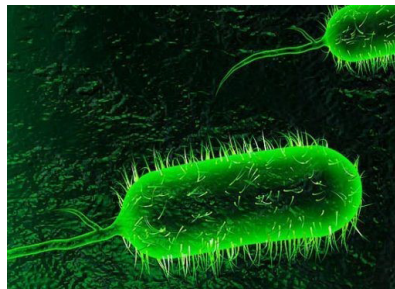
Vi khuẩn là những vật thể đơn bào và chúng có mặt ở khắp mọi nơi. Vi khuẩn không hẳn là xấu và chúng được chia làm 2 loại: vi khuẩn có lợi và vi khuẩn có hại.

Có đến 40 triệu vi khuẩn trong một gram đất và hàng triệu tế bào trong 1 mm nước ngọt, trên trái đất của chúng ta có khoảng 5×10^{30} vi khuẩn – một con số khổng lồ!

Người ta ước tính số vi khuẩn có trên thân người nhiều gấp 10 lần số tế bào của cơ thể, lên đến cỡ 100 nghìn tỷ, chiếm trọng lượng khoảng từ 1,5–2 kg. Ngày nay khái niệm microbiome được dùng để chỉ hệ vi khuẩn có trên thân người, chúng đặc trưng cho mỗi cá thể và thường ở trạng thái ổn định. Khi cân bằng này bị phá vỡ, sức khỏe thể chất và tinh thần của người này lập tức xuất hiện vấn đề.



Virus



Vi khuẩn

3. SỰ KHÁC NHAU GIỮA VI KHUẨN VÀ VIRUS?

Tính chất	Virus	Vi khuẩn
Có cấu tạo tế bào	-	+
Chỉ chứa ADN hoặc ARN	+	-
Chứa cả ADN và ARN	-	+
Chứa ribôxôm	-	+
Sinh sản độc lập	-	+
Sống ký sinh bắt buộc	+	-

(Chú thích: dấu + là Có, dấu - là Không)

- Vi khuẩn (Bacteria) – Gây viêm nhiễm nhưng diệt được

Vi khuẩn hiện diện khắp nơi trong đất, nước và ở dạng cộng sinh với các sinh vật khác. Một số là tác nhân gây bệnh và gây ra bệnh uốn ván, thương hàn, giang mai, tả, bệnh lây qua thực phẩm và lao.

Một số nhiễm khuẩn có thể lan rộng ra khắp cơ thể và trở thành bệnh toàn thân.

Bệnh do vi khuẩn lây nhiễm qua tiếp xúc, không khí, thực phẩm, nước và côn trùng.

Vi khuẩn gây viêm nhiễm nhưng diệt được mầm bệnh, bệnh do bị nhiễm khuẩn có thể trị bằng thuốc kháng sinh, được chia làm hai nhóm là diệt khuẩn (bactericide) và kìm khuẩn (bacteriostasis), với liều lượng mà khi phân tán vào dịch cơ thể có thể tiêu diệt hoặc kìm hãm sự phát triển của vi khuẩn.

- Virus – Thuốc kháng sinh vô tác dụng với virus

Virus chỉ có thể sống và phát triển được khi xâm nhập vào bên trong tế bào của sinh vật khác (người, động vật và cây cỏ) và khi ra khỏi ký chủ, vào môi trường ngoài (nước, không khí...) chúng sẽ không sống được lâu.

Ngày nay, khoa học đã phát hiện có khoảng 2.000 loài virus khác nhau, trong đó có khoảng 300 loài có khả năng gây bệnh cho người như AIDS, viêm gan B và C, sốt xuất huyết, bại liệt, bệnh dại, đậu mùa, cúm...

Khác với vi khuẩn, virus đánh vào hệ miễn dịch của cơ thể nên điều trị bằng kháng sinh không có tác dụng mà chỉ có thể chống lại bằng cách tiêm vaccin.

Riêng các loại virus gây cúm, vì chúng biến chủng rất nhanh nên vaccin chế từ virus năm này lại không hữu hiệu với cùng virus ấy cho năm tới. Vì thế các loại vaccin hiện có không ngừa được virus cúm A (H1N1).

4. TẠI SAO THUỐC KHÁNG SINH (ANTIBIOTIC) KHÔNG ĐIỀU TRỊ ĐƯỢC BỆNH DO VIRUS GÂY RA?

Do cấu tạo virus hoàn toàn khác biệt với tế bào vi khuẩn và nó không phải là một tế bào hoàn chỉnh bởi cấu tạo đơn giản hơn rất nhiều so với tế bào vi khuẩn chỉ là bộ gen (hoặc DNA hoặc RNA) bao quanh là lớp vỏ protein chứa nhiều kháng nguyên, vì vậy được gọi là “phi tế bào”.

Do cấu tạo đặc biệt đó nên bắt buộc virus phải sống ký sinh bên trong tế bào túc chủ mà nó xâm nhiễm, bởi vì virus không có hệ thống enzym hoàn chỉnh nên không thể tự tạo ra năng lượng cho mình hoặc tự sinh sôi nảy nở được.

Do đó, để tồn tại và phát triển thì virus phải xâm nhập vào trong các tế bào khác (tế bào túc chủ) và “gửi” các vật liệu di truyền của mình.

Khi vào cơ thể, áo protein bị loại bỏ, chỉ hoạt động bởi ARN hoặc ADN của nó, không có cách gì để nhận biết. Hơn nữa, kháng sinh diệt được vi khuẩn vì vi khuẩn ký sinh ngoài tế bào nên kháng sinh có thể diệt nguyên vi khuẩn, còn virus nằm trong vật chất di truyền của tế bào túc chủ cho nên nếu kháng sinh diệt virus thì đồng nghĩa với diệt cả tế bào của túc chủ (người hoặc động vật).

Vì vậy, nếu thuốc kháng sinh muốn tấn công virus sẽ phải biết chọn lọc không tấn công vào các bộ phận “tầm gửi” này (tức là không tấn công vào tế bào túc chủ) và đây thực sự là cản trở cực lớn. Hơn thế nữa, virus còn có khả năng nằm ẩn mình và nằm trong tế bào trước khi phát bệnh.

Để thay vì dùng kháng sinh không có tác dụng đối với virus, các nhà khoa học đã nghiên cứu thành công một số thuốc diệt virus dựa trên cơ sở sự hiểu biết về cấu trúc và cơ chế xâm nhiễm, nhân lên trong tế bào túc chủ của virus.

Tuy vậy, virus luôn thay đổi hình dạng và do đó luôn có khả năng kháng lại thuốc, đó là những điều bất lợi cho việc dùng thuốc tiêu diệt chúng.

5. VIRUS VÀ VI KHUẨN LÂY LAN NHƯ THẾ NÀO ?

Vi trùng có thể lây nhiễm và thâm nhập vào cơ thể bằng nhiều con đường khác nhau, nhưng chủ yếu nhất vẫn là qua tiếp xúc trực tiếp (qua da, dịch, máu...) với người đã bị nhiễm, hoặc qua một đường trung gian khác (dụng cụ dùng chung).

- Một người bị lạnh có thể lây nhiễm vi khuẩn hoặc virus bằng cách ho hoặc hắt hơi.

- Vi khuẩn hoặc virus có thể được lây lan bằng cách chạm hoặc bắt tay với người khác.

- Chạm vào thức ăn với bàn tay bẩn cũng sẽ cho phép virus hoặc vi khuẩn từ ngoài lây lan tới ruột.

- Lây qua dịch cơ thể: như máu, nước bọt và tinh dịch, có thể chứa các vi sinh vật, ví dụ bằng cách tiêm hoặc quan hệ tình dục (đặc biệt là các bệnh nhiễm trùng do virus như viêm gan hoặc AIDS).

Virus lây lan theo nhiều cách; virus thực vật thường được truyền từ cây này sang cây khác qua những loài côn trùng hút nhựa cây như rệp vừng; trong khi virus động vật lại có thể được truyền đi nhờ những côn trùng hút máu. Những sinh vật mang mầm bệnh như vậy được gọi là những vector.

Virus cúm lan truyền thông qua ho và hắt hơi. Norovirus và rotavirus, nguyên nhân chính của bệnh viêm dạ dày-ruột siêu vi, lây lan qua đường phân-miệng và truyền từ người này sang người khác thông qua tiếp xúc, cũng như xâm nhập vào cơ thể qua thức ăn hay nước uống.

HIV là một trong vài loại virus lây nhiễm thông qua quan hệ tình dục và tiếp xúc với máu bị nhiễm bệnh. Mỗi virus chỉ có thể xâm nhiễm vào một số dạng tế bào vật chủ nhất định, gọi là “biên độ vật chủ” (host range); biên độ này có thể rất hẹp hoặc rất rộng, tùy vào số lượng những sinh vật khác nhau mà virus có khả năng lây nhiễm.

Sự xâm nhập của virus trong động vật đã kích hoạt một phản ứng miễn dịch nhằm loại bỏ virus xâm nhiễm. Những

phản ứng miễn dịch cũng có thể được tạo ra bởi vaccin, giúp tạo ra miễn dịch thu được nhân tạo đối với một virus xâm nhiễm nhất định.

Tuy nhiên, một số virus, bao gồm những loại gây ra AIDS và viêm gan siêu vi, lại có thể trốn tránh những phản ứng trên và gây ra sự nhiễm bệnh mãn tính. Đa phần các chất kháng sinh không có hiệu quả đối với virus, dù vậy cũng đã có những loại thuốc kháng virus được phát triển.

6. LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRÁNH NHIỄM TRÙNG?

Rửa tay là một trong những cách dễ dàng và hiệu quả nhất để tự bảo vệ mình khỏi các vi trùng và hầu hết các bệnh nhiễm trùng. Rửa tay thật kỹ trước khi chuẩn bị hoặc ăn thức ăn, sau khi ho hoặc hắt mũi, sau khi thay tã cho trẻ em và sau khi đi vệ sinh. Khi không có xà bông và nước, các loại gel có chứa cồn có thể cung cấp sự bảo vệ. Đồng thời hãy hạn chế dùng tay cạy ngoáy mũi, lỗ tai, dụi mắt hoặc sờ lên mặt, gãi đầu... để hạn chế sự lây nhiễm của vi trùng.

- Thức ăn phải được nấu chín hoặc làm lạnh càng nhanh càng tốt.

- Rau và thịt phải được lưu giữ riêng và chuẩn bị trên thớt riêng biệt.

- Khi bị cảm cúm, hoặc hắt hơi, sổ mũi cần chuẩn bị khăn giấy, khăn cá nhân để ngăn chặn đưa virus, vi khuẩn ra ngoài môi trường. Cần luyện thói quen ho vào cánh tay áo (nếu không có khăn giấy) và khạc nhổ vào giấy vệ sinh rồi gói lại cho vào thùng rác.

- Một số sinh vật bị giết khi thức ăn được nấu chín, nhưng chúng vẫn có thể để lại các chất độc hại có thể gây ra tiêu chảy

và nôn mửa. Hạn chế ăn các thức ăn để qua đêm, vì dù đun sôi, vi khuẩn có thể chết, nhưng độc tố gây bệnh do vi khuẩn tạo ra trong thực phẩm vẫn còn.

- Việc sử dụng bao cao su trong quan hệ tình dục làm giảm khả năng lây lan bệnh qua đường tình dục.

- Giữ phong cách sống và tinh thần tốt để có hệ miễn dịch khỏe mạnh.

7. MỘT SỐ BỆNH DO VIRUS GÂY RA VÀ CÁCH PHÒNG BỆNH

Tiêu chảy do virus: Bệnh tiêu chảy mùa đông do Rota virus gây ra và thường chỉ kéo dài trong 3 - 7 ngày. Khi bị bệnh thường có biểu hiện sốt nhẹ, hơi mệt, nôn, tiêu chảy, ở trẻ em có quấy khóc... Người bệnh đi ngoài nhiều lần, phân lỏng, màu vàng chanh hoặc trắng lẫn dịch nhầy, có khi như màu hoa cà, hoa cải. Là một bệnh thông thường, nhưng nếu bị tiêu chảy kéo dài dẫn đến mất nước, mất điện giải trầm trọng có thể dẫn tới tử vong nếu không được bù nước, bù điện giải kịp thời.

Sốt do virus: Các triệu chứng sốt virus điển hình là ban đầu sốt nhẹ khoảng 38 - 38,5 độ C, sau đó bùng lên sốt cao đến 39 độ C hoặc cao hơn. Nhiều người đau họng, ho hắng nhẹ, đau nhức mình mẩy, vã mồ hôi, mệt mỏi. Thường sau 5 - 6 ngày, bệnh sẽ tự khỏi.

Về điều trị, chỉ cần dùng thuốc hạ sốt khi sốt cao, hoặc dùng các loại thuốc cảm để chữa triệu chứng đau nhức, sổ mũi, ho... Ngoài ra nên súc miệng nước muối và nhỏ mũi thường xuyên. Không nên dùng kháng sinh.

Sốt virus là bệnh dễ lây, nhất là trong gia đình và công sở, nơi

dùng điều hòa không khí. Do đó, người bị sốt virus nên hạn chế tiếp xúc với người khác, nhất là trẻ em. Nếu mệt nặng, nên nghỉ làm. Những người xung quanh nên phòng bệnh bằng cách nhỏ nước muối, ăn nhiều hoa quả giàu vitamin C và bảo vệ sức khỏe. Để cơ thể có sức đề kháng tốt cần ăn uống phong phú, đủ dinh dưỡng, ăn thức ăn dễ tiêu như cháo, súp... ngoài ra nên uống nhiều nước, nước lọc, nước hoa quả...

8. CÁCH PHÒNG NGỪA CÁC BỆNH DO VI KHUẨN VÀ VIRUS GÂY RA

Bạn cần có một phong cách sống lành mạnh, tinh thần tích cực để giúp hệ miễn dịch khỏe mạnh.

Vì khi hệ miễn dịch yếu thì vi khuẩn hoặc virus nào cũng có thể tấn công bạn.

Bạn cần thực hiện 8 điều tốt sau đây nhé:

- Ăn tốt: đủ dinh dưỡng, cân bằng, hợp lý, tươi, sạch, an toàn,
- Uống đủ nước và đúng cách.
- Ngủ tốt: ngủ đúng giờ, phòng thoáng khí, đông ấm, hè mát, ngủ sâu giấc.
- Tập tốt: Tập thể dục và vận động hàng ngày, để thúc đẩy quá trình trao đổi chất và đào thải độc tố.
- Nghĩ tốt: suy nghĩ tích cực, lạc quan, để có sức khỏe tinh thần tốt.
- Môi trường sống tốt: xanh, sạch, đẹp.
- Học tốt: học các kiến thức chăm sóc, bảo vệ và phòng bệnh mỗi ngày.
- Làm tốt: Làm tốt công việc của bạn để có tài chính tốt đảm bảo cho bản thân và gia đình.

ĐỌC BÁO

Bí mật trường thọ của hòn đảo có tới 1/3 dân số trên 90 tuổi

Phong Hiếu sưu tầm



Vào một buổi chiều nắng đẹp trên hòn đảo Ikaria – Hy Lạp, cụ Ioanna Proiou với mái tóc bạc trắng cùng cặp kính trên sống mũi luồn đôi bàn tay đầy vết đồi mồi của mình qua những cuộn len căng trên khung cửi, rồi kéo chiếc đòn bẩy này qua lại. Đây là công việc thường ngày mà cụ Proiou đã làm trong suốt 90 năm qua.

Từ khung cửri này, cụ Proiou đã dệt nên những chiếc túi vải và mảnh vải lưu niệm để bán trong cửa tiệm nhỏ của mình ở Christos Raches, một ngôi làng nhỏ chỉ với 300 dân cư trên đảo Ikaria.

Với một sự di chuyển khá duyên dáng của đôi tay trên khung cửri, cụ Proiou cho biết mình vẫn còn rất yêu nghề này dù tuổi đã cao.

“Hãy làm việc gì đó trong đời mà chúng có thể đánh thức đam mê của bạn. Khi chồng tôi mất cách đây vài chục năm, tôi vẫn tiếp tục làm những gì mà mình yêu thích. Sau này có người đã cầu hôn tôi nhưng tôi từ chối. Tôi đã kết hôn với chiếc khung cửri này mất rồi”, bà Proiou nói.

Không xa cửa hàng bán túi của bà Proiou là quảng trường chính của làng Christos đầy thanh bình và yên ắng. Những quán cà phê tại đây mở cửa dưới những tán cây còn người dân ngồi nói chuyện đầy vui vẻ trước cửa các ngôi nhà xung quanh.

Những cửa hàng tại đây mở hoặc đóng cửa không theo giờ giấc nào. Thậm chí nhiều cửa hiệu chẳng có nhân viên tính tiền, người dân cứ vào lấy thứ họ muốn mua và để tiền lại theo đúng bảng giá.

Vậy tại sao Ikaria lại có một cuộc sống yên bình đặc biệt đến vậy?

Nguyên nhân rất đơn giản, khoảng 1/3 dân số của hòn đảo này trên 90 tuổi và phần lớn người dân tại đây khá trường thọ. Cùng với khu vực Sardinia–Italy, Nicoya–Costa Rica, Okinawa–Nhật

Bản và Loma Linda–California Mỹ, hòn đảo Ikaria của Hy Lạp là một trong những nơi có tỷ lệ người sống thọ cao nhất thế giới, hay còn gọi là “Vùng Xanh” (Blue Zone).

Các nghiên cứu cho thấy một chế độ ăn uống hợp lý cùng thói quen sống lành mạnh đã giúp người dân nơi đây sống lâu hơn các khu vực khác. Ngoài ra, các chuyên gia y tế cùng những nhà nhân chủng học cũng cho rằng mối liên kết huyết thống chặt chẽ cùng niềm tin cộng đồng mạnh mẽ cũng giúp cho người dân nơi đây sống hòa thuận và trường thọ hơn.

Những người dân Ikarian cố gắng sống gần gũi với gia đình và làng xóm, trong khi người già đóng vai trò khá lớn trong cộng đồng. Họ thường xuyên chăm sóc trẻ nhỏ và giúp gia đình điều hành công việc kinh doanh riêng như bà Proiou. Tuy nhiên, người phụ nữ hơn 90 tuổi này cho biết không nên quá ganh tỵ với cuộc sống, và chính tình yêu với dệt vải mới là những thứ khiến bà sống lâu.

“Đừng đòi hỏi nhiều hơn những gì bạn cần. Nếu bạn ganh ghét người khác, chúng chỉ đem lại một mệt mỏi cho bản thân”, bà Proiou nói.

Trong khi đó, bác sĩ nghỉ hưu 81 tuổi Christodoulos Xenakis tại hòn đảo này lại có quan điểm khác về việc làm thế nào người dân Ikaria tránh được những nỗi lo lắng không cần thiết trong cuộc sống để trường thọ.

“Chẳng có ai đặt lịch hẹn nhau ở đây cả. Kiểu như tôi có thể gặp lại bạn vào buổi sáng, trưa hay chiều đều được. Chẳng ai quan tâm cũng như cảm thấy áp lực gì”, ông Xenakis nói vậy khi phóng viên của hãng tin BBC phải khá vất vả mới hẹn gặp được người đàn ông này.



Nguyên nhân chính của tình trạng này là mọi người dân Ikaria đều theo đuổi đam mê của mình và không bị áp lực mấy với những vấn đề xung quanh. Bản thân ông Xenakis cũng đang thực hiện dự án Ikaria Senuior Regatta, một cuộc thi đua thuyền mà thuyền trưởng phải từ 70 tuổi trở lên.

“Mấu chốt của dự án không phải là vấn đề thắng thua mà là để chứng tỏ những người già chúng tôi vẫn đủ khả năng để làm công việc như vậy... Bạn luôn có thể làm gì đó với quỹ thời gian của mình nhưng nếu công việc đó khiến bạn hạnh phúc hoặc người khác hạnh phúc thì làm sao bạn không cảm thấy tốt đẹp và sống lâu hơn được chứ?”, ông Xenakis tự hào nói.

NGUỒN: [HTTP://CAFEbiz.VN/BI-MAT-TRUONG-THO-CUA-HON-DAO-CO-TOI-1-3-DAN-SO-TREN-90-TUOI-20180608095027801.CHN](http://cafebiz.vn/bi-mat-truong-tho-cua-hon-dao-co-toi-1-3-dan-so-tren-90-tuoi-20180608095027801.chn)

CA CỔ

PHƯỚC HUỆ SONG TU

Đạt Thật

THƠ

Cảm thương nguyên vị lạc đường mê,

Xuống thế tùy cơ độ trở về,

Phước huệ song tu gìn vẹn phận,

Mới mong trở lại cựu nhàn quê.¹

LÝ CÁI MƠN

Đời hạ nguơn chìm trong tăm tối,

Ánh sáng linh quang bủa tràn khắp nơi trần gian,

Quyết tâm tu vượt thử thách pháp thân nhẹ nhàng.

Hành tam công tháng ngày chẳng ngơi,

Tinh tấn tu trong hiền lương,

Trên dưới cùng thực hiện tình thương.

VỌNG CỔ

1. Người tu hành trong thời Tam Kỳ Phổ Độ là một thí sinh tuyển chọn, là những bậc nguyên nhân thượng giới... lâm... phạm.

Công quả công phu mau sớm nên làm.

1. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

Mới mong đạt đến thành công đặc quả, nhưng bằng tâm tánh vẫn còn muội mê.

Say đắm cõi hồng trần vì lợi vì danh, ắt bị nhờn đục kéo lôi trì níu.

Phải chịu sa đọa nơi chốn trần la, giây phút sau cùng vương vòng nghiệp quả.

THƠ

Người tu niệm xét suy cho kỹ,

Một kiếp người bền bỉ bao năm,

Quả công tua sớm nên làm,

Đó là vốn liếng muôn năm cõi Trời.²

2. Công trình trợ giúp bồi bổ công phu, công quả nền tảng đường tu vững vàng.

Tam công đầy đủ sau trước nhịp nhàng.

Đạo đời tương đắc giờ nào việc đó, nhân sinh ổn định tiến hóa tâm linh.

Tạo thế chân vạc nhân bản an lạc, tiến bộ trên đường lập công bồi đức.

Thực hành công phu công trình công quả, tạo thuyền Bát Nhã cho mình mai sau.

THƠ

Trên Thượng Đế mở tràng ân xá,

Cho nhân loài tiến hóa lần lên,

Công trình công quả làm nền,

Công phu tu luyện cho nên thánh hiền.³

2. Đức Quan Âm Bồ Tát, Hườn Cung Đàn, 15 - 5 Ất Tỵ (14-6-1965).

3. Đức Lê Đại Tiên, Vĩnh Nguyên Tự, 01-6 Giáp Dần (19-7-1974).

VỌNG CỔ

5. Người tu hành chân chính xem tiền tài như phấn thổ, phú quý như mây bay gió thoảng, công danh như nước chảy...qua...cầu.

Trọn một kiếp tu chiếm bảng ngao đầu.

Đại ân xá kỳ ba là cơ hội hi hữu, bảy trăm ngàn năm có một không hai.

Những thành bại trong kiếp sống hiện tại, nơi cõi hậu thiên trong trường đối đãi.

Quấn quanh hiện tượng trong vòng nhân thế, cố gắng tam công cho được vẹn tròn.

LÝ CHÂU GIANG

Bao tâm hồn, bao tâm hồn hân hoan,

Giữ quả công trắng trong rạng ngời.

Ngày đêm công trình gắng gìn công phu,

Tình nghĩa thiêng liêng tháng năm không nhạt,

Tâm thành kính dâng, sanh chúng nguyện cứu an.

(TRỞ VỀ VỌNG CỔ)

6. Sá gì chút nghiệp nơi miền trần hạ, mà không xây dựng nước non thanh bình.

Là môn đệ Cao Đài Thượng Đế,

Phải dọn lòng phước huệ song tu,

Ấy là công quả công phu,

Thương người mến vật vậ trừ nội tâm.⁴

NGỌC ĐIỆN HUỲNH HÀ, 12-6 MẬU TUẤT (24-7-2018)

4. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-12 Mậu Ngọ (27-01-1979).

TRANG GIA CHÁNH

đậu hủ Tứ Xuyên

Hồng Tuyết

NGUYÊN LIỆU

Cho 4 người ăn

- 2 miếng đậu hủ tươi
- 200gr nấm rơm
- 50gr nấm đông cô tươi
- 1 trái ớt chuông xanh hoặc đỏ
- hạt nêm, đường, nước tương, dầu hào, sốt cà chua.
- 5gr tiêu xanh
- 3 củ hành tím (hoặc boa-rô)

CÁCH LÀM

Nấm rơm và nấm Đông cô rửa sạch, cắt hạt lựu; Ớt chuông cắt hạt lựu; Hành tím băm nhỏ. Đậu hủ cắt miếng vuông vừa ăn;

Bắc nồi khoảng 1 lít nước, cho 1 muỗng cà phê muối, đợi nước sôi cho đậu hủ vào luộc từ 5 đến 7 phút, tắt lửa vớt ra rổ, để cho ráo nước.

Đặt chảo lên bếp, cho 3 muỗng súp dầu ăn, dầu nóng cho hành tím băm vào xào cho thơm. Cho nấm vào xào, thêm 1 muỗng súp hạt nêm, 1/2 muỗng súp đường, 2 muỗng nước tương, 2 muỗng

dầu hào, sốt cà chua, xào đều cho thấm gia vị; cho ớt chuông và 1 chén nước vào.

Kế cho đậu hủ vào trộn nhẹ tay để đậu hủ không bị bể. Cuối cùng cho tiêu xanh vào, nêm gia vị tùy theo ý thích của mỗi người.

Đây là món ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, dùng với cơm trắng rất ngon.



Theo dòng Đạo sự

Thanh Hiền

08/4 MT (22/5/2018): Phái đoàn Ngoại Giao Vụ Cơ Quan dự lễ Phật Đản tại Thánh thất Bình Hòa.

14/4 MT (28/5/2018): Đạo trưởng Đạt Trí, đạo huynh Thiện Chí dự Đại lễ Phật Đản Phật lịch 2562 tại chùa Vạn Thọ.

Cùng ngày, phái đoàn Ngoại Giao Vụ dự Đại lễ kỷ niệm 63 năm ngày thành lập Cao Đài Việt Nam Lương Hòa Lạc (Tiền Giang).

27/4 MT (10/6/2018): Thánh tịnh Lục Diện Đờ Thơ (Bến Tre) tổ chức lễ kỷ niệm 18 năm lạc thành ngôi Tam Đài và An vị các ngôi thờ nơi Thiên Phong Đường.

08/5 MT (21/6/2018): Phái đoàn Ngoại Giao Vụ dự lễ kỷ niệm lạc

1



thành lần thứ 22 Thánh tịnh Tân Minh Quang (Gò Vấp) (hình 1).
10/5 MT (23/6/2018): Thánh tịnh Ngọc Minh Đài tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 84 ngày thành lập.

13/5 MT (26/6/2018): Thánh thất Tân Định tổ chức lễ Kỷ niệm đệ lục chu niên ngày lạc thành ngôi Tam Đài và liên giao hành đạo.

Cùng ngày, đạo tử Diệu Thuận dự Đại hội Đại Biểu những người Công giáo Việt Nam Quận 1 xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, nhiệm kỳ 2018–2023, tại 50–52 Nguyễn Đình Chiểu Q.1.

18/5 MT (01/7/2018): Đại lễ kỷ niệm 79 năm ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ khai đạo Phật Giáo Hòa Hảo được tổ chức tại Hội trường Nhà hàng Kim Thanh số 1 đường Đồng Nai, P.15, Q.10, TP.HCM.

19/5 MT (02/7/2018): Phái đoàn Ngoại Giao Vụ dự lễ diễu tang đạo tử Hương Quận, Phó Đầu Họ Đạo Thánh thất Bình Hòa.

09/6 MT (21/7/2018): Lễ khánh thành ngôi Tam Đài Thánh tịnh Phương Quế Ngọc Đài (Long An) (hình 2).



2

10/6 MT (22/7/2018): Phái đoàn Ngoại Giao Vụ dự lễ kỷ niệm Đệ Thất chu niên ngày lập thành ngôi Tam Đài Thánh tịnh Tinh Quang Đẩu (Củ Chi) (hình 3).

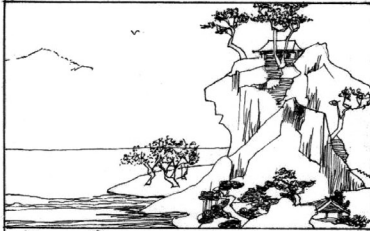
19/6 MT (31/7/2018): Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo trân trọng tổ chức lễ kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Quan Âm Bồ Tát – Nhị Trấn Oai Nghiêm ĐĐTKPĐ – trùng dụng lễ kỷ niệm 28 năm thành lập Phòng Khám bệnh Phước thiện Cơ Quan. Trong buổi lễ, Giáo sĩ Thanh Bình thuyết trình đề tài: “Tìm hiểu lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát: ‘Một tấc quang âm một tấc vàng’”.

24/6 MT (05/8/2018): Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 85 năm thành lập Thánh tịnh trùng dụng lễ kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân. Nhân dịp này, đạo tử Diệu Nguyên – Nội Chánh Vụ Phó Cơ Quan – được mời thuyết trình đề tài: “Sống lại tinh thần đạo đức bất biến”.

3



Ngài Ngô Văn Chiêu: Môn đệ



VỪA THIÊN-DÌNH Ở SÀI-GÒN, VỪA GIANG CỐ Ở CẦN THƠ, SỰ KIỆN NÀY CHỨNG TỐ NGŨ THIÊN BỒI ĐÁ ĐẮC ĐẠO TẠI THẾ. NGÀY MÙNG 5 THÁNG 3, TRỞ THÀNH LỄ KỶ NIỆM NGÀY HIẾN ĐẠO CỦA NGŨ THIÊN BỒI



THỨA THẦY, CON XIN ĐƯỢC THEO THẦY HỌC PHÁP VÔ Y

PHẢI CÁN ĐÀM VÀ ĐẾN CHỖ TRƯỞNG TRẠI TỰ ĐỨC, YA LẬP ĐẠI THẾ ĐẠI NGUYÊN VỚI ĐỨC THƯỜNG ĐỀ



THỨA THẦY, CON ĐẾN TỪ PHUNG-HIỆP, CÁN THƠ, CON ĐƯỢC BIẾT CÓ NHIỀU NGƯỜI XIN THỌ PHÁP, NHƯNG THẦY LỰA RẤT KỸ

TÔI TỰ ĐÃ ĐƯỢC GẦN 10 NĂM, NHƯNG CHỈ CÓ KHOẢNG BA MƯỜI ĐỆ TỬ, PHÂN NHIỀU Ở TIỀN GIANG VÀ HẬU GIANG

THÁNG TƯ, 1930



THÁNG 12/1931, TIỀN BỒI NGHỈ VIỆC, LƯU VỀ CẦN THƠ, NHÀ MÔN SANH LÝ TRONG QUÝ



ÔNG PHÁN QUY THEO HỌC PHÁP ĐÃ LÂU, LÀ MỘT TRONG MƯỜI BA ĐỆ TỬ ĐƯỢC THƯỜNG ĐỀ ĐIỂM DANH 2/1926 «...BÀN ĐẠO KHAI SANG QUÝ GIANG THANH...»

ĂN TỰ NƠI MIỀN GAO TRẮNG-NƯỚC TRONG, TIỀN BỒI NGHIỆM CÁN HÀNH THIÊN YA GIANG PHÁP...

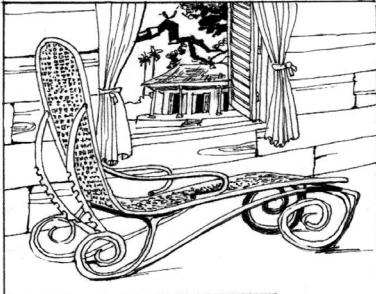


GHE NGỒI THIÊN TỈNH

NGOÀI GIỜ CÔNG PHU, TIỀN BỒI CỨNG NGỒI NGAY CÁ KHI NGỦ...

Lời: Bửu Long - Vẽ: Cọ Trắng

đầu tiên của Cao Đài (kỳ 11)



GHẾ NGỒ CỦA NGƯỜI TIỀN ĐỜI



TỪ NAY VỀ SAU, TÔI LÊ PHỤC ĐẾN CÁCH SẮP ĐẶT THỜ CUNG PHẢI GIỮ NHƯ QUY CỨ, ĐẶT ĐI ĐẮT DỊCH

ĐẠ, THƯA THẦY



THƯA THẦY, CON XIN HỎI VỀ CHỮ CỦA HAI CẦU LIÊN TRÊN BÀN THỜ

BÊN TÀ, LÀ "PHÁP LUÂN THƯỜNG CHUYỀN" BÊN HỮU LÀ "PHẬT NHẬT TĂNG HUY"

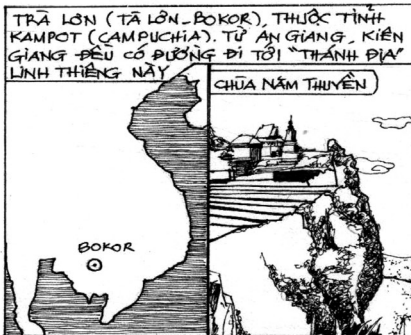


TÔI MUỐN ĐI THĂM TRÀ LỚN LẦN NỮA

ĐẠ, THƯA THẦY

Tháng 3/1932

ÔNG PHÁN QUY



TRÀ LỚN (TÀ LỚN - BOKOR), THUỘC TỈNH KAMPOT (CAMPUCHIA). TỪ AN GIANG, KIẾN GIANG ĐỀU CÓ ĐƯỜNG ĐI TỚI "THÀNH ĐỊA" LINH THIÊNG NÀY

CHÙA NĂM THUYỀN

BOKOR



THÁC POPOKYL TRÊN ĐỈNH TRÀ LỚN

TƯỢNG THÁNH NỮ YA MAO

(CÒN TIẾP)

**PHƯƠNG DANH QUÝ ĐẠO TÂM CÔNG QUẢ ẨN TỔNG
CAO ĐÀI GIÁO LÝ VÀ THÁNH GIÁO SƯU TẬP 1965-1974**

1. Đạo tâm Liên Anh	50.000đ
2. Đạo tâm Võ Thị Hạnh	50.000đ
3. Ẩn danh - TT Chợ Lớn	500.000đ
4. Đạo tâm Hương - TT Chợ Lớn	200.000đ
5. Đạo tâm Nguyễn Thị Bi (thân mẫu ĐT Lê Thị Thơi)	4.000.000đ
6. Đạo trưởng Đạt Trí	500.000đ
7. Cố Đạo tâm Thiện Trung	1.400.000đ
8. Đạo tâm Nguyễn Đình Tuyền - TT Trung Dương	200.000đ
9. Đạo Tâm Nguyễn Thị Em	200.000đ
10. Đạo tâm Nguyễn Thị Thanh Tùng	500.000đ
11. Đạo tâm Nguyễn Thị Ngọc Nhân	100.000đ
12. Đạo tâm Phạm Thị Mãnh	100.000đ
13. Đạo tâm Phạm Thị Thới	100.000đ
14. Gia đình Trần Minh Nguyệt	300.000đ
15. Cố Đạo tâm Nguyễn Văn Hiếu	400.000đ
16. Đạo tâm Phùng Thị Hoa	200.000đ
17. Đạo tâm Võ Đăng Vui	20.000.000đ
18. Đạo tâm Thanh Vân	500.000đ
19. Đạo tâm Cao Triều Trung Nhứt	12.000.000đ
20. Ông bà Tùng & Yến Bùì	200USD
21. Đạo tâm Cao Triều Trung Nhì	20.000.000đ
22. Đạo tâm Cao Triều Trung Tam	20.000.000đ
23. Đạo tâm Cao Triều Trung Tứ	20.000.000đ
24. Đạo tâm Cao Triều Trung Ngũ	20.000.000đ
25. Đạo tâm Cao Triều Trung Lục	8.896.000đ

26. Đạo tâm Xuân Diệu	500.000đ
27. Đạo tâm Nguyễn Văn Hoa	100.000đ
28. Đạo tâm Ấn danh	10.000.000đ
29. Đạo tâm Ấn danh	5.000.000đ
30. Đạo tâm Huỳnh Văn Minh	200.000đ
31. Cổ Đạo tâm Dung Ngọc	200.000đ
32. Đạo tâm Lâm Thị Kim Tuyến	1.000.000đ
33. Đạo tâm Mỹ Lan	1.000.000đ
34. Đạo tâm Đạt Chánh – Thúy Liễu	500.000đ
35. Đạo tâm Nguyễn Thanh Tùng	600.000đ
36. Đạo tâm Nghi Dung	1.000.000đ
37. Cổ Đạo tâm Mai Thị Hạnh	400.000đ
38. Đạo tâm Võ Thị Mỹ Uyên	500.000đ
39. Đạo tâm Lê Thị Thanh Loan	100.000đ
40. Đạo tâm Lê Thị Quỳnh Như	200.000đ
41. Đạo tâm Phan Hoàng Phương Thảo	100.000đ
42. Đạo tâm Nguyễn Thị Hồng Phượng	200.000đ
43. Đạo tâm Phùng Thị Hoa	100.000đ
44. Đạo tâm Ấn danh	75.000đ
45. Đạo tâm Lê Thị Dung	200.000đ
46. Đạo tâm Lê Văn Lạc	100.000đ
47. Đạo tâm Lê Thanh Tâm	100.000đ
48. Đạo tâm Lê Hồng Xuân	100.000đ
49. Cổ Đạo tâm Mai Thị Hạnh	100.000đ
50. Đạo tâm Hùng Minh	200.000đ
51. Đạo tâm Lê Huỳnh Hoa	100.000đ
52. Đạo tâm Nguyễn Hoàng Thiên Bảo	100.000đ
53. Đạo tâm Ấn danh	7.300.000đ

54. Gia đình Đạo tâm Lâm Thị Mai Trinh	100USD
55. Đạo tâm Ân danh – Thạnh Phú, Bến Tre	300.000đ
56. Đạo tâm Lê Thị Thanh Phượng – TT Đô Thành	300.000đ
57. Nguyễn Đình Tuyền – TT Trung Dương Đà Lạt	100.000đ
58. Cố Đạo tâm Võ Thành Tư	200.000đ
59. Cố Đạo tâm Mai Thị Bền	200.000đ
60. Gia đình Đạo Tâm Phan Gia Quang Trung	400.000đ
61. Đạo tâm Phan Vũ Hậu Trung	100.000đ
62. Đạo tâm Nguyễn Thị Ngọc Trân	200.000đ
63. Đạo tâm Lê Thị Thanh Loan	100.000đ
64. Gia đình Đạo tâm Hồng Dung	2.000.000đ
65. Cố Đạo tâm Nguyễn Thị Chích	500.000đ
66. Đạo tâm Liên Anh – TT Đô Thành	100.000đ
67. Tịnh viên TTi Nguyệt Thanh Quang	400.000đ
68. Đạo tâm Phùng Thị Ngọc Diệp	100.000đ
69. Đạo tâm Nguyễn Đăng Ba Hữu	100.000đ
70. Đạo tâm Lê Thị Hồng Phương	100.000đ
71. Đạo tâm Nguyễn Văn Thanh Hải	2.000.000đ
72. Đạo tâm Mai Văn Út – Thiên Cảnh Đàn	200.000đ
73. Lễ Sanh Hương Năm – Ngọc Điện Đàn	250.000đ
74. Đạo tâm Ngô Văn Liêm – Ngọc Điện Đàn	250.000đ
75. Gia đình Đạo tâm Nguyễn Đình Tuyền	200.000đ
76. Đạo tâm Chí Tâm	500.000đ
77. Cố Đạo tâm Hoàng Vân	200.000đ
78. Đạo tâm Võ Thị Chi	200.000đ
79. Đạo tâm Trần Minh Tường	200.000đ
TỔNG CỘNG:	169.471.000đ
	300 USD



SÁCH ẤN TỔNG
KHÔNG BÁN